



tuyển tập : các nhà văn Á châu
đầy đủ các mục thường xuyên



SỐ 173

tuyển truyện “Gió Đông”

tập san VĂN

số 173



Paris * 03.2025

***Bìa: tranh vẽ "Người phu trạm"
của Nhật Bản - trích báo Time
Nguồn: Thư viện Tiểu Lùn***

tập san VĂN **số 173**

Tập san Văn * Năm thứ tám
Số 173 ra ngày 01-3-1971

Độc trong số này

*** TUYỂN TRUYỆN “ GIÓ ĐÔNG ”**

1. Annanda Sanka Ray 10

Nhà văn Ấn Độ - *Bay đi và đuổi theo*
Lê Huy Oanh dịch

2. Kwang Yong Chun 87

Nhà văn Đại Hàn * *Người hành quyết*
Mai Dzam dịch

3. Daw Mi Mi Khaing 119

Nhà văn Miến Điện * *Một vị tiểu vương qua đời* - Lê Huy Oanh dịch

4. Oe Kenzaburo 171

Nhà văn Nhật Bản * *Công việc điệu kỳ*
Vũ Thư Thanh dịch

5. Gunnadasa Amarasenkarā 215

Nhà văn Tích Lan * *Về thăm chốn cũ*
Lê Huy Oanh dịch



Tòa soạn và Trị sự : 38, Phạm
Ngũ Lão, Saigon. Đ.T.: 23.595

Tập san xuất bản do nghị định số 64/
BTT/NĐ, ngày 4/12/1963

* Chi phiếu đề tên ông Nguyễn Đình
Vượng (chủ nhiệm kiêm chủ bút)

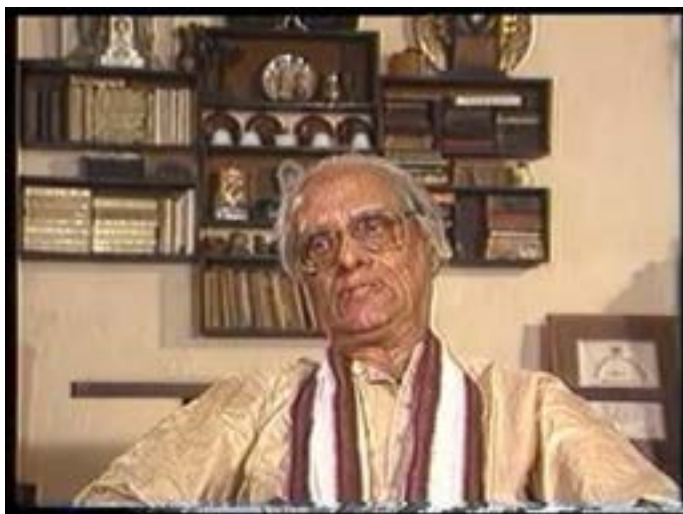
* Thư từ, bản thảo, đề tên ông Trần
Phong Giao (thư ký tòa soạn)

* Giao thiệp trực tiếp : ông Gia Tuấn
(phụ tá thư ký tòa soạn)

* In tại nhà in riêng của báo VĂN.

* Quản lý : Cô Nguyễn thị Tuấn.

ANNADA SANKAR RAY BAY ĐI VÀ ĐUỔI THEO



Annada Sankar Ray là một nhà văn Ấn Độ. Ông sinh năm 1904 tại Dhenkanal thuộc tiểu bang Orissa, Ấn Độ. Ông bắt đầu viết văn từ năm 16 tuổi khi cộng

tác với những tạp chí bằng tiếng Bengali và tiếng Origa. Sau đó, ông nổi danh với Pathe Prabase, một tác phẩm đăng từng kỳ mà tài liệu viết được rút từ kinh nghiệm những chuyến du lịch của ông sang Âu châu. Cuốn Tarunya (Tuổi trẻ) là tác phẩm đầu tiên của ông, bằng tiếng Bengali, được in thành sách (1928). Ông cũng đã cho xuất bản – thành sáu tập – tác phẩm Satyasatsa (Chân và Ngụy) một cuốn tiểu thuyết có nội dung hùng mạnh, cùng với những bài luận thuyết và thơ. Truyện ngắn dưới đây của ông, *Bay đi và đuổi theo*, được viết vào năm 1963 bằng tiếng Bengali. Truyện này được vợ ông là Lila Ray dịch sang Anh ngữ, nhan “Flight and Pursuit”. Chúng tôi phiên dịch truyện này sang Việt ngữ theo bản Anh ngữ vừa kể. Tất cả những chú thích đều là của dịch giả bản Việt ngữ.

Ông hiệu trưởng đang chơi bi-a với bác ghi điểm. ông đã đưa một đường dính dây tuyệt hay. Tối hôm ấy, tại câu lạc bộ, không có ai khác, chỉ có bác ghi điểm để ca tụng ông.

– Khá quá, thưa ngài! Tuyệt lắm! Quả thật số dách!

Bác ghi điểm, với nụ cười trên môi, khen ngợi ông. Y hỏi lấy chiếc “cơ¹” dùng miếng phấn cọ xát vào đầu cơ.

– Tại sao hôm nay ông thẩm phán tới trễ thế nhỉ?

Ông hiệu trưởng hỏi câu đó tới lần thứ ba.

1 Cơ: cây gậy thọc banh. Tiếng Anh gọi là cue, Pháp là queue. Tiếng cơ của Việt nam là phiên âm chữ queue của Pháp (Chú thích của người dịch)

– Cháu e rằng ông thẩm phán không thể tới hôm nay được.

Bác ghi điểm trả lời, và không đợi câu hỏi tiếp sau của ông hiệu trưởng, bác nói thêm:

– Đó là một vụ án sát nhân rất ghê gớm, thưa ông đốc.

Tin đó không khiến ông hiệu trưởng ngạc nhiên, nhưng ông ta mất thích thú trong cuộc chơi. Viên thẩm phán hẳn sẽ không tới. Liệu ông có thể chơi với bác ghi điểm được bao lâu nữa. Bác ta hình như đã quyết định nhường cho ông thắng. Nhưng cú dính dây này của ông đã không do sự sắp đặt của bác ta mà có, Tuy vậy, những khi chơi với viên thẩm phán, rất ít khi ông đưa được những đường banh như vậy.

Đến lượt bác ghi điểm. Bác này đã từng chơi bi-a từ lúc còn nhỏ tuổi và giờ đây bác đã trở thành một tay chơi chuyên môn. Bác chỉ cần khế động đầu gậy vào trái banh trắng, một cách chậm chạp uể oải, ấy thế là trái banh hẵn sẽ bắt đầu lăn đi một cách vững vàng và nhẹ nhàng trên mặt thảm. Đích nhắm của bác rất rõ ràng. Bác có thể đưa những đường lượn, những đường ra vào và những cú đôi tùy theo ý thích. Nhưng bác dụng ý giữ mức điểm của mình thấp hơn. Sách lược của bác không phải là hạ ông hiệu trưởng. Bác cố ý giữ vẻ kém hơn một cách rất khéo léo.

Ông hiệu trưởng thường thắng khi chơi với bác ghi điểm nhưng ông chẳng thấy phẫn khởi chút nào mỗi khi thắng. Tối hôm đó, ông chơi lâu thêm một lát nữa và giữ khư khư lấy cây gậy. Bác ghi

điểm rất muốn về sớm. Bác cố nở một nụ cười, và nói:

– Thưa ngài, thật đáng tiếc quá, bữa nay quan thẩm phán không tới. Thưa ngài, ngài muốn dùng thứ giải khát gì để cháu đi lấy.

Ông hiệu trưởng thấy khát.

– Nước lọc. Ông ta nói.

– Dạ được, thưa ngài.

Bác ghi điểm cúi mình tuân lệnh rồi bỏ đi.

Tiếng xe hơi bên ngoài khiến bác lưu ý. Bác chạy vội ra phía xe.

– Chào ông đốc.

– Chào ông thẩm phán.

Hai ông cùng giơ bàn tay ra. Cả hai

đều hài lòng. Bác ghi điểm tỏ vẻ vui mừng hơn, nhưng thật tình bác ta thất vọng. Bây giờ thì chẳng còn hy vọng về sớm nữa. Ông thẩm phán và ông hiệu trưởng bắt đầu chơi, hẵn bác chẳng thể về trước chín giờ. Hẵn bác sẽ phải đứng chực một bên để mà reo lên “Tuyệt quá!” rồi lại chạy vòng sang bên kia mà hô “Hay lắm!” Hẵn là thỉnh thoảng bác lại phải lấy phần cạo mũi cơ cho họ. Và hẵn là mỗi khi họ hỏi ý kiến bác, bác lại phải gạ cho họ. Khi họ bất đồng ý kiến với nhau, bác phải đóng vai trọng tài. Cứ chừng nửa giờ bác lại phải cúi mình xuống mà hỏi:

– Thưa, ngài uống gì để tôi lấy?

Rồi chạy đi lấy đồ giải khát theo ý muốn của họ.

Ông thẩm phán và ông hiệu trưởng chọn cơ và gọi:

– Này, anh Tư.

Bác ghi điểm chạy ra, cúi đầu nghe lệnh. Ông nọ chỉ ông kia, đồng thanh nói:

– Hỏi ông ấy.

Bác ghi điểm khốn khó đâm ra phân vân, lưỡng lự. Nếu hỏi ông thẩm phán trước thì hẳn rõ ràng là đối với bác ngôi vị ông hiệu trưởng cao hơn ngôi vị ông thẩm phán.. Còn nếu hỏi ông hiệu trưởng trước thì lại có vẻ rõ ràng là bác định ngôi vị ông thẩm phán cao hơn. Bác làm công việc này từ lâu rồi. Người ta chẳng dễ gì truất nổi công việc này của bác. Bác không muốn làm phật ý ai cả. Tất cả các con trai, con rể và cháu bác đều có công ăn việc làm tốt đẹp nhờ ở các vị quan thầy của bác. Không đứa nào thất nghiệp cả. Trong vòng hai tháng nữa, ngay khi

mùa mát chấm dứt, tòa án hẳn sẽ tuyển một người kéo quạt. Lúc đó há bác chẳng phải chạy tới ông thẩm phán để xin cái công việc đó cho một người thân của bác hay sao?

Ông hiệu trưởng hẳn là người học rộng biết nhiều và bất cứ ở đâu học thức cũng là điều đáng kính trọng. Bác ghi điểm biết điều đó. Nhưng ông thẩm phán lại là người có quyền trừng phạt. Nếu ông ta muốn, ông ta có thể ra lệnh treo cổ một người. Trong số những người ngồi xử án, ông là người có tầm quyết định quan trọng nhất.

– Thưa, ngài dùng gì để tôi lấy.

Bác quay lại hỏi ông hiệu trưởng.

– Chanh đá. - ông hiệu trưởng nói và cười thành tiếng. Việc này đã diễn ra đúng như diễn ông nghĩ.

Ông thẩm phán nói: – Gin².

Rồi hai người chú ý chơi. Họ chỉ nói với nhau về những đường banh của họ. Khi nào họ bất đồng ý kiến, họ gọi bác ghi điểm lại. Ý kiến của bác này có uy lực và sự phân xử của bác thì vô tư, không thiên vị vì nể sợ ai cả. Bác cũng có qui luật của bác. Cứ nhìn bác người ta cũng đủ thấy bác là người có lương tâm trong vai trò của mình. Hẳn bác không làm trái với lương tâm. Mặc dầu lương tháng của bác chỉ là một phần trích ra từ lương của ông thẩm phán, nhưng hẳn bác cũng chẳng giúp ngay cả cho ông thẩm phán thắng cuộc bằng những cách thức không đẹp. Tất cả các vị có quyền thế đều e sợ không dám đưa bác vào con đường tà khuất. Nếu bác ta bỏ không giữ công việc này nữa, thì hẳn là họ không

² Gin: một thứ rượu mạnh.

thể kiếm được người nào khác cũng am hiểu môn chơi này như bác.

Tối hôm đó, cuộc chơi không được hào hứng. Tâm trí ông thẩm phán có vẻ như để đâu đâu. Gậy của ông đi lệch hoai, hoặc là banh của ông không trúng đích. Bác ghi điểm tính điểm. Ông thẩm phán rùng mình khi nhìn vào bảng điểm: dưới hai mươi: “Xui quá!” - ông ta nói và bỏ cuộc.

– Sao vậy, Sur? - ông hiệu trưởng thắc mắc. - Ông anh chơi hờ hững quá mà.

– Thôi mà, nói làm gì, Maitra à.

Ông thẩm phán trả lời, trông ông có vẻ nhột nhạt.

– Làm sao có thể chơi được khi có một mạng người sắp tận trên giáo đài?

Chỉ nhà giáo các ông là những người tâm trí thành thoi để mà vui chơi thoi. Các ông là những người may mắn.

Ông hiệu trưởng cãi lại:

– Bất cứ ai đều có thể lên án treo cổ một người nào đó - ông hiệu trưởng nói - nhưng liệu có bao nhiêu người có thể phát huy nhân loại trong đám con cháu của những người lớn? Ấy vậy mà các nhà giáo lại chỉ được trả lương ít hơn bất cứ ai khác.

– Bất cứ ai cũng có thể ra lệnh treo cổ một người nào đó được sao?

Ông thẩm phán tỏ vẻ ngạc nhiên:

– Quyền đó chỉ được giao cho một người trong số hai triệu hai trăm ngàn dân của hai quận này. Tôi đây là một trong số hai triệu người.

Mái tóc ông thẩm phán cũng trắng như chiếc quạt bằng lông đuôi con yak³ nhưng ông ta không già. Ông mới khoảng độ bốn mươi tuổi. Thịt trên mặt ông còn chắc. Cặp môi ông cũng tươi mát như một đóa hoa dâm bụt ; ông không bao giờ ăn trầu nên màu môi ông thì tự nhiên. Đối với một người Bengali như ông thì thể chất của ông như vậy là khá. Ông có thói quen cứ chừng ba hoặc bốn năm lại sang nước Anh ít lâu. Ông không lấy vợ. Khi được hỏi về chuyện vợ con, hẳn là ông nói rằng:

– Tôi sẽ nghĩ tới việc lấy vợ khi nào tôi đã dành dụm được một cái gì.

Còn ông hiệu trưởng là người người sống xa vợ. Vợ con ông sống ở Calcutta. Sau nhiều năm dạy học tại trường trung học Presidency ở Calcutta, ông được chỉ

3 Yak: một thứ bò rừng, có nhiều ở vùng Tây Tạng.

định làm hiệu trưởng và được thuyên chuyển đến tỉnh lỵ này. Để hưởng trước sự thăng thưởng của mình chắc hẳn ông có thể trở về với chỗ làm việc cũ nếu ông thấy tỉnh lỵ này không hợp với ông. Nhưng nếu ông thấy nó dễ chịu, ông sẽ hoạch định đưa gia đình ông về đây. Trong một thời gian, ông đã theo học tại Luân đôn và dạo ấy ông thẩm phán là bạn đồng lớp của ông.

Phóng một cái nhìn ý nghĩa vào mớ tóc bạc của ông thẩm phán, ông hiệu trưởng hỏi:

– Tại sao bác lại quá lo nghĩ về vụ án đó như thế? Bác không phải phán quyết. Đã có phụ thẩm đoàn mà. Nếu phụ thẩm đoàn tuyên bố bị cáo có tội trong phạm vi tiết mục 302 và nếu bác đồng ý, thì án tử hình được chấp thuận đúng với luật pháp. Trường hợp tử hình chỉ xảy ra nếu

bác không thể tìm ra lý do để giảm án. Và nếu bác có thể tìm ra lý do, thì bị cáo sẽ chỉ bị chung thân phát vãng. Trong phạm vi đó bác khỏi có trách nhiệm. Nếu không có sự tự do thì không có vấn đề trách nhiệm. Bác chỉ phải gánh trách nhiệm trong trường hợp bác tự do hành động mà thôi.

Ông hiệu trưởng đã từng tập sự luật sư trong một thời gian. Nhưng thời kỳ tập sự đó đã không có gì hào hứng, xuất sắc. Bản chất của ông là học giả. Ông có bằng cấp cao. Ngay sau khi hội kiến với ông Giám đốc Nha Giáo dục Quần chúng, ông liền nhận được thư mời nhận việc. Ông chấp nhận cuộc đời một nhà giáo trước khi ông quá hạn tuổi làm việc cho chính phủ. Tuy nhiên, hẳn ông đã cảm thấy mình cũng bị lừa dối như Michael Madhusudan Dutta và, giống như

Michael, ông đã kêu lên:

– Than ôi! Kỳ lạ thay cái trái mà tôi đã cố tìm hái, sự hy vọng đã khiến tôi lâm lạc.

Hai ông đã rời khỏi bàn bi-a và cùng ngồi trên một chiếc ghế dài cao ở cuối phòng, tay vẫn còn giữ cây cơ. Họ tiếp tục thảo luận. Bác ghi điểm ngỡ họ chấm dứt cuộc chơi nên bác ho lên rồi bước ra ngoài tán dóc với anh tài xế.

Ông thẩm phán thở dài và nói:

– Ông bạn thân mến của tôi ơi, nếu vụ này mà chỉ giản dị thế thì còn nói làm gì. Làm sao tôi có thể khiến bác hiểu được rằng trách nhiệm của tôi về những hậu quả của sự phán quyết thì nặng nề hơn trách nhiệm của phụ thẩm đoàn. Điều mà bác đã nói khiến tôi nhớ lại lời

của một kẻ nào khác đó có lần đã nói với tôi. Chính là Thượng Đế giết kẻ nào đã được định là phải chết. Một kẻ như thế thì phải chết ngay cả trước khi y được đưa ra phân xử, Tôi đây, giống như Arjuna, tôi chỉ là một dụng cụ trong tay Thượng Đế chứ không còn là gì khác. Nimittamatro bhava Sauyasachi⁴.

Viên hiệu trưởng có vẻ thản nhiên:

– Kinh Gita có lời cuối cùng. Trách nhiệm hoàn toàn thuộc về Thượng Đế. Bác hoặc tôi liệu có can dự gì vào đó chứ? Tại làm sao chúng ta lại cứ náo nức

4 Nimittamatro Bhava Savyasachi có thể viết cách khác có cả dấu là Nimittamàtram Bhava Savyasàcin. Theo bản Anh dịch kinh Gita của Radhakrishnan thì cần tiếng Phạn này có nghĩa: Hỡi Savyasàcin, (Savyasàcin là một cái tên khác của Arjuna) người hãy chỉ là cái cơ hội (thắng trận của ta) mà thôi. (Be thou merely the occasion, O Savyasàcin). Câu Pháp dịch của Anna Kamensky có vẻ phóng túng hơn: Người hãy là nguyên nhân ngoại tại sự thất trận của chúng, hãy là dụng cụ của ta (Sois la cause extérieure de leur défaite, sois mon instrument).

một cách cực kỳ tai hại về vấn đề trách nhiệm? Mỗi ngày có cả hàng trăm hàng ngàn người chết. Thêm một người chết hay bớt đi một người chết liệu có nghĩa lý gì đâu?

Viên thẩm phán không chịu khuất phục:

– Nếu họ phải chết thì họ cứ chết. Nhưng tại sao lại chết trong hai bàn tay tôi chứ? Họ có thể chết do sự bất hạnh của họ, do số phận hẩm hiu của chính họ. Nhưng tại sao họ lại phải chết vì một sự phán quyết sai lạc, vì một sự lầm lẫn của luật pháp chứ? Không một người vô tội nào lại có thể bị trừng phạt một cách bất công được. Đó là một đức tin căn bản trong những tín điều lương tâm của một thẩm phán. Nếu đâu tôi không nhúc thì đâu ai nhúc cho đây? Tôi coi vụ này quan trọng lắm.

– Ủ thôi được – ông hiệu trưởng nói — bác lo lắng sao mặc bác. Nhưng buổi tối này của tôi bị hư cả rồi. Này, anh Tư! Ủa, anh ta chạy đâu rồi cà?

Lúc ấy bác ghi điểm đã bỏ chiếc khăn quần đầu ra và đang ngồi nghỉ. Bác chạy vội vào, vừa chạy vừa quần khăn vào đầu. Ông hiệu trưởng nói:

– Hỏi ông Chánh án xem.

– Không, không, đến lượt tôi chứ không phải lượt ông — ông thẩm phán nói – Anh Tư à!

Bác ghi điểm tuân lời. Bác đi tới phía ông hiệu trưởng, cúi người xuống.

– Nước cam! Ông hiệu trưởng nói.

Ông thẩm phán gọi một ly rượu chhota pha soda.

– Mời bác! Mời bác!

Họ cùng nâng ly và uống. Nhưng họ vẫn cứ ngồi yên vị trên chiếc ghế cao. Bác ghi điểm bối rối chẳng còn biết mình phải làm gì nữa.

Ông thẩm phán nhìn vào mặt bác ghi điểm. Bằng cái trực giác thông cảm những người khác, ông ta lập tức nhận thấy trạng thái của bác. Đưa cao bàn tay phải lên, ông nói với bác:

– Thôi, đủ rồi.

Bác ghi điểm cầm lấy những chiếc cơ và mắc chúng vào giá. Bắc thu thập những trái banh, sắp xếp chúng vào giữa bàn rồi tắt ngọn đèn sáng rọi mặt bàn. Nhưng bác chưa được tự do ra đi một khi các ông bự còn ngồi trong câu lạc bộ và có thể còn muốn gọi đồ uống. Chưa tới

chín giờ nhưng đêm nay rất tối, và trời có vẻ muộn hơn mọi đêm khác. Thành phố thì yên tĩnh.

– Giữ cái thằng Tư này lại làm quái gì nữa nhỉ?

Ông thẩm phán nói:

– Từ khi có trò quân vọt đến giờ hình như chẳng có ai muốn tới câu lạc bộ nữa.

Và ông nói thêm bằng tiếng Anh:

– Có cái gì để thu hút họ chứ? Các cô nàng quyến rũ xinh đẹp ở đâu vậy cà? Ở đây, tất cả các bà các cô đều ở trong khuê phòng. Đó là cái mà bản chất Ấn giáo đã mang chúng ta tới.

– Và bản chất Hồi giáo nữa.

Maitra thêm vào, cũng bằng tiếng Anh.

– Nhưng đó không phải lý do độc nhất, Sur a. Bác đã không lấy vợ. Ông bác sĩ cũng là người độc thân. Nếu các hội viên mà chống lại câu lạc bộ thì hỏi rằng liệu câu lạc bộ này mở cửa được bao lâu nữa? Và cả xã hội nữa, xã hội cũng chẳng đứng vững được.

Ông thẩm phán cười lớn.

– Thế ra chúng mình thù địch nhau, phải vậy không? Ha! Ha! Đi thôi, đi thôi! Về nhà tôi chơi. Tôi rất vui sướng được có bác dùng bữa tối với tôi.

Hai người bạn bước vào xe hơi và cho bác ghi điểm ra đi.

✱

Trong bữa ăn, họ nói với nhau đủ thứ chuyện. Rồi họ mang những tách cà phê vào phòng khách và cùng nhau ngồi bên lò sưởi. Thời tiết trở nên lạnh, nhưng những tập quán theo lối Anh của Sur còn là một thứ kích thích mạnh hơn cả thời tiết. Ông khoái ngồi bên lò sưởi khi nghe đài B.B.C. Jolly, con chó yêu quý của ông, nằm dưới chân ông.

– Maitra này.

Sur trở lại đề tài mà hai ông đã từng thảo luận:

– Bác có thể tự mình truyền đưa một người đến đài treo cổ được không? Nếu bác là một thẩm phán, liệu bác có thể lên án tử hình được chăng?

– Chắc chắn có thể chứ.

Maitra trả lời, không chút ngần ngại.

– Không phải tôi lên án. Đó là luật pháp lên án. Nếu chính phủ hủy bỏ án tử hình, thì tôi sẽ chẳng phải lên một cái án như vậy.

– Nhưng kẻ kia, – Sur nói – Kẻ đã khuyên tôi tự coi mình chỉ là một dụng cụ, lại nói rằng ông ta không thể làm công việc ấy. Khi tôi hỏi ông ta cái câu hỏi mà tôi vừa hỏi bác, thì ông ta thoái thác. Rồi ông ta kể cho tôi nghe một câu chuyện, chuyện của đời ông ta.

Ông thẩm phán lại có vẻ bâng khuâng. Ký ức ông trở lại với những ngày đầu nghề nghiệp thẩm phán của ông.

– Vụ đó do người khác xử chứ không phải tôi, và tôi không nhớ những chi tiết.

Ông thẩm phán nói một cách chậm

rãi khi ông hồi tưởng lại chuyện cũ và sắp đặt những điều ông nhớ được lại với nhau, ông thường ngừng lời, sửa sai những ý nghĩ của mình, cố chữa lại những gì mà ông tự thấy đang nói sai. Câu chuyện được kể lại bằng những mảnh ký ức rời rạc ấy đại ý như sau:

– Khi Neogy làm thẩm phán tại quận Rajshahi thì một vụ sát nhân được đưa ra xử tại tòa án của ông ta. Engrej Mollah bị giết. Kẻ bị cáo sát nhân lại chính là con trai ông ta tên Gopal Mollah chứ không phải ai khác. Đạo ấy, Gopal khoảng mười tám, mười chín tuổi. Mẹ hắn đã qua đời. Hắn là một đứa con trai được nuông chiều và hắn muốn gì được nấy. Cha hắn chẳng bao giờ có thể từ chối hắn điều gì cả. Gopal là một thanh niên có chút ít năng khiếu. Hắn đã tổ chức một đoàn diễn viên tuồng alkap trong làng (alk-

ap là một biến thể của loại tuồng jatra). Ngày đêm hân hận rộn với đoàn hát này. Hân đẹp trai và tốt giọng. Nhiều đàn bà, con gái mê hân. Những ông chồng của bọn đàn bà đó trở thành kẻ thù của hân. Nhưng Gopal là một thanh niên tốt. Không ai có thể trách cứ tính nết hân.

Một hôm Gopal loan báo rằng hân muốn cưới một góa phụ nào đó. Bà đó là ai vậy? Là Shonahhan. Bà này nhiều tuổi hơn Gopal. Bà xinh đẹp và ham khoái lạc. Bà vốn bị nhiều tai tiếng. Bà giàu có và vốn được nhiều người theo đuổi. Engrej không bằng lòng cho con trai lấy Shonabhan.

Gopal bức tức lắm. Engrej hãy còn tráng kiện và mạnh mẽ. Ông ta cũng giàu có và là hội viên của Hội đồng Liên bang. Để bảo vệ con trai, chính Engrej lại cưới Shonabhan. Ông vốn hy vọng Gopal chắc

hắn sẽ phải chấp nhận hoàn cảnh và sẽ cưới một thiếu nữ nào đó xinh đẹp và có đức hạnh. Nhưng Gopal gây gỗ với cha hắn và bỏ làng ra đi. Đoàn tuồng alkap được một người bạn chi thân của hắn là Kala đứng ra thay hắn đảm trách.

Engrej hoàn toàn sung sướng. Bà vợ mới của ông sinh được một đứa con trai. Một đêm tối trời có một người lén vào phòng ông dùng một thứ khi giới nhọn mũi đâm ông. Engrej la lên “Gopal, chính mày ư!” Những người hàng xóm nghe thấy tiếng kêu của ông và đổ xô tới. Họ thấy ông nằm bất tỉnh. Một lúc ngay sau đó, ông tắt thở. Không một người nào trong số những người hàng xóm đó trông thấy Gopal cả, nhưng họ đã nghe thấy Engrej la: “Gopal, chính mày ư!”

✱

Lúc Engrej bị giết, Shonabhan không có ở nhà. Lúc ấy bà ta đang dự một buổi diễn tuồng alkap. Ngày hôm sau, Gopal bị bắt giữ tại một chỗ họp mặt của các diễn viên alkap. Hãn khai:

– Khi tôi bỏ nhà ra đi, tôi đã quyết định ra đi một cách dứt khoát. Tôi đâu có trở về nhà làm gì nữa. Nhưng có một chứng tích hiển nhiên kết tội hãn. Người ta nhặt được một cái mu-soa, một cái mu-soa mà Shonabhan đã cho Gopal. Mu-soa đó có vấy máu.

Trong một trường hợp sát nhân, ban phụ thẩm thường không muốn gây ra những điều rắc rối. Khi họ cảm thấy hơi chút ngần ngại nào về việc tha bổng một bị cáo họ bèn chuyển tội trạng của y thành tội trạng thuộc khuôn khổ tiết

mục 304 thay vì tiết mục 302. Trong trường hợp như vậy, ban phụ thẩm có thể làm giảm tính cách trầm trọng của tội trạng nếu họ muốn làm vậy, nhưng án mạng thì lại được quy định khuôn khổ tiết mục 302. Ông biện lý giải thích cho họ với đầy sức thuyết phục rằng nếu một người vợ chết đi thì có thể tìm được một người vợ khác, nếu một đứa con chết đi thì có thể có đứa con khác, nhưng khi một người cha chết đi thì không thể nào có một người cha khác. Chẳng có tội nào lớn hơn cái tội giết cha. Nếu Gopal đã không phạm cái tội thảm khốc là giết cha với hy vọng giành được mẹ kế, thì hãy trả tự do cho hắn. Nếu trong đầu các ông có bất cứ một sự hồ nghi hợp lý nào thì hãy ban cho hắn hưởng cái đặc lợi của trường hợp hồ nghi. Nhưng viên biện lý nói lớn một cách có vẻ như diễn kịch: “Nếu kẻ giết Engrej Mollah lại chính là

Gopal, con trai ông ta, chứ không phải ai khác”, — khi nói những lời đó với phụ thẩm đoàn, viên biện lý gơ tay lau lệ ở mắt ông ta – “thì việc bốn phạm của các ông phải là một hành động nghiêm khắc. Các ông không nên vì bất cứ lý do câu nệ nào để mà làm lệch lạc sự phán đoán. Nếu không còn Gopal, dòng họ của Engrej cũng vẫn không bị tuyệt. Các ông đã thẩm nhuần văn hóa Ấn và Hồi. Đối với những bậc khôn ngoan chỉ cần nói một lời là đủ.

Maitra không còn có thể nén lòng được nữa. Ông nói:

– Chắc hẳn viên thẩm phán đã xét tới sự kiện tuổi còn trẻ của bị cáo nên không lên án tử hình mà chỉ lên án chung thân phát vãng, phải vậy không?

– Không đâu, ông bạn của tôi ạ, Gopal không còn là một đứa nhỏ. Hắn đã lớn rồi. Tuổi của hắn không tạo được tình trạng giảm khinh. Ông chánh án Neogy đồng ý với phán nghị của phụ thẩm đoàn và lên án tử hình. Một luật sư giỏi hắn sẽ cứu được Gopal. Nhưng ông cậu của Gopal thì nghèo. Ông đứng ngoài vòng. Theo luật định, nhà nước cử một luật sư biện hộ cho Gopal. Tốn phí do chánh phủ đài thọ. Giá tiền pháp định đâu có bao nhiêu. Đâu có luật sư giỏi nào chịu tự ý đứng ra nhận lãnh công việc. Viên luật sư được chỉ định lại không ăn cánh với biện lý. Như vậy thì Neogy có thể làm gì được? Ông ta truyền án treo cổ Gopal.

Sur kết luận một cách thương cảm.

– Chà, treo cổ!

Maitra rùng mình:

– Thế tòa Thượng thẩm có ý án không?

– Hăng để tôi kể ông nghe chuyện xảy ra sau khi vụ án được xét xử. Gopal đã giữ im lặng khi nghe phán nghị. Hăng không khóc hoặc nhào lên phản đối. Hăng áp hai bàn tay vào nhau trong dáng điệu một người đang cầu kinh và đưa hai bàn tay lên trời, mắt cũng hướng lên một lần. Chỉ có thế thôi. Và ông thẩm phán bắt đầu tuyên án. Nhưng khi ông thẩm phán trở về nhà, ông nhận thấy thần trí ông vợ vẫn đâu đâu. Ông ăn không thấy ngon. Đêm ông tỉnh thức giữa một ác mộng rồi không tài nào ngủ lại được nữa. Vài ngày sau, viện có đi xem xét khám đường, ông vào nhà lao với mục đích nói chuyện với Gopal. Ông nói:

– Này Gopal, ta hết sức ái ngại cho con. Hãy cho ta biết ta có thể làm gì cho con? Ta cũng e sợ là ta đã lầm lẫn.

Gopal trả lời:

– Thưa ngài, ngài là kẻ cầm cân công lý. Nhưng đến ngày phán xét cuối cùng, chính Allah [Những tín đồ Hồi giáo gọi Thượng Đế là Allah.] sẽ xét xử tôi. Allah sẽ xử cả những người làm chứng, cả những viên phụ thẩm và cả chính ngài.

Ông thẩm phán Neogy choáng váng.
Ông nói:

– Này Gopal, chống án đi!

– Liệu một sự chống án có cứu nổi một kẻ đã bị chính cha mình kết tội không? Gopal hỏi: – Và tôi muốn chết. Liệu một người đàn ông có thể nào lấy một người đàn bà đã từng là kẻ mẫu của

mình được chẳng? Nếu tôi có được tha bổng chẳng nữa thì tôi cũng chẳng còn thể nào vác mặt về làng được. Người ta hẳn sẽ vẫn cứ nghĩ rằng tôi đã giết cha tôi cốt để lấy mẹ kế tôi.

Maitra ngắt lời:

– Ý nghĩa ấy có thể được coi như một mặc cảm Oedipus⁵.

✱

Những tiếng nói của Gopal vang lên một cách quá chân thật đến độ Neogy phải tin là hẳn không nói sai.

Sur tiếp lời:

⁵ Oedipus là một nhân vật trong thần thoại Hi Lạp. Suốt đời anh chàng này đã mang một mặc cảm khủng khiếp sau khi anh ta biết là do những sự tình cờ, đời anh đã diễn ra đúng với lời sấm : « Mày sẽ giết cha mày và kết hôn với mẹ mày! »

– Gopal là người độc nhất không giả bộ. Ông ta quên phút cả thời giờ, quên phút cả địa điểm và cứ thảo luận với Gopal. “Này Gopal, — ông ta kêu lên – hãy vì Thượng Đế mà kể cho ta nghe cái đã xảy ra!

Gopal trả lời:

– Thượng Đế là đáng làm chứng cho tôi. Tôi đâu có trở về nhà. Shonabhan đã cho tôi chiếc mu-soa trước khi bà ấy lấy cha tôi. Sau lễ cưới của họ, tôi đã vứt trả lại mu-soa đó cho bà ta và bước ra khỏi nhà. Chỉ có Allah biết vì sao mu-soa đó vấy máu.

Gopal thoái thác không chịu nói gì thêm nữa. Neogy cũng không hỏi hấn nữa. Sự nghi ngờ trong óc ông đã có chỗ để bám chặt vào. Ông đệ đơn lên chính phủ xin nghỉ ít lâu và ông nói rằng khi

nào ông trở về với công việc, ông không muốn được chỉ định vào ghế thẩm phán nữa. Ông cảm thấy rằng nếu ông lại phải giữ công việc của một thẩm phán thì thần kinh ông bị suy nhược.

Maitra lại ngắt lời:

– Bản chất của ông ta không hợp với vai trò thẩm phán! Ông ta dễ tin quá mà! Ông ta tin bất cứ điều gì mà Gopal nói. Một kẻ bị kết án tử hình có thể tạo ra một chuyện gì đó để kêu oan, điều ấy có gì lạ đâu.

– Thế bác đã từng bao giờ nghe nói là một người bị kết án tử hình lại từ chối không chịu chống án chẳng? ông thẩm phán Sur hỏi.

– Có phải bác định hỏi tôi là tôi có tin rằng Gopal không chống án chẳng,

phải không? Maitra đáp lại bằng một câu hỏi.

– Không, ông bạn ơi, Gopal đã không chống án. Đó là một điều bất thường khiến cho không những ông Neogy mà cả những người khác cũng phải sửng sốt. Ngay cả viên biện lý cũng sửng sờ. Xin bác hãy nghe tiếp câu chuyện. Neogy được phép nghỉ, một thời gian. Khi hết hạn nghỉ ông, lại được cử tới quận cũ để giữ chức chủ trương pháp. Nhân cơ hội này, ông đi Babalgachhi trên đường tới thăm ngọn tháp ở Paharpur. Giống như Haroun-al-Rashid, ông bắt đầu ngấm mớ những cuộc điều tra. Trong những cuộc tiếp xúc với người gác làng và những điều tra viên của cảnh sát địa phương, Neogy được biết là có một người mang tên Halim Mirdha đã là thủ phạm vụ này và y đã liệng một viên

đá mà giết được hai con chim – người cha và đứa con trai. Halim Mirdha muốn chiếm lấy Shonabhan và tài sản của bà ta. Vụ này đã diễn tiến từ lâu rồi. Mirdha đã nhòm nhỏ gia sản của Shonabhan từ trước lúc bà tái giá. Nếu hắn không có vợ rồi thì hắn bà ta đã lấy hắn. Engrej Mollah đã giành mất mối lợi của hắn. Mirdha đã cố đặt định một kế hoạch để trừ khử đối thủ. Một đêm tối trời, Mirdha đã gọi — “Này, ba”, rồi y bước vào phòng Engrej và giết ông ta đang ngái ngủ, Engrej đã kêu lên: “Gopal, chính mày ư”. Lúc ấy Shonabhan không có ở đó. Mirdha đã chuẩn đi khi chưa có ai tới.

– Thuốc phiện, thuốc phiện mà! Mai-tra bình phẩm bằng giọng châm biếm chua chát.

– Tôi nghe nói thứ cây đó mọc nhiều ở Badalgachhi. Neogy nghiền nặng thứ đó⁶ mà.

– Halim Mirdha lẩn mặt, lánh đi chỗ khác một thời gian lâu, Sur kể tiếp: “mãi đến sau khi Gopal đã bị kết án, y mới trở về làng. Nhưng dân trong làng nhìn y với vẻ nghi ngờ. Y rất thận trọng trong mọi hành vi, cử chỉ. Y dự định cưới bà Shonabhan khi nào Gopal đã bị hành quyết. Khi Neogy trở về tới bản doanh của ông thì trời đang nóng tới 102 độ [102° Fahrenheit bằng khoảng 38° bách phân.]. Bất chấp thời tiết, ông tới thăm viên thẩm phán mới.

– Hãy còn thời giờ. Neogy nói – Chúng ta hãy cố cứu Gopal khỏi án tử hình.

6 Maitra có ý muốn châm biếm rằng vì Neogy hút thuốc phiện nên đầu óc ông ta dễ có những điều tưởng tượng kỳ cục.

Tân thẩm phán là ông McGregor. Ông này đâu có phải là người bị thuyết phục một cách dễ dàng. Ông ta nói:

– Tôi không muốn xen vào vụ này; tôi đâu có can dự vào việc xử án. Và ông cũng chẳng còn là thẩm phán. Ông đã hết trách vụ. Hồ sơ vụ này đã được gửi lên tòa thượng thẩm. Tòa thượng thẩm có thể không chuẩn nhận án. Trong trường hợp đó thằng bé sẽ khỏi chết.

Neogy phản đối:

– Nếu và khi bản án được chuẩn nhận thì đương nhiên vụ này trở thành một sự đã rồi.

McGregor nói:

– Nếu một đơn xin ân xá được gửi lên ông Thống đốc, thì ông Thống đốc có thể xét tới tuổi của thằng bé mà bỏ án tử

hình. Từ trước đã có những trường hợp như vậy rồi mà.

– Liệu một thằng bé đã từ chối không chịu chống án có thể đệ đơn xin ân xá không chứ? Neogy hỏi.

– Nếu nó không chống án mà lại xin ân xá thì chẳng hóa ra nó nhận tội à?

McGregor nói:

– Nó sẽ phải nhận tội nếu nó muốn sống. Mười bốn năm trôi mau lắm mà. Không có gì khó khăn lắm cho kẻ bắt đầu làm lại cuộc đời vào năm ba mươi ba tuổi. Nó là con một nhà nông mà không có ai loại trừ nó nếu nó lập nghiệp ở một làng nào khác.

– Hay lắm. Maitra tán thành. McGregor đáng mặt thẩm phán lắm. Thế rồi chuyện đó ra sao?

Một điều không thể tránh được. Gopal không chống án. Tòa thượng thẩm chuẩn nhận bản án. Chẳng có ai đứng lên nói một lời nào bênh vực cho Gopal cả. Neogy lại vào thăm ngục thất cốt để gặp Gopal. Gopal từ chối không chịu đệ đơn xin ân xá. Tại sao hắn lại phải xin ân xá một khi hắn không phạm tội chứ? Rồi Neogy đã làm một việc chưa từng có. Ông biên thư cho Bộ trưởng Tư pháp, kể cho ông Bộ trưởng nghe tất cả vụ này. Thư trả lời của Bộ Tư pháp cho ông biết rằng sẽ không có một hành động nào được thực hiện dựa vào bất cứ tin tức nào mà một nguyên thẩm phán thân thập được ngoài phạm vi tòa án của vị đó. Bị cáo hắn sẽ bị coi như không hối cải, trừ phi một đơn xin ân xá được đệ trình. Nhưng trong vụ này, bị cáo lại không xin ân xá. Neogy đành chịu thua. Thời hạn chưởng pháp của ông chấm

dứt trước ngày Gopal bị xử giáo. Neogy được thuyền chuyển. Ông uống rượu và bắt đầu đánh bạc bằng những cuộc cá ngựa. Và ông bắt đầu đọc kinh Gita⁷. Ông hy vọng tự giải thoát bằng những cách thức như thế đấy.

– Tại sao? Maitra ngạc nhiên hỏi. – Ông ấy có chết không?

–Ồ, khoan đã. Sur nói tiếp. – Hãy nghe cho hết chuyện đã. Khi tôi quen với ông ta lần đầu tiên thì ông ta đang giữ chức vụ Ủy viên Tư pháp. Nếu ông ta không sống thì làm sao ông lên tới chức vụ cao như thế trong ngành của ông chứ? Khi tôi nói với ông rằng tôi thấy khó chịu

⁷ Bhagavad Gita: một truyện đối thoại bằng thơ nằm trong tác phẩm Mahabharata, một trong hai tập anh hùng ca lớn nhất của Ấn độ. “Mahabharata” được viết bằng tiếng Sankrit vào khoảng năm 200 trước Chúa giáng sinh. Tập này gồm những truyện, thơ có tính chất lịch sử hoặc huyền thoại. Bhagavad Gita vốn được người Ấn coi như một thứ thánh kinh.

với công việc của thẩm phán, và cái chức vụ của một chánh án quả thật chưa chắc đã là tốt đẹp, thì ông bảo tôi: “Nimittamatro bhava Savyasachi⁸”.

Nhưng khi ông kể cho tôi nghe chuyện này, – Sur nói tiếp – thì tôi bắt đầu nhận thức được rằng ngay cả tôi nữa tôi cũng có thể lầm lẫn trừng phạt một người vô tội để rồi tiếc hận suốt đời. Đó là cái chứng cứ của ông ta. Bất cứ khi nào tòa án của tôi phải xử một vụ sát nhân, tôi đều ngồi xử với sách Gita. Nhưng dầu mang theo kinh đó, tôi cũng chẳng thấy lòng mình thanh thản nhẹ nhõm. Đó là một vấn đề rõ ràng: liệu cái Đấng được gọi Thượng Đế kia có hay không? Tôi không thể an tâm ngủ với cái ý nghĩ tôi là một dụng cụ trong tay Đấng ấy. Một thẩm phán cần phải luôn luôn tỉnh táo

8 Xem lại chú thích 4 trang 26.

sáng suốt để tránh cho những người vô tội khỏi bị trừng phạt. Tại sao một người vô tội lại bị bỏ tù chứ? Tại sao họ lại bị treo cổ được chứ? Chừng nào mà vụ án còn tiến diễn thì tôi không thể nào yên tâm, bình thần được. Tôi là thẩm phán, tôi liên hệ tới vụ án nhiều hơn cả bị cáo. Theo kinh nghiệm thì mỗi khi vụ án chấm dứt tôi lại thấy lòng nhẹ nhõm vô cùng. Nhưng một sự nghi ngờ vẫn cứ còn kéo dài. Ai biết được sự thật nó như thế nào? Cả một vấn đề của Pilate⁹. Tôi cũng hay hồ nghi như Pilate. Pilate đã không trở thành một kẻ có lòng tin mặc dầu ngay cả con của chính Thượng Đế xuất hiện

9 Pilate: thời Chúa Jésus Christ, Pontius Pilate thay mặt chính quyền La mã làm quan Thái thú xứ Judaea (Do Thái). Người Do thái bắt chúa Jesus giải tới dinh Pilate yêu cầu Pilate xử tử Ngài. Mặc dầu Pilate chiều ý các người Do Thái và các thẩm phán dưới quyền ông xử tử Chúa, nhưng để chứng tỏ mình không chịu trách nhiệm về cái chết của Chúa, Pilate đã trước khi tuyên án Chúa, sai người mang nước tới cho ông ta rửa tay; khi rửa tay, Pilate tuyên bố: “Tôi vô can đối với việc làm đổ máu người công chính này.

trước mặt ông ta. Tôi không có cách gì để biết cái gì đã xảy ra trong bất cứ sự vụ đặc biệt nào. Tôi không hề được giúp đỡ. Nếu tôi không nhận biết việc đã xảy ra thì liệu còn có nghĩa lý gì khi tôi tự nghĩ rằng mình là một dụng cụ của công lý?

– Công lý là điều tốt đẹp cho xã hội, nếu nó không tốt đẹp cho bác.

Maitra nói như vậy sau một lát suy nghĩ.

– Từ một quan điểm nào đó, điều ấy đúng. Con người phải nắm giữ luật pháp trong chính bàn tay họ, trừ phi công lý quá thực được duy trì. Bất cứ một cá nhân nào cũng sẽ trở thành vừa là thẩm phán vừa là kẻ hành quyết. Nhưng tôi muốn sự xác thực. Một trăm phần trăm sự xác thực. Phải biết đích xác rằng cái kẻ mà tôi trừng phạt không phải là một

Gopal khác. Nhưng lẽ dĩ nhiên tôi chưa hề bao giờ bị liên hệ tới một gã thiếu niên như Gopal, cái gã đã từ chối không chịu chống án, không muốn đệ đơn xin ân xá, cái gã có thể trao phó sự phán xét cuối cùng cho Thượng Đế và chết một cách bình tĩnh. Tôi quên chưa kể cho bác nghe là trước khi rời khỏi quận, Neogy đã một lần nữa vào ngục thất để thăm Gopal. Lần này ông ta năn nỉ một cách thảm hại: “Gopal à, hãy tha thứ cho ta.” Ông nói: “Ta chỉ là một con người bị lầm lạc. Bất cứ ai đều có thể sai lầm.”

Gopal trả lời:

– Thưa ngài, ngài không có gì đáng trách. Tôi tha thứ cho ngài về điều gì chứ? Không ai có thể làm hại một người vốn được Allah che chở. Và không ai có thể cứu được một người vốn không được Allah che chở. Chờ gì Allah thương xót

ông! Chờ gì Allah sẽ cho ông làm Thống đốc.

Gopal quả thực là một thiếu niên tốt. Người ta phải công nhận điều đó. Maitra nhìn nhận.

– Đúng thế. Sur biểu đồng tình với vẻ bàng khuâng.

– Nhưng thật là bi thảm! Tại sao có thể xảy ra những chuyện như thế! Một con người được sinh ra đời để làm gì chứ? Sao nhỉ? Tại sao nó lại bị trừng phạt? Hẳn bị trừng phạt vì một điều nào đó hẳn đã làm trong kiếp này hoặc trong kiếp nào khác? Hay việc trừng phạt đó chỉ là một sự sửa soạn cho một kiếp khác? Làm sao bạn có thể biện minh những điều như thế với những kẻ vốn không tin cả sự luân hồi lẫn đời sống sau khi chết?

Maitra cứ ngồi đó, không nói năng gì cả. Sur nói:

– Tối nay đài phát thanh có nhạc hay lắm. Tôi mở đài B.B.C. nhé?

– Không, đừng mở. Maitra xua tay.

Bầu không khí trong phòng thì ngột ngạt và nặng nề. Cuối cùng Maitra phá vỡ sự im lặng.

– Này, Sur – Maitra nói – bác phải lấy vợ đi chứ.

– Tại sao? Này, có ai nhớ bác làm mai mối vậy?

– Đâu có ai, nhưng bác nên lấy vợ đi. Tóc bác đã bạc, nhưng trông vóc dáng bác coi còn được lắm. Có nhiều người lấy vợ vào lúc họ trạc tuổi bác. Và họ đã có hạnh phúc.

– Ha! Tôi chưa kể cho bác nghe những lời mà bà Neogy nói với tôi, phải vậy không?

Maitra bối rối: – Bà ta nói sao?

– Bà ấy nói rằng vì tôi tôn kính bà bằng cách kêu bà là didi (chị), bà muốn được ngỏ cùng tôi đôi lời. Bà nói: “Đừng bao giờ lấy vợ. Đừng lấy vợ.”

– Chi vậy? Thật tình bà muốn nói chi?

– Không phải chỉ có thế. Một hôm bà tới chỗ tôi ở. Bà nói rằng bà tới để xin vài ý kiến hợp pháp. Bà ấy quá xấu hổ khi tới gần một luật sư. Bà ấy bảo tôi là em của bà. Đâu có gì phải xấu hổ trước mặt một em trai nhỉ? Bà ấy nói rằng bà hy vọng khi tôi phát biểu ý kiến về trường hợp của bà tôi sẽ coi bà như chị ruột của tôi vậy.

Maitra có vẻ băn khoăn.

– Bà ấy có chuyện gì vậy? ông hỏi.

– Việc này nghiêm trọng. Bà Neogy nói rằng bà đã làm hết sức bà để cải sửa ông Neogy. Nhưng bà đành phải nhận rằng bà đã thất bại. Chuyện uống rượu và đánh cá ngựa là những chuyện có thể tha thứ được. Nhưng ông chồng bà lại còn bán nước cho bọn Ăng-Lê. Bà đã đọc được những giấy tờ về công việc của ông ta. Những kẻ thuộc hạ của ông ta, được sự ưng thuận của ông khuyến khích, đã theo một chính sách bức hiếp và đàn áp không được kiểm soát. Bất cứ khi nào bà đá động đến việc đó, chồng bà liền nổi giận. Bà ấy muốn biết liệu bà có đã tạo ra lý do để chồng bà xin ly dị hay không.

– Không, không! Điều đó không thể đúng! Điều đó bất khả! Maitra co người lại.

– Tôi đã cắt nghĩa chuyện đó cho bà. Tôi còn đã dọa nạt bà một chút. Việc đọc lén những giấy tờ công vụ có thể tạo ra lý do ly dị.

Sur mỉm cười.

Bộ mặt Maitra cau có:

– Đọc lén như vậy phải là xấu, xấu lắm. Nhưng liệu điều đó có thể tạo ra lý do ly dị chẳng? Hay là bác nói đùa. Bác vốn biết tôi chúa ghét cái chuyện ly dị.

– Maitra a, bác không nhận thức được cái mà tôi làm - Sur nói - Tôi đã không muốn cuộc đời một người đàn ông - một kẻ mà tôi rất tôn kính và đã cho tôi nhiều lời khuyên quý giá - phải

lâm vào một tình trạng buồn khổ hơn cái tình trạng vốn dĩ đã buồn khổ rồi. Tôi đã chẳng hề khuyến khích bà ta chút nào. Xã hội chúng ta hoàn toàn lạnh mạnh trong hai bàn tay tôi.

– Bác có biết rằng nếu tôi ở địa vị bác thì tôi sẽ làm gì không?

Maitra nắm lấy tất cả những giềng mối câu chuyện.

– Chắc chắn tôi sẽ phân tích tâm lý bà ta. Tại sao bà lại đã quá lo âu về chồng bà đến độ phải tìm hiểu những ý kiến chính đáng về việc ly dị? Cái gì là gốc rễ của chuyện đó? Đó là sự hiểu lầm phát sinh từ sự khác biệt về thái độ đối với quốc gia, hay đó là một điều gì khác?

– Thế đấy ư! Bác lại bắt đầu mở kho lý thuyết ra rồi.

Sur cười thành tiếng.

– Một bà đang rất bối rối đến với tôi với hy vọng tìm thấy một lối thoát cho sự hoang mang của bà ta, ấy vậy mà tôi lại ngồi phân tích tâm lý bà ta cốt để tìm ra cái sự thật đầy vẻ trí thức được sao! Nếu tôi làm như thế, hẳn tôi đã khám phá ra đủ thứ mặc cảm. Tôi không biết là trong cái bảng liệt kê của nhà phân tâm học như bác có bao nhiêu thứ mặc cảm. Có thể rằng mặc cảm của bà ta là một mặc cảm Jupiter¹⁰.

Cả hai người cùng cười lớn. Rồi Sur nói:

10 Mặc cảm Jupiter: một mặc cảm lớn nhất. Thật ra, không có mặc cảm Jupiter mà thường chỉ có mặc cảm Oedipus (xem lại chú thích số 8). Ở đây ông Sur chơi chữ, cốt để bốn ông Maitra là kẻ ưa môn phân tâm nghĩa là kẻ thường hay nghĩ tới mặc cảm này mặc cảm nọ. Theo sự tin tưởng của các người La mã khi xưa thì Jupiter là chúa tể của các vị thần.

– Điều mà tôi hiểu chính là sự thực là một cái gì khác hẳn. Gopal hẳn đã phải có cái mặc cảm như của Oedipus nếu như hẳn đã giết cha hẳn. Nhưng nếu tôi phải xử vụ của hẳn, hẳn là tôi đã không dùng những phương pháp phân tâm của bác. Đó không phải cách thức của tôi trong việc tìm sự thực. Câu hỏi trong tâm trí tôi sẽ là: Hoàn cảnh đã như thế nào?

– Những giải pháp nào sẽ là những giải pháp khả thủ cho hoàn cảnh? Có những hoàn cảnh chỉ có một lối thoát khả thủ, đó là lối thoát bi thảm. Con đường độc nhất đó phải đi qua sự bi thảm. Đôi khi người ta thành ra kẻ sát nhân và phải đến tội sát nhân đó bởi vì đối với cái hoàn cảnh không thể chịu đựng nổi đó họ không còn lối thoát nào khác. Không một đương sự nào đã đủ

tin tưởng vào ông thẩm phán để có thể kể cho ông ta biết rõ cái hoàn cảnh đã như thế nào và thường thường họ cũng chẳng có đủ khả năng nắm vững về đích xác của hoàn cảnh đó để mà tả nó ra cho đúng. Đối với họ tôi là hóa thân của thần Yama¹¹. Nhưng đúng ra tôi là bạn của các kẻ khác. Tôi ôm ghì vào trái tim tôi cái kẻ mà tôi truyền đưa ra giáo hình đài. Không có sự trừng phạt nào khủng khiếp hơn thế. Tuy nhiên, tôi tuyên án với lòng thương yêu. Đối với tôi, tất cả những tên sát nhân đều là những Gopal. Sự phán quyết đích thực sẽ chỉ được đưa ra vào ngày phán xét¹² cuối cùng. Cái gì diễn ra ở cõi thế này tức là diễn ra trong những lợi ích của xã hội, tùy thuộc vào

11 Yama: một trong những vị thần cổ nhất của Ấn; thần này phụ trách Công lý và sự Chết.

12 Theo thuyết của vài đạo giáo thì tới ngày tận thế, Thượng Đế sẽ mở một cuộc phán xét chung toàn thể nhân loại để định đoạt số phận từng người.

luật lệ đã được xã hội vạch ra và chấp nhận.

Maitra, rất xúc động, nắm chặt lấy bàn tay Sur. Cả hai đều im lặng. Khi họ tiếp tục câu chuyện, Maitra hỏi:

– Chuyện gia đình Neogy kết thúc ra sao? Họ ly dị hay ly thân?

– Không ly dị cũng chẳng ly thân. Sur ngừng lời một lát - Họ sống chung với nhau bảy năm nữa. Thế rồi...

Giọng nói của Sur khàn hẳn lại.

– Chuyện ra sao? Nói tiếp đi, nói cho nghe ngay đi!

Maitra nóng lòng vì tò mò.

– Vào một đêm khuya tầm tối, Neogy vấp té. Ông ta chết ở một rãnh nước

ngoài đường. Tôi nghe nói ông chết vì say rượu.

– Hừ, ông ta chết!

Maitra rất xúc động. Ông có vẻ như đang trong một giấc mơ.

Sur lay Maitra và nói:

– Đó, bác thấy chứ, hôn nhân không phải một thứ linh được cho mọi nỗi khổ đau. Ngay cả một người đàn bà cũng chẳng thể cứu được một người đàn ông. Cả kinh Bhagavad Gita cũng không cứu được. Tôi đã chỉ tìm thấy có một giải pháp: đừng tham dự vào một công việc nguy hiểm thuộc loại đó. Làm việc trong một hầm mỏ hửn là ít nguy hiểm hơn. Nhưng, nếu tôi trở thành một phu hầm mỏ thì không có thiếu nữ nào thuộc gia đình khả kính lấy tôi cả. Và làm sao tôi

có thể chịu đựng nổi một cô gái như thế? Nhưng chẳng những bác cho phép tôi tham dự vào cái công việc nguy hiểm hơn nhiều của một thẩm phán hay một pháp quan mà bác còn sẵn lòng tự chấp thuận cho mình rút cái thang của tôi đi khi tôi đã leo thật cao lên ngọn cây. Ở cương vị một thẩm phán, tôi có thể kết tội một kẻ vô tội giữa một chục những tên có tội. Tôi có thể ra lệnh cho cảnh sát nổ súng vào một đám đông gây lộn xộn. Giữa những kẻ bị bắn có thể có một thanh niên hoặc một thiếu nữ vô tội. Nếu tôi có vợ thì hẳn là vợ tôi sẽ lập tức chống lại tôi. Làm sao tôi có thể thuyết phục nàng rằng tôi không phải một người xấu, rằng công việc của tôi là có trách vụ về những tội lỗi. Nếu có thể thì hẳn là tôi sẽ rút lui và bước ra khỏi tất cả những công việc đó. Nếu có một thiếu nữ nào muốn lấy một chú fakir và cùng chú ta sống dưới một

cái cây như một fakirini [fakirini: giống cái của tiếng fakir.] thì hẳn tôi có thể chấp nhận việc kết hôn với cô ta.

✱

Maitra lắng nghe với vẻ chú ý mê man. Lửa trong lò sưởi sắp tắt. Sur cho thêm than vào lò và khơi cho lửa cháy to hơn. Cái đó có vẻ như biểu hiệu của đời ông.

– Giờ đây, xin bác hãy kể cho tôi nghe về chuyện bác. Liệu tôi có thể giúp bác được điều gì chăng?

Maitra cất tiếng hỏi khi Sur lại ngồi vào chỗ và lại một lần nữa giữ vẻ trầm tư.

– Cảm ơn ông bạn, nhưng ngoài tôi

ra không có ai có thể cứu tôi được. Tôi chấp nhận một câu trong kinh Gita, nếu quả không còn câu nào hay hơn: Uddharedatmapalmanam¹³ trong những công việc hàng ngày. Tôi phải xem xét những thứ đó. Cảnh sát đệ trình chúng. Các bác sĩ được triệu tới để diễn từ tính chất những thương tích trên một thân thể. Họ trình bày những cái họ đã khám phá ra bằng cách mổ tử thi để khám nghiệm. Tôi phải viết lại chứng tích bằng chính bàn tay tôi vô tất cả chi tiết sôi động nhất của nó. Một bản báo cáo về thân thể một người đàn bà bị hiếp dâm còn sôi động hơn nữa. Nhưng báo cáo ngay cả của một y sĩ cũng vẫn khả dĩ có thể chịu đựng được khi đọc nó, chứ còn nghe chính một người đàn bà tả lại tỉ mỉ thân thể của mình đã bị xâm phạm

13 Uddharedatmanatntanam (viết cách khác: Uddhared àt-manà 'tmànām): Hãy để chính cái bản ngã của người nâng cao người lên.

như thế nào thì quả là... Còn mấy luật sự thì cố đào bới mấy chi tiết để xem liệu có thể đưa vụ án vào tiết mục 379 được không¹⁴. Liệu dương vật đã đi sâu vào chưa? Tôi cảm thấy như mình đang quất vút các luật sư ấy. Họ cố chứng tỏ ngay cả một cô gái tử tế là không tinh khiết. Như thể một người đàn bà một khi đã không còn tinh khiết thì không còn có quyền gì về mình nữa. Như thế bất cứ một tên thô lỗ nào cũng được phép lạm dụng một người đàn bà không còn trong sạch. Đằng sau cái thái độ đó là những giá trị luân lý của cái xã hội bất bình đẳng của chúng ta. Do sự đồng ý chung thì một cô gái đáng thương đã một lần lầm lỡ thì sẽ biến thành một thứ đồ chơi cho tất cả mọi người vào bất cứ lúc nào. Còn một người đàn ông thì dầu có lầm

14 Ý nói nếu đưa được vụ án vào tiết mục 379 của đạo luật thì tội trạng sẽ giảm đi.

lỡ đến cả ngàn lần cũng vẫn được luật pháp che chở cẩn thận.

– Nếu tôi không che chở cho những cô gái bất hạnh này thì liệu có ai đứng ra che chở cho họ trong một xã hội như xã hội chúng ta? Ai trong số 2.200.000 dân này¹⁵? Và chẳng phải chỉ những đàn bà đó mà thôi. Ai là kẻ dám đặt lòng tin tưởng vào một người đàn ông đã từng có lần bị kết tội trộm cắp? Y có giành được chỗ làm việc bình thường không? Y bị dồn vào cái thế phải ăn cắp nữa. Lần tái phạm bị trừng phạt nặng gấp đôi. Chúng ta thường thấy tội trạng lần tái phạm nhẹ hơn lần đầu. Nhưng các quan tòa, vẫn một cách mù quáng, tăng án phạt nặng gấp đôi. Trên tòa thượng thẩm, tôi giảm án xuống. Tôi nói rằng nếu tội phạm lần sau đáng sáu tháng tù thì viên chánh án,

15 Tức là dân số khu vực thuộc tòa án của Sur.

xét theo tội đã phạm lần trước mà tăng thời hạn tù lên một năm. Nhưng nếu tội trạng lần trước lại ở trong một hoàn cảnh khác và do ông chánh án khác xử một năm tù thì sao. Nếu trong án sau mà tăng gấp đôi hạn tù một cách máy móc thành ra hai mươi tháng tù thì đích thị là đưa ra một sự trừng phạt vượt quá tất cả khuôn khổ của tội trạng. Làm như vậy các ông chánh án chẳng hề đáng trách bởi vì các kiểm tra viên tòa án đã nói với các vị đó là phải làm thế mới đúng luật.

– Bất cứ khi nào có cơ hội tôi đều giảm thiểu những án như vậy, gây ra những sự nguyên rủa của cảnh sát. Tôi cũng thiết lập một tổ chức những người sau khi hết hạn tù có thể tìm được công việc làm ăn bình thường. Không một ai muốn dành cho họ công việc làm ăn. Nếu làm thế, những kẻ dùng họ sẽ bị

cảnh sát để ý. Và ai là người thật sự đặt lòng tin tưởng vào kẻ đã có án? Nếu thu dụng kẻ đó thì có thể là bất cứ vào một ngày nào đó kẻ ấy lại chẳng cuồn đồ đạc mà trốn đi. Nếu một vụ trộm như thế được báo cho cảnh sát, thì cảnh sát chỉ nói: “Chúng tôi há đã chẳng cảnh giác ông (hay bà) rồi hay sao? Nếu tôi dám dùng một cựu phạm nhân vào giữ chân coi vườn cho nhà tôi và người đó phản tôi thì ông giám đốc cảnh sát hẳn sẽ bảo tôi: “Đã thấy chưa. Ông có thể làm cho một cái đuôi chó thẳng ra được không?”

Xã hội cần những vị thẩm phán tốt. Cái ý đó không đầy đủ. Cần phải thêm vào ý đó một cái ý khác nữa. Nếu không thêm vào cái ý thứ nhì này thì những kẻ như tôi hầu sẽ thấy cái ý trên tạo ra khó khăn lớn cho cuộc sống của mình. Tôi phải tiếp xúc với cái gì xấu xa, cái

gì giả dối, cái gì tồi bại. Do đấy, liệu tôi phải đưa ra cái kết luận là không có Hảo, Thiện, Mỹ hay sao? Tử cái nơi trú ngụ của tôi trong Địa ngục, thật khó mà tin rằng có Thiên đường hoặc có Thượng đế. Hiển nhiên là có con người. Nhưng liệu có phải con người mang cái hình ảnh mà Thượng đế đã tạo ra theo đúng với hình ảnh của chính Ngài chăng? Có cái gì chứng tỏ là có lòng-cha-thương con của Ngài để chúng ta bày tỏ với Ngài tình-con-đối với cha?

★

Từ thiếu thời của tôi tới giờ tôi vẫn là kẻ tôn thờ cái đẹp. Đối với tôi, “Đẹp” nhất định không phải một tiếng trống rỗng. Khi tôi còn trẻ, tôi tìm cái đẹp khắp nơi. Tôi đã bắt được những cái nhìn của

nàng, cái gấu áo nàng, một búp tóc nàng. Nhưng trong Âm phủ này làm sao nàng có thể gạt đầu gọi tôi chớ. Những ánh mắt của nàng bây giờ đâu? Luôn luôn tôi than thở vì sự thiếu vắng của cái đẹp trong cuộc đời thẩm phán của tôi. Tôi đã gần như phải nhượng bộ trong tuyệt vọng. Linh thị nội tâm của tôi phát triển từ mười năm về trước. Cuối cùng tôi trở thành bị thuyết phục. Cái đẹp vốn hiện hữu.

Cái đẹp vốn hiện hữu. Con đường nàng đi chạy xuyên qua tất cả nỗi lo âu này, chạy ngang qua những mớ rác rưởi này, qua một thung lũng hẹp la liệt những đàn ông đổ gãy, những đàn bà ngã xuống. Con đường này là con đường của cái đẹp. Khi đi theo con đường ấy tức thị tôi đang đi theo những vết chân nàng. Tôi sẽ tìm thấy nàng. Tôi sẽ gặp nàng.

Nàng đi đằng trước tôi. Nàng di chuyển trên không khí, không động tới mặt đất. Nàng giống như Tapati, con gái của mặt trời. Và tôi, khi đuổi theo nàng, tôi lội bì bõm trong bùn và trong nước, tôi leo những ghềnh cao, tôi chạy và vấp trên mặt đất gồ ghề. Tôi giống như vua Sambarán. Tôi nhìn chăm chú lên trời, Con đường mà tôi phải đi tức thị con đường của nàng, là con đường đầy bóng tối của sự xấu xa và tội ác hãi hùng.

Điều đó như thể nàng tung bụi vào mắt tôi vì e ngại tôi trông thấy nàng quá rõ ràng; như thể nàng ném bụi vào mắt tôi cốt để tôi không thể nhận ra nàng. Hoặc giả đám bụi tự bay lên khi nàng đi qua. Tôi thấy bóng tối. Cái tên của bóng tối này là thực tại-phũ phàng, cái thực tại tiếp tục dồn vào tôi với những tội trạng mới và mới hơn nữa. Chỉ trong một hôm,

một người mẹ trẻ được đưa ra trước tòa án của tôi. Mẹ đã dùng chính hai bàn tay mẹ bóp chết đứa con nhỏ của mẹ. Cũng ngay hôm đó, trước mẹ, một ông bạn ra trước vành móng ngựa, một ông bạn đã dụ một thằng bé vào một căn nhà trống và giết thằng bé trong lúc nó ngủ. Y chặt đầu thằng bé và chôn nó dưới đám cát bên một con sông. Tôi sẽ không tiết lộ chút nào về cái kẻ mà vụ của y đang được xét xử. Vụ này cần được giữ kín. Nhưng vụ này vẫn còn là một sự phát giác khác về cái thực tại hung dữ. Tôi lặng lẽ tự hỏi liệu cái đẹp có ở đó không, có ở phía bên kia bóng tối không. Nếu tôi cất tiếng gọi liệu nàng có trả lời không? Tôi không thể trông thấy nàng bằng mắt tôi. Tuy nhiên tôi hướng mắt tôi vào nàng, về phía nàng, hướng mắt tôi ra khỏi bóng tối đó.

Không đâu, cái thực tại hung dữ, hãi

hùng của các người không khiến tôi mù được, mặc dầu hình ảnh thực tại đó có thể khiến tôi thất vọng. Tôi luôn luôn có thể nhìn qua nó, nhìn xuyên ngang nó. Các cảm giác của tôi vượt quá nó. Bàn chân tôi đá nó sang bên. Tôi không có ảo giác về nó. Tôi không bị nó bao phủ. Tôi không coi nó là tốt. Tôi chỉ chấp nhận nó. Có thời kỳ tôi đã nguyện không chấp nhận bất cứ điều gì trước khi chưa suy xét kỹ càng về nó, kể cả Thượng đế, cả đời sau, cả luân hồi. Giờ đây tôi vẫn chưa thể chấp nhận được cái giáo lý căn bản của kinh Gita. Giống như Arjuna¹⁶, tôi sợ hãi và run rẩy kêu lên “Tôi đã lạc hướng và không thể tìm thấy sự bình tâm khi ta nhận thấy những chiếc mỏ khoằm của Người¹⁷, những chiếc mỏ giống như những ngọn lửa tàn phá của Thời gian.” Tôi bỏ qua phần còn lại.

16 Arjuna: nhân vật chính trong Bhagavad Gita.

17 Người: một con quái vật mà Arjuna phải chiến đấu với.

Thực tại thì hung dữ. Tôi chấp nhận điều đó. Nhưng “thực tại” không phải là tiếng cuối cùng. Mắt tôi nhìn chăm chú vào kẻ đã ném thực tại vào mặt tôi. Kẻ đó không phải một nữ quái hung dữ với những móng vuốt khủng khiếp. Khuôn mặt nàng không tàn phá với những ngọn lửa của nó. Nàng rất ư thân cận với tôi, nàng rất ư thuộc về tôi. Tôi là của nàng. Mỗi liên lạc của tôi với nàng là một mối liên lạc thường trực. Không một ngày đi qua nhưng tiếng những bước chân nàng vọng đến tại tôi. Tiếng động của cặp cánh đang bay của nàng nổi rõ hẳn lên khỏi tiếng ồn ào mơ hồ lộn xộn của phòng xử. Tôi không thể dời bỏ cái ghế thẩm phán. Tôi bị ghim vào chỗ ngồi của tôi. Tai tôi hướng vào người chứng hoặc bị cáo, hướng vào viên luật sư biện hộ hoặc viên biện lý. Nhưng tiếng lục lạc ở cổ nhân một sự hiện diện vô hình nào

đó rung lên cho tôi. Có một kẻ khác hiện hữu. Nàng thì hiện hữu. Nàng thì hiện hữu. Đó là kẻ phản đối tất cả cái thực tại này. Đó là một kẻ không kém có thực, không kém có tính chất hiện tại. Đó là một kẻ có thể bị tóm lấy nếu người ta biết cách tóm lấy ra sao, có thể bị động tới nếu người ta biết cách động tới như thế nào.

Vợ của Neogy đã không thể cứu ông ta khỏi cái rãnh nước. Nhưng người yêu đầu của tôi đã giữ cho tôi khỏi vấy bùn nhơ. Tôi chỉ sống động nhờ ân huệ của nàng. Nàng đã làm được cái mà không người vợ nào đã có thể làm được. Như vậy tại sao tôi lại phải nghĩ tới hôn nhân chứ? Bạn thanh thân hơn tôi ở chỗ nào chứ? Tôi thua thiệt ở chỗ nào chứ? Mớ tóc bạc của tôi không phải một lá cờ đầu hàng. Tôi không chấp nhận sự thua trận.

Hàng ngày tôi vẫn xông vào chiến đấu với cái thực tại ác nghiệt đó. Tôi không thể thất trận, không phải nhờ ở đức tính sức mạnh của chính cánh tay tôi, nhưng nhờ ở đức tính vẻ quyến rũ kỳ diệu mà rằng đã ban cho tôi. Một người đàn ông vốn muốn sự không-thể-thua. Người đàn bà giúp y làm kẻ vẫn-cứ-không-bại-trận chính là người đàn bà mà y tìm kiếm. Nàng hiện hữu bằng xương thịt hay không bằng xương thịt thì điều đó liệu có hề chi?

Maitra à, có thể rằng bác coi tôi như một kẻ bất hạnh. Chẳng có ai để mà nấu nướng những món ăn ngon theo kiểu Bengali cho tôi ăn. Một đầu bếp người Hôi không thể sửa soạn ngay cả đến món bầu đắng cho ra hồn. Khẩu vị của tôi, giống như khẩu vị của Huân tước Sinha trong tòa nhà Chánh phủ ở Patna,

là khẩu vị Bengali, bắt cần biết là có vì khẩu vị ấy mà tôi bị Anh hóa hay chẳng. Có một thời kỳ tôi cũng đã tự coi mình là kẻ bất hạnh. Tôi đã cố tìm một giải pháp. Tôi đã không thấy giải pháp đó trong hôn nhân. Đàn ông không chỉ sống bằng bánh. Cũng như thế, đàn ông hẳn nhiên không chỉ sống cho một người vợ. Y phải tạo lập một sự hòa hợp giữa những trạng huống mâu thuẫn nhau của đời y, giữa vẻ đẹp và vẻ xấu xa giữa cái tốt nhất và cái tệ nhất. Tôi vốn vẫn không thể làm được cái công việc tạo sự hòa hợp đó. Giữa những tiện nghi ngoại tại của lối sống của tôi, tôi đã nôn nóng. Giờ đây, sau hết tôi đã tìm ra một thứ giải pháp. Tôi không nôn nóng nữa. Tôi bình tĩnh. Giải pháp của tôi không nằm trong sự bay¹⁸ đi, nhưng trong sự đuổi theo cái kẻ

18 Trong bản Anh ngữ, sự bay đi là flight và sự đuổi theo là pursuit. Ở truyện này, hai tiếng đó gần như “không thể dịch được” bởi vì cũng trong phạm vi ý nghĩa truyện này, ngoài cái

đang bay đằng trước tôi

✱

Trời đã muộn. Maitra nói bằng giọng buồn ngủ:

– Sur à, tối nay, bác đã kể cho tôi nghe một chuyện thần tiên thật hay. Bác tài kể chuyện lắm.

Sur cười lớn. – Bác thấy câu chuyện ra sao? ông hỏi.

– Giải thoát tâm trí lắm. Maitra ngáp.
– Rất mong tôi đã nghĩ không sai là bác đã kể cho tôi nghe về chuyện tình buồn bã thầm kín của đời bác, về người đàn bà mà bác đã không lấy được, vì người

nghĩa như đã tạm dịch ở trên, flight còn có nghĩa là sự đào tẩu, và pursuit là truy nã (hai tiếng về luật pháp). Chúng tôi đã dịch theo cái nghĩa quan hệ nhất của hai tiếng đó.

đó mà bác vẫn cứ sống độc thân. Tôi tin tưởng là có một người đàn bà như thế. Nếu không có ở xứ này thì có ở ngoại quốc. Cái người mà bác vừa tả không phải chỉ là tưởng tượng. Một ngày nào đó, nàng sẽ có thực.

– Không, không đâu. Điều đó sẽ chẳng bao giờ xảy ra. Nàng đã tới trước nên không tới đúng chỗ của nàng. Người đàn bà trong những giấc mơ của tôi đã thay thế nàng hoàn toàn. Một ngày nào đó tôi sẽ kể cho bác nghe chuyện đó nếu bác muốn biết.

Nói tới đây, Sur đứng nhìn theo Mai-tra đi ra xe hơi.

– Đưa quan Đốc về dinh.

Sur nói với bác tài.

Người hầu của Sur chạy tới giúp ông

cởi bỏ chiếc áo ăn. Ông mặc bộ pi-gia-ma và ngồi xuống xem xét hồ sơ vụ án đang được xử, cho tới lúc đêm đã rất khuya.

Annada Sankar Ray

LÊ HUY OANH dịch

KWANG YONG CHUN

NGƯỜI HÀNH QUYẾT

Kuang Yong Chun sinh năm 1919 tại vùng Nam tỉnh Hang Kyong, tốt nghiệp phân khoa Nghệ thuật Tự Do và Khoa học thuộc Đại học Quốc gia Hán Thành, và sau này ông theo học bậc Cao học cũng tại Đại học này.

Hiện nay ông phụ trách môn Văn chương Đại Hàn ở phân khoa Nghệ thuật Tự Do và Khoa học tại Đại học mà ông đã tốt nghiệp, đồng thời ông là Tổng thư ký Hội Văn Bút Quốc tế, trang tâm Đại Hàn.

Truyện ngắn do ông sáng tác gồm có: Đảo Huk San (1955), Chin Kai Kuon (1955), Yung 1234 (159), Lâu Đài của Vua (1959), Chung Mai Hua (1960), Đại úy Lee (1962; được giải thưởng văn chương Tong In), và nhiều truyện ngắn khác nữa. Ngoài ra, ông là tác giả truyện dài Thân Thể Trần Trường (1944) và Núi Tai Baik (1964).

Truyện ngắn dưới đây được dịch theo bản Anh ngữ, nhan đề:

The Executioner

của Sung Shik Cho.

ôi chẳng khi nào biết được làm sao tôi tỉnh lại ở một chỗ như chỗ này và Kyong Hi ở ngay đây. Tôi nắm chặt bàn tay nàng đang rút ống nhiệt kế

ra khỏi nách tôi. Những ngón tay nàng lạnh. Những ngón tay nàng chưa bao giờ lạnh như thế. Hơi ấm ở những ngón tay nàng trở lại với tôi một cách dịu dàng, hơi ấm mà tôi đã quen trong những ngày qua. Tôi mở mắt ra. Đầu óc tôi xoay tròn làm như tôi đang ở trong đám sương mờ.

– Y tỉnh rồi. . .

Không phải tiếng của Kyong Hi; tiếng nàng chưa bao giờ lạnh băng như thế. Đó là tiếng của người nữ y tá. Màu trắng của áo bờ-lu – giống như tang phục trắng ta mặc khi có người qua đời – đem tôi đi xa. Tôi ở trong cơn mơ. Nhưng với sanh mạng của tôi thì tôi đang tỉnh. Tôi có thể nghe thấy hơi thở tôi nặng nề, khó khăn. Tim tôi hẳn đang đập mau.

Những phát đạn — năm phát đạn liên tiếp đó — còn vang vang ở màng

tai tôi. Trong thời gian kéo dài vô hạn tôi không biết B hay là tôi bị bắn. Trận đấu đã kết thúc. Không biết là B hay tôi thắng. Tôi rờ tai. Tại tôi bị đứt, và được vá lại. Bây giờ, vết thẹo lồi ra ở vành tai giống như chỗ da thành chai. Lần đó tôi là kẻ bại; tôi đã là kẻ bại liên tiếp từ đầu tới cuối. Không chừng ngay cả bây giờ tôi cũng vẫn là một kẻ bại.

★ ★ ★

Giáo sư là một người đàn ông mập mạp, có biệt hiệu là Gấu. Y thuộc loại kỳ đà cản mũi. Tánh khí y bộc lộ ra trong lớp học. Giờ học nào cũng có không ít nạn nhân bị kéo tai hay bẹo má. Tôi nhớ hôm liền ngay sau ngày Hội Trăng, B và

tôi đã bị khổ vì không làm bài tập ở nhà. Tiếng “e hèm”, theo sau mỗi tiếng Gấu nói và y cứ giữ hoài thói quen hăng giọng đó. Tôi không đặc biệt chú ý đến những lời giảng của y; thay vào đó, cứ mỗi lần tiếng “e hèm” phát ra, tôi lại gạch một gạch vào cuốn sổ. 79 - 80 - 81... Chuông tan học sắp reo. Theo thói quen, tôi đang ghi dấu, nóng lòng đợi đến cái gạch thứ 100. Và B ngồi cạnh tôi cùng bàn liếc nhìn sang xem tôi làm gì. Không còn ngờ gì nữa, Gấu đã theo dõi bàn chúng tôi. 99... Chuông tan học reo. Tôi ngẩng đầu lên, chợt thấy hơi phiền muộn trong lòng. Rồi nổi phiền muộn ấy. “E hèm!” “100”. Trong khi tôi đếm một mình thì B phá lên cười.

– Cái gì mà buồn cười quá vậy!

Tiếng găm thét làm tôi tỉnh người. Chúng tôi chờ đợi những cú đánh khi

thấy Gấu đi về phía chúng tôi. Lúc mắt y dời cuốn sổ của tôi thì y ra lệnh cho chúng tôi đứng dậy.

– Đứa nọ đánh vào má đứa kia!

Tuy nhiên, lệnh lập đi lập lại mấy lần mà chúng tôi cũng chẳng có phản ứng gì. Ngay cả ở trong bầu không khí đe dọa này mà tôi cũng không quên ngó trộm Kyong Hi ngồi ở hàng ghế gần bệ cửa sổ. Nàng đang ngó chúng tôi một cách chán nản tựa như nàng cũng chung cảnh ngộ. Những bạn khác trong lớp hẳn là đã nhìn chúng tôi, nhưng tôi chỉ nhớ ý nghĩa tia mắt nàng ngó chúng tôi.

– Đánh vào má như thế này!

Lòng bàn tay Gấu đập vào má tôi thật mạnh, tôi cảm thấy mắt tôi bốc lửa nhưng thế đó chưa đủ đau đâu. Tay Gấu

bay tới má B. Y nắm lấy tay B đánh vào má tôi. B ném cho tôi một cái nhìn lộ vẻ không có ý hại bạn. Tôi hiểu ý nghĩa trong tia nhìn loé lên của B – Chúng ta đánh lẫn nhau cho xong chuyện đi.

– Đánh mạnh nữa vào! Coi đây, như thế này, này!

Tay Gấu lại đánh vào má B. Lúc sau đó, tay B tới đánh tôi mạnh hơn trước. Theo linh tính, tôi đánh B có hơi mạnh hơn. Bằng động lực tàn nhẫn hơn bao giờ hết, tay B đánh trả lại tôi.

– Mạnh nữa! Mạnh nữa vào!

Trong khi tay B tát vào mà tôi kêu đôm đốp mỗi lúc một lớn theo lệnh của Gấu thì tôi cũng đánh trả lại y như thế cho tới khi tôi cảm thấy oán hận B. Lòng oán hận mà tôi chứa chất bấy lâu chuyển

hướng sang B, và tôi ra sức đánh B mạnh hơn.

– Này cậu, muốn đánh thật hay sao?

Y nói, và đánh tôi hết mình. Tôi có thể nhận thấy khá rõ có cái gì thù hận loé lên ở mắt B. Gồng bắp thịt tay lên, tôi đánh y thật đau.

– Rồi chưa?

B vừa nói vừa tránh cú đánh của tôi vào mũi hắt. Tay B vừa vịn đánh sang khi má tôi bị rát không còn biết đau nữa. Mãi tới nhức dữ dội và vịn vật sụp đổ trước mắt tôi. Máu mũi tôi chảy dài trên sàn gỗ của lớp học. Vào lúc tôi sẵn sàng trả đũa cú đánh xấu thì Gấu ra lệnh:

– Thôi đủ rồi!

Tay tôi chỉ đánh gió vì B bước lùi một bước. Vụ đánh nhau vô ích này đã kết thúc. Nếu màn chơi đáng kể thì B thắng và thắng chót lọt.

✱

Những chai lọ đứng thành hàng trên giá hiện ra trước tầm mắt tôi: trắng, nâu, xanh lam, xanh lục... Đầu óc tôi quay cuồng. Ống chích nằm trên bàn với cây kim bọc trong miếng gòn thấm nước, và lạ thay nó làm cho tôi cảm thấy nhức nhối nơi tim. Phải, ngày hôm đó viên đạn từ khẩu súng hơi bắn ra cũng làm cho tôi có cảm giác lo sợ như thế.

✱

B cùng học một trường trung học với tôi, và hơn thế, chúng tôi cũng được xếp chung một lớp. Ở trường hay về nhà chúng tôi luôn luôn có nhau trừ khi đi ngủ. À không. B ngủ đêm ở nhà tôi cũng như tôi ngủ đêm ở nhà y là chuyện thường, Về cá tính cũng vậy, chúng tôi đều giống nhau. Nghe nói sau khi tôi ở chơi với y lúc chập tối về thì y học riết tới nửa đêm. Tôi cũng dùng chiến thuật như thế. Hiển nhiên là cả B và tôi không học hành chăm chỉ nhưng dầu vậy, trong thâm tâm, chúng tôi là hai địch thủ đang âm mưu. Khi B hoặc tôi ở lại chơi trể và ngủ đêm tại nhà nhau, kết quả là cả hai đứa ngoài những giờ cùng nhau học tập, chỉ giết thời giờ một cách tầm phào.

Kyong Hi là một hiện hữu dịu dàng giữa chúng tôi. B và tôi đều cùng ưa thích

nàng. Tôi nghĩ tôi yêu nàng hơn B, của B cũng nghĩ y yêu nàng không kém gì tôi, và sự thực rành rành như vậy. Kyong Hi có vẻ sung sướng khi gặp tôi hơn là khi gặp B. Vô số thư từ của B không được nàng trả lời, nhưng tôi thì mỗi lần viết đều được nàng hồi âm.

B và tôi nói với nhau bất cứ chuyện gì có thể xảy ra giữa hai đứa, nhưng khi đến chuyện Kyong Hi thì cả hai chẳng đứa nào muốn đả động tới.

Bấy giờ là mùa xuân và việc sắp hạng tính cho năm học đã qua. Lần đó, kết quả ở trường B học tấn tới hơn tôi, ngoài mặt tôi làm vẻ bình thường, nhưng trong thâm tâm tôi giận dữ vì phải nhìn nhận tôi là kẻ bại. Tâm trí tôi nung nấu ý chí cương quyết theo kịp B sau này.

Một hôm tới nhà tôi, tình cờ y trông

thấy lá thư của Kyong Hi kẹp trong cuốn sách của tôi. Tôi thành thật cho y biết tôi định hỏi nàng làm vợ, bởi lẽ tôi nghĩ tốt hơn nên làm sáng tỏ chuyện giữa tôi với Kyong Hi để tránh cho tình bạn hai chúng tôi bị đổ vỡ vì một thiếu nữ. Trong bụng tôi hy vọng y sẽ can đảm nhượng bộ, nhưng mọi việc lại xảy ra cách khác. Y hiểu y cũng tìm cơ hội thuận tiện để cho tôi hay y rất muốn cầu hôn với nàng.

Chúa nhật trước, B, tôi cùng với Kyong Hi và bạn nàng đi chơi vùng ngoại ô. Với khẩu súng bắn bằng hơi tôi hạ được hai con chim chích choè và hai con chim sẻ trong khi B chỉ giết được có ba con chim sẻ thôi. Trên đường về chúng tôi thử tài bắn vào những trái táo trong vườn cây bên bờ suối. Tôi trở thành kẻ thắng. Mặc dầu B, phiền muộn trong lòng, bị buộc phải mua một tô mì ở tiệm ăn chệt

vào chiều hôm đó, hấn cũng không quên đề nghị một trận so tài thứ hai vào tuần sau. Tôi sẵn sàng nhận lời thách đố của y.

Hôm đó hiển nhiên là chúng tôi còn một đôi chút vui vẻ, dấu rằng một tình cảm tế nhị che phủ B, Kyong Hi ở giữa, và tôi, nhưng cả hai chúng tôi không ai chịu nhượng bộ ai một cách quảng đại khi đụng đến chuyện tình kia. Theo tôi, Kyong Hi chiếm một chỗ quý báu trong tâm trí tôi và, hơn nữa, vì tôi biết chắc tình cảm nàng đối với tôi, nên thật là vô cùng quan trọng nếu có kẻ nào toan tính chia lìa tôi với nàng. Kyong Hi cư xử với B bằng tình thân bạn bè, những chưa bao giờ cho B cơ hội thân thiết để gần gũi nàng, điều này càng làm cho y cảm thấy say mê nàng hơn.

– Phải so tài một keo nữa; không còn cách nào khác...

B cầm cổ tay tôi kéo đi ra ngoài. Mang súng bắn hơi theo, chúng tôi ra khỏi thành phố. Đề nghị của B, tuy nhiên làm tôi kinh ngạc tới bật ngửa người. Một trong hai đứa chúng tôi sẽ đứng sát bên cây dâu, đứa kia sẽ bắn ngay vào giữa thân cây, chỗ tầm cao ngang tai. Kyong Hi sẽ đến với người thắng. Mới đầu tôi từ chối, nhưng tôi phải chấp nhận đề nghị của y vì y chơi nước cao và tôi thì không muốn làm thằng hèn. Thử đến, chúng tôi phải quyết định xem ai bắn trước. Tôi sẽ bắn trước vì chính tôi đã nêu vấn đề Kyong Hi phải đi đâu. Cách B nói giống như là một mệnh lệnh phải được tuyệt đối tuân theo. Tôi nghĩ Kyong Hi sẽ chấp nhận toàn thể cuộc thi tài như là một chuyện bỉ ổi, nhưng lần đó tôi không còn cách nào khác. Cầm súng, tôi hít một hơi dài và nhắm ngay vào giữa thân cây, chỗ tầm cao ngang tại B, tôi bóp cò. Tôi chậm rãi

bước tới gốc cây và hạ súng xuống. Viên đạn đi hơi cao một chút nhưng trúng ngay giữa thân cây. Mắt chúng tôi gặp nhau. Đến lượt B. Y đặt tôi đứng sát bên cây và đi tới chỗ bắn. Cầm súng lên, y đặt bá súng vào vai phải và tì má bên mặt vào đây; một mắt y mở hí và nhắm súng thật kỹ. Cái vẻ quá ư cẩn thận ấy trông khô hài làm tôi phá lên cười. Vào lúc đó y bóp cò súng. Với một tiếng thét thân thể tôi xoay đi nhiều vòng rồi té xuống đất cái bịch. Viên đạn xuyên thẳng trái tai bên phải của tôi. Máu chảy xuống má. Tôi cảm thấy những ngón tay tôi dính máu khi tôi sờ vết thương.

Chuyện này không phải là hết. Chúng tôi rất giống nhau về nhiều mặt – lối suy nghĩ và cách làm các công việc; tất cả sự tương đồng này không khéo chỉ là trùng hợp. Nếu bất ngờ tôi có làm công việc gì

do óc tưởng tượng của tôi không thôi, thì B không mất thời giờ nghĩ ra một công việc giống vậy hay thật ra y làm công việc tôi mới vừa khởi công mà không may may có một mối tương quan liên hệ nào. Trong tình trạng đua tranh thuộc bản năng, dài liên miên này và mặc cảm tự tôn quá cao tất có một nguy cơ làm rạn nứt bề mặt của tình bằng hữu chúng tôi. Trong một thời gian lâu chơi với nhau từ thuở ấu thơ, những trường hợp loại này xảy ra thường quá kẻ không xiết.

*

Người nữ y tá đặt cái khăn lạnh ướt trên trán tôi. Hơi lạnh cho tôi một cảm giác khoan khoái. Tri giác mịt mờ của tôi tìm chỗ phải tới cho đến khi nó trở lại thẳng ngay tôi. Mí mắt tôi còn nặng nên

tôi không nhắm mở được dễ dàng.

✱

Trên một chiếc xe vận tải 3/4 tấn đang phóng đến địa điểm hành quyết, bốn binh sĩ của đội hành quyết, không kể tôi, đang cười đùa kể lại cho nhau nghe những chuyện phiêu lưu ngoài giờ, công vụ trong Chúa nhật trước. Bằng những điệu bộ hùng biện và nước miếng văng ra, một anh trong bọn khoe chuyện anh ta hoàn toàn chịu thua cái thân thể diêm kiều của một cô gái măng tơ, 17 xuân xanh, từ Cholado tới. Tôi không mấy may chú ý tới câu chuyện của họ; tâm trí tôi hoàn toàn chỉ nghĩ đến B.

Đáng lẽ tôi không bị quá dao động như lần đó nếu tôi đã gặp B mà không

biết nơi ở của Kyong Hi. Tôi mới được thuyền chuyên đến đây. Tôi ở văn phòng đi ra hành lang sau khi trình diện đơn vị trưởng thì tôi chạm trán B. Chúng tôi đã không biết chuyện gì xảy ra cho mỗi đứa. Khi bất ngờ gặp B tôi la lên một tiếng lớn, nắm lấy tay B. Nhưng mặt B không lộ ra vẻ gì trước ý tình mộc mạc trong cử chỉ đón tiếp niềm nở kia mà con người đã gần gũi với cái chết thường có. Tôi lơ mơ cảm thấy cử chỉ của y ngượng ngùng, do dự. Biết bao năm trời xa cách! Còn ngờ gì nữa, thái độ của y rõ ràng là có đôi chút ngượng ngùng mà y cố giấu đi trong phức tạp của những điều y đang suy nghĩ thay vì lao mình vào biển hân hoan giản dị của tình bằng hữu.

Dẫu cho tôi chưa chính thức làm hôn lễ, tôi nghĩ tôi đã hứa hôn với Kyong Hi, và bà con xóm giềng cũng nghĩ như thế.

B một mực giữ lập trường của y, không công nhận địa vị của tôi với Kyong Hi, nhưng y bắt buộc phải nhượng bộ những điều kiện vô tư. B có thể xem xét kỹ lưỡng những chuyện gì xảy ra giữa tôi và Kyong Hi. B và tôi luôn miệng nhắc tới những người sống chung quanh chúng tôi trước trận chiến tranh Cao Ly, và trong câu chuyện nói với B thỉnh thoảng tôi có đã động tới nơi ở của Kyong Hi, B luôn luôn trả lời không biết nhưng tôi thấy ở hẳn có một cái gì không thích đáng mà cũng chẳng minh bạch, Giác quan thứ sáu của tôi (lúc tôi gặp B trước đó) đi thẳng tới kết luận là quả có thể B nói y mắc bận ngày hôm đó và không có chuyện gì xảy ra nữa.

✱

Sau hết tới sự việc có tính cách quyết định hơn. Nghỉ phép xong, tôi đang trở về đơn vị thì bất ngờ gặp B đi cùng với vợ con y. Tất cả bí mật tôi bị giấu bấy lâu nay được phơi bày ra. Kyong Hi — bây giờ là một bà mẹ — đang đứng cạnh B. Nàng kêu lên một tiếng nhưng giây phút sau đó nàng lấy lại bình tĩnh, cũng tự nhiên như cái máy ngưng chạy khi bị cúp điện. Qua B, nàng có thể đã biết rằng tôi còn sống. Với tính nhẫn nại có thể nàng đã chấp nhận sự việc xảy ra là chuyện đã rồi. Tuy nhiên vụ chạm mặt đột ngột đáng lý ra phải làm nàng bị xúc động rất mạnh. Tôi cảm thấy tôi suy luận đúng vì nghĩ rằng tôi hiểu nàng quá nhiều trong quá khứ. Tôi không muốn nghĩ là nàng gần lại tôi hơn là hiện tại mà tôi cũng chẳng thể trách được nàng là người không trung thành — Chiến tranh muốn cho sự việc diễn biến ra sao cũng được, và tôi

phải ép mình nhìn nhận chúng một cách càng độ lượng, đơn giản chừng nào càng hay chừng đó: không còn cách gì khác nữa. Bầu khí yên lặng bao phủ những tia nhìn ngẩn ngui, bối rối của chúng tôi đè nặng trên tâm hồn tôi. Vẻ mặt của Kyo-
ng Hi làm tôi hiểu những gì tôi cảm thấy là đúng. Nàng hết nhìn trộm tôi rồi lại nhìn trộm B.

Nhưng điều làm tôi ngạc nhiên nhất là những câu nàng nói với tôi. Nàng hỏi tôi được mấy con. Không bận tâm hỏi xem tôi đã lập gia đình hay chưa, nàng vội vàng thăm hỏi tôi. Sự lạnh trí thông minh khác thường của nàng. Có thể đó là một ý niệm khôì hài được che bằng một lớp màn mỏng để cứu vãn bầu không khí nặng nề. Những lời lẽ của nàng, tuy nhiên không có vẻ gì xuất phát từ lòng hồi tưởng đến mỗi tình say đắm của

nàng đối với tôi. Chúng chỉ biểu lộ sự cộng tác của người vợ với người chồng hoặc ít ra thì cũng là một luyện tiếc rẻ tiền cái kỷ niệm dĩ vãng của nàng về tôi. Tôi đứng đó tự cảm thấy mình ngu xuẩn không biết nói năng ra sao.

Tôi không thể tránh cảm thấy một cảm giác kỳ lạ, cho rằng mỗi hận thù tôi ấp ủ lâu nay đối với B lần lần xoay chiều khi thì nhắm vào B rồi lại hướng vào Kyong Hi. Trạng thái này còn kéo dài một lát nữa. Sau cùng tôi thấy tôi che chở Kyong Hi bởi lẽ nàng bị bắt buộc phải chia lìa tôi, trong khi đó thì mỗi hận thù B thất tín bắt rễ trong tâm khảm tôi.

✱

Tôi hồi tỉnh lại, nhưng không được lâu. Tri giác tôi vụt hiện ra, vụt biến đi như con đom đóm lập loè. Chỉ những hình ảnh vụn vặt hiện lên rõ ràng.

Dưới chân núi tuyết phủ, gió lạnh đang thổi. Cảnh này chắc hẳn đã xảy ra ở địa điểm hành quyết. Tôi khá nổi tiếng trong đơn vị là một tay xạ thủ giỏi, được điểm khá cao về súng sáu, cạc-bin và súng trường M-1. Nhưng tôi không có ý nghĩ rằng tôi sẽ được chọn làm xạ thủ của đội hành quyết. Tôi không thích thế. Một khi đã được chỉ định thì không thể tránh khỏi. Sẽ chẳng có ai muốn tình nguyện làm một công tác như thế. Hành quyết bằng ghế điện lại là một chuyện khác. Nếu người ta bấm một nút điện thì máy sẽ làm chu đáo mọi việc mà chẳng còn bị ai trông thấy. Công tác của tôi có đôi chút khác hơn và tôi không ưa thích

nó. Có lần tôi đã nghĩ đến những công tác ghê rợn của người hành quyết trong trại tù. Tôi rùng mình khi nghĩ đến tất cả chuyện đó và tôi thương thay cho những người vô phước đã phải lo thi hành công tác hành quyết như là một nghề. Sẽ chẳng có căn bản tương thuận cá nhân giữa kẻ sát nhân và người thọ tử — ít ra là trong lúc tiến hành vụ hành quyết.

Nhưng lần này thì khác. Khi tôi biết rằng B phải chết vào ngày đó, thì tôi, dầu là trong giây phút rất ngắn ngủi, gần như muốn tặc lưỡi thích thú. Mặt B hiện ra trước tôi, mặt Kyong Hi tỏa ra vòng hào quang ở sau hần. Những khuôn mặt đó xuất hiện không như những bạn của thời thơ ấu được bao quanh bởi vòng hào quang kết tinh của tính mộc mạc và lòng thương mến nhau. Nhưng chúng xuất hiện như người chồng và người vợ

bị bối rối mà tôi nhớ lại lúc tình cờ gặp họ. Điều đó làm tôi chán ngấy.

✱

Tôi mở mắt ra.

B đang đứng cách 10 thước trước mặt tôi. Cha tuyên úy đọc kinh xong. Ông hỏi B có muốn trời trăng gì không. B lắc đầu. B chưa bao giờ nhìn nhận hẳn là kẻ thua cuộc. Cứ có cuộc đua tranh nào là y như rằng tôi phải ở thế nhường bộ. Ngày hôm ấy, trong giây phút nghẹt thở của giờ lâm tử, lúc đời B sắp kết liễu, chúng tôi đối diện nhau trong thung lũng tuyết phủ mà hai đứa chưa có dịp cùng nhau đi thăm cảnh. Đôi mắt B không lộ vẻ ngạc nhiên khi hướng vào tôi. B hoàn toàn cam chịu số phận nên chẳng biết

đến sự hiện hữu của tôi. Tôi vẫn còn bị thua cuộc trong lúc cuối cùng này. Nếu không xảy ra chuyện tôi đến đây như một xạ thủ của đội hành quyết thì họa may y còn nói với tôi đôi câu. Ít ra y cũng muốn trời trăng vài điều cho Kyong Hi.

Năm xạ thủ của đội hành quyết vào vị trí, đứng hàng ngang, người nọ cách người kia một khoảng đều nhau. Tay B bị trói... Mắt B bị buộc bằng một dải vải đen, mảnh vải hồng tâm điểm được gắn bên ngực trái y khiến y không thể nào bị bắn trật, màu đỏ phản chiếu ánh nắng chan hòa. Thỉnh thoảng có một vài tiếng ho vô nghĩa, còn không ai nói một lời; họ chỉ đi tới đi lui.

Tôi đã đến nhà B để thăm Kyong Hi ngay sau khi tôi đọc báo thấy B đã bị bắt giữ về tội phản loạn. Tôi đã được hay tin hồi đó có sự gì bất thường nơi hấn, và

cách cư xử kỳ dị, nổi cơn của hắn xảy ra nhiều lần trong gia đình. (Tôi vẫn tin rằng hắn là người bạn tốt nhất trong số các bạn tôi. Những cuộc so tài cá nhân giữa chúng tôi càng căng thẳng tôi càng nghĩ đến hắn. Trên 30 năm sống trên cõi đời này, B đã chiếm một chỗ sâu xa nhất ở trong tim tôi và tôi đã quen biết hắn lâu hơn bất cứ ai. Chúng tôi là bạn thân với nhau không phải vì lợi lộc riêng tư. Một vài cuộc ganh đua cá nhân kể cả vụ tranh thủ tình yêu của Kyong Hi cũng không phải do một hận thù có ý thức. Phần nào tôi cho là thời cơ đã làm cho những cuộc ganh đua kia có màu sắc của định mạng không thể tránh khỏi. Tôi không muốn mô tả những chi tiết về những tội mà y là nghi phạm bởi vì B vẫn còn là người bạn duy nhất mà tôi đã và vẫn còn mến yêu. Tôi không thể tránh lưu tâm tới y bằng tình cảm vô tư trong

khi những cuộc ganh đua tất phải xảy ra của chúng tôi càng trở nên gay cấn.

Kyong Hi nước mắt đầm đìa lúc gặp tôi. Chúng tôi thương cảm nhau như những người thân trong gia đình xa cách nhau lâu ngày và tôi ý thức được rằng không có một trở ngại nào giữa chúng tôi. Kyong Hi không hề đã động tới việc tìm cách cứu B, nhưng qua lời nàng nói, tôi có cảm tưởng nàng muốn bào chữa. Nàng không biết tôi ở đâu trong lúc chiến tranh — sau cuộc tái chiếm Hán Thành nàng gặp B là người bạn đã từng biết rõ diễn tiến tình yêu giữa tôi và nàng. Nàng tìm đủ mọi cách để biết rõ những gì xảy đến với tôi nhưng hoàn toàn vô ích — và nàng chính thức thành hôn với B. Tim tôi sẵn sàng chấp nhận nàng nếu như nàng bỏ B mà trở lại với tôi vì tình yêu và lòng đại lượng đối với nàng vẫn phần

nào còn lại nơi tôi. Nhưng tôi đã gần gụi cái chết nhiều lần. Hơn nữa tôi đã không gắng sức hết mình để săn sóc Kyong Hi, điều này làm tôi tự trách mình. Nàng thì không có lỗi gì để tôi trách cứ; trái lại, tôi cảm thấy nơi tôi có một niềm xót thương đối với nàng. Nhưng quá trễ rồi. Chúng tôi phải tìm cách để cứu B.

✱

Chúng tôi mở khóa an toàn. Tiếng va chạm của kim khí nghe lạnh lùng, xuyên qua bầu không khí yên tĩnh của thung lũng. Không biết tới ngoại cảnh, tay tôi sờ lên vết thẹo ở trái tai. Ngón tay trở của tôi cảm thấy bề mặt xù xì của vết thẹo ở trái tai giống như vỏ đậu. Những ngã biển hỗn độn, rời rạc đổ ập xuống tôi. B, Kyong Hi, Gấu, khẩu súng bắn hơi,

những biến đổi không cùng của cảm xúc phức tạp.

– Chuẩn bị bắn!

Khi lệnh hô vừa dứt, những xạ thủ đặt súng lên vai và ngắm vào hồng tâm điểm ghim ở bên trái ngực B.

Tôi tỉnh lại trong giây phút.

Cảm giác thẳng keo cuối đi qua lỗ ngắm khẩu súng tôi đang hướng vào tim B. Nhưng một lúc sau, tôi phủ nhận cái nhận thức lạnh lùng ấy. Nếu có một phép lạ nào, và ước gì có một phép lạ xảy ra đem B thoát xa cảnh chết chóc mà y đang lâm vào này! Tôi cảm thấy lạnh nơi đa phía trong của ngón tay trở khi chạm vào cò súng. Những xạ thủ khác của đội hành quyết sẽ gọi những viên đạn vào tâm điểm trên ngực B, đạn sẽ xuyên thấu

và xé tim y dầu cho tôi có không nổ súng đi nữa.

– Bắn!

Tiếng thét tiếp theo ngay lệnh hô bắn. Tôi ý thức được tôi chưa bóp cò súng. Trong lần chạm mặt cuối cùng với B, tôi vẫn còn chậm chạp trong cử động. Tôi không thể bỏ ngang vào giữa cuộc phấn đấu với y. Tôi ráng sức bóp cò. Tôi chỉ cảm thấy súng giật hậu khi nòng súng hất ngược lên trong không khí. Mùi thuốc súng khiến mũi tôi có một cảm giác lạ lùng.

Những viên đạn của bốn xạ thủ đã làm cho B ngã xuống, Có thể khi té xuống y đã nghĩ rằng y thắng cuộc. Lúc súng tôi văng đi thì tôi té quỵ xuống đất.

★

– Y tỉnh rồi.

Tôi mở mắt ra.

Kyong Hi đang đứng cạnh tôi. Nàng đang lau mồ hôi mũi cho tôi bằng một cái khăn lạnh. Kyong Hi với B. Không B đã chết rồi. Mà nàng cũng không phải là Kyong Hi. Đó là cô y tá, nét mặt thản nhiên, lạnh lùng. Tôi thắng hay B thắng...? Tôi ngủ thiếp đi và lơ mơ nghĩ rằng tôi đã không dự cuộc chơi một cách thắng thắn.

KWANG YONG CHUN

MAI DZAM dịch

DAW MI MI KHAING
MỘT VỊ TIỂU VƯƠNG QUA ĐỜI



Tác phẩm dưới đây không phải một truyện ngắn. Gọi nó là một đặc kỷ (a feature) có lẽ đúng hơn. Tuy vậy, bài này không có cái vẻ khô khan thông thường của

một đặc kỳ mà trái lại, theo ý chúng tôi, nó khá linh động ở nội dung gồm một số sắc thái, phong tục của xứ Miến và ở một lối hành văn vừa rõ ràng, khúc chiết lại vừa tinh quái uyển chuyển. Do đấy, đặc kỳ này đáng được coi như một áng văn chương, thứ văn chương dành riêng cho những người sành điệu.

Daw Mi Mi Khaing là một nữ tác giả Miến Điện. Hiện chúng tôi chưa tìm được tiểu sử của nhà văn này. (năm 1971)

Mi Mi Khaing (1916 – 15 tháng 3 năm 1990) là một học giả và nhà văn người Myanmar, tác giả của nhiều cuốn sách và bài báo về cuộc sống ở Miến Điện trong thế kỷ 20. Bà nổi tiếng là một trong những phụ nữ đầu tiên viết bằng tiếng Anh về văn hóa và truyền thống Miến Điện.

Sinh ra trong một gia đình người Môn, Mi Mi Khaing lớn lên trong thời kỳ thuộc địa Anh ở Miến Điện và được học ở các trường học của Anh.^[3] Bà theo học tại St. John's Convent School, và đạt được bằng cử nhân (Hons) đầu tiên từ Đại học Yangon và sau đó là bằng Cử nhân từ trường đại học King's College London. Bà kết hôn với Sao Saimong, một học giả nổi tiếng và là thành viên của gia đình hoàng gia Bang Kengtung, nằm ở bang Shan. Ngoài sự nghiệp văn chương, bà thành lập trường Cao đẳng Kambawza ở Taunggyi và giữ chức vụ hiệu trưởng. Bà sau đó trở thành người khiếm thị do khối u não, nhưng đã học đọc và viết bằng chữ nổi Braille.

Nhà địa chất Yin Yin Nwe là con gái của bà.

Bản Việt ngữ của chúng tôi được dịch theo một bản Anh ngữ và dưới bản Anh ngữ đó không thấy đề tên dịch giả. Như vậy, có thể là Daw Mi Mi Khaing đã viết thiên ký sự này bằng Anh ngữ. (?)

Tiểu vương nằm trên chiếc giường cao của bệnh viện dưới một tấm chăn Tàu rất dày màu đỏ. Tấm bình phong che bên giường ông khiến người ta không thể trông thấy ông ngay,

(thiếu 2 trang)

thể từ chối được, và tôi cũng nhận thấy những người thân thích khác vùng đứng lên khỏi ghế. Sao Sai xua tôi ra phía cầu thang lầu.

– Y sĩ nói là bác chỉ còn sống được ít phút nữa thôi. Nếu bác muốn được chết ở nhà thì chúng ta phải chở bác về ngay. Đâu có thể ngồi mà ngó được chứ, lẹ lên. Đi thôi, ngồi mà ngó như thế vô ích.

Người thừa kế tiểu vương, em trai của bốn cô con gái, đi theo mọi người và hỏi một cách khẩn thiết:

– Liệu có thể đưa cha tôi về Lawksawk để người có thể chết giữa đám dân của người chăng?

– Không được, không được đâu, xe nhà thương đang đợi kia, sẽ đưa bác về lâu đài Haw.

Lâu đài đó là một tòa nhà khiêm tốn tiểu vương đã cho xây cất tại Taunggyi, thay thế cho một tòa nhà âm u đã xưa cũ. Người thừa kế có vẻ không phục quyết định đưa tiểu vương về lâu đài Haw. Mặc dầu do ý muốn của cái chánh phủ được thành lập theo ước vọng của phe theo xã hội chủ nghĩa tiểu vương nước Shan đã từ bỏ các quyền hành và lợi tức từ hai năm nay, những đối với dân chúng và đối với gia tộc ông, ông vẫn là một tiểu vương.

Chúng tôi dừng lại chờ những xe bị chậm đằng sau, những xe chở thêm một số thân thích cũng đang tắc mắc, rồi chúng tôi đi nốt nửa dặm đường tới lâu đài Haw.

Xe nhà thương chạy thẳng lên tận cửa, và ngay lập tức một cảnh hỗn độn diễn ra trong lâu đài. Ngay bên phía phải

cổng tòa nhà có một thang lầu. Người ta hồi hả chạy lên chạy xuống thang lầu đó để tìm tòi vật này vật nọ, liệng chúng ra, đỡ lấy chúng, những vật mà những kẻ ngồi trong chiếc xe nhà thương chưa mở cửa đang khẩn thiết đòi hỏi. Jean¹⁹ vốn vẫn sống ở lầu đài này trong một gia đình sinh hoạt theo kiểu tây phương. Chồng nàng là một kỹ sư; con trai nàng chập chững biết đi, hai đứa con gái song sinh của nàng đã ra chào đời cách đây ít lâu; nàng đã từng giữ chức vụ quản thủ thư viện tại một trường học, nhưng nay không còn làm công việc đó nữa.

Giờ đây, với một tiểu vương sắp chết đang được đặt chờ ở cửa, người ta vì vút lên xuống cầu thang lầu để tìm những thứ được đòi hỏi. Bông này, len này, những

19 Xin nhắc lại: Jean tuy là một cái tên ngoại quốc dành cho đàn ông nhưng ở đây là biệt danh của Công chúa Sao Leng. (Chú thích của người dịch bản Việt ngữ)

mảnh vải này... ờ, đúng thế đấy. Những mảnh giấy... đúng rồi, thật nhiều giấy. Nhưng cái mà người ta cần trước hết là một tấm thảm lụa... một tấm thảm lụa... Và những tấm mền... không, không phải thứ mền len đó... một tấm mền nhung cơ... Và này, Jean ơi, họ muốn một sợi dây vàng! Không, đâu phải sợi dây như vậy, Sai ơi, dây không có móc khóa kia mà, một sợi dài không có móc kia mà.

Bọn, đàn ông khuôn đồ đạc ra khỏi phòng khách, đẩy chúng vào một hành lang hẹp, rồi đưa một cái giường vào đặt trong phòng ấy. Người ta càng la hét dữ, bắt bẻ lẫn nhau:

– Không phải cái bình như thế, đã bảo rồi mà! Lấy một cái chén bạc ra đây! Một cái chén lớn ấy!

– Lấy chén bạc làm quái gì, bác vẫn

còn trong xe cứu thương mà. Ai bảo phải có chén bạc đấy!

Nhưng trong phòng tắm dưới lầu, các vòi nước đang chảy ào ào. Chúng tôi đang tắm cho một cái xác chết, chứ không phải cho một kẻ sắp chết. Và chợt nhận ra rằng cha mình đã chết, Jean đột nhiên khóc nức nở, vừa khóc vừa kêu lên những lời tôn kính lúc này đã trở thành vô ích.

– Tôi chưa kịp bày tỏ những lời tôn kính cuối cùng của tôi với cha tôi mà ông đã qua đời mất rồi!

Có những tiếng tiếng chân bước lao xao nhộn nhịp vẳng tới từ những căn phòng phía sau nhà. Từ lâu, triều đình Lawksawk đã trở thành một triều đình buồn thảm, căn cỗi; triều đình này dần mất sự thịnh vượng, trước hết là do

những cuộc chiến tranh đã gây thiệt hại cho cả đôi bên xảy ra trước thời kỳ cai trị của người Anh; rồi triều đình đó mất vẻ huy hoàng khi nhà lãnh tụ lão thành trước kia chết đi trong thời kỳ lãnh thổ bị quân đội Nhật chiếm đóng, khói lửa đã tàn phá cung điện của ông; cuối cùng, sau khi bà Hoàng hậu kiều diễm qua đời thì triều đình lâm vào cảnh lạnh lẽo hoang tàn. Do đấy, lúc này, từ cung điện ở Lawksawk chỉ còn có những bà già tất tả đi ra. Lúc này là giờ buồn thảm nhất của đời họ. Họ có thể nhìn thấy qua sự tồi tàn đến tận sự nghèo khó dọc theo những bức tường trống rỗng đến vẻ vương giả bẩm sinh ngự trên cái thân hình mập lùn đó. Nhưng giờ đây, vị chúa của họ, người ban cơm gạo cho họ, đã qua đời, và họ khóc nức nở trong nỗi thất vọng cả thể nhất.

– Ngài đã đi rồi sao, tôn vương? Ngài bỏ chúng tôi sao? Ngài bỏ chúng tôi bơ vơ ư? Rồi đây chúng tôi biết theo ai?

Những bà già yếu đuối mảnh dẻ đi qua cửa, người nọ theo sau người kia; những vết nhăn nheo, những dòng nước mắt và vẻ sầu thảm hiện ra trên mặt họ; nhưng có hai người trong bọn họ bỗng trên tay hai thằng bé song sinh, mỗi thằng đeo ngang hông một bà già, và cả hai thằng đều xinh xắn, dễ thương, da dẻ sáng sủa, ngon lành, mũm mĩm, đôi mắt lớn và trong sáng. Vẻ đẹp sống động lại bùng nổ dưới bóng những cột trụ gỗ của người đàn ông này...

Chúng tôi trở về nhà để tắm và dùng bữa ăn tối thật mau chóng. Khi chúng tôi trở lại lâu đài Haw thì thi hài cố tiểu vương đã được đặt nằm dài, chưa ổn định hẳn, vẫn còn ở trạng thái bên dưới là tấm

thảm lụa, bên trên là tấm mền nhung; hai ngón tay cái của ông được buộc lại với nhau bằng một sợi dây vàng, hai ngón chân cái cũng thế; miệng ông ngậm một đồng tiền vàng; nước uống được đặt bên đầu ông, các hình ảnh được treo lên tường, và sàn nhà được trải thảm suốt từ đầu này tới đầu kia để làm chỗ ngồi cho các người tới túc trực bên xác chết. Các bác sĩ đã tới chích thuốc giữ cho thi thể lâu bị hư thối trong khi các người thân thích kéo đến tề tựu.

Lúc này lâu đài Haw đã có vẻ yên tĩnh. Hai cặp trẻ con song sinh, hai thằng cậu²⁰ mũm mĩm và hai đứa cháu gái kháu khỉnh, đã ngủ say; những tiếng khóc nức nở của các bà già đã êm lắng đi, và thay vào những tiếng nức nở đó là những tiếng dao chặt lên thớt mà người ta có

20 Cậu (uncles): con của cố tiểu vương với người vợ thứ nhì. Cậu của hai đứa cháu gái, tức là con của bà Sao Leng (Jean).

thể nghe thấy vọng tới từ nhà bếp, nơi đang sửa soạn bữa ăn sáng hôm sau cho những người tới dự vào công việc tang chế, hiện đã có mặt đầy đủ.

Trong số những người đó có bà Agnes, con gái lớn nhất của cố tiểu vương và cũng là hoàng hậu tại một tiểu quốc khác; bà đã từ Mandalay tới sau bảy tiếng đồng hồ ngồi trên xe hơi; bà tới không phải để phá vỡ sự yên tĩnh bằng tiếng khóc nức nở nhưng để mang tới trên bộ mặt mệt mỏi và hiện rõ sự nhần nhục cái vẻ kiêu diễm của mẹ bà khi xưa, cái vẻ kiêu diễm đã do sự sầu đau của ba lúc này mà trở nên mê hồn hơn bao giờ hết.

Với sự hiện diện của Agnes ở đây, toàn gia tộc đã có thể bắt đầu bàn định về việc phải gửi điện tín báo tin buồn cho các con cháu ở hải ngoại như thế nào, phải

chờ đợi lâu mau ra sao, khi nào và làm cách nào chuyển linh cữu về Lawksawk. Agnes, mặc dầu đã từng đặt những tên Anh như Fera, Ellaline, Charlote, Gladys... cho mỗi đứa trong số tám đứa con gái của bà kèm với những cái tên bằng tiếng Shan của chúng, nhưng mặt khác, bà vẫn chú ý tới những lễ lối sinh hoạt cổ xưa. Dân chúng của mỗi thành phần thuộc cộng đồng quốc gia Miến vốn dĩ vẫn chống đối việc đưa người chết của một tiểu quốc khác qua lãnh thổ tiểu quốc của mình vì họ e ngại rằng người chết đó sẽ mang theo tai họa cho xứ họ. Đối với Agnes, tiêu biểu của dân chúng trong cộng đồng quốc gia vẫn là những người Shans với tất cả lòng trung thành của họ đối với xứ sở, và bà rất buồn phiền về chuyện phụ thân bà đã qua đời ở một địa điểm ngoài tiểu quốc của ông khiến người ta, khi chở linh cữu về nhà, phải

đưa linh cữu ngang qua những làng mạc thuộc tiểu quốc Yaunghwe.

Nhưng ngày hôm sau, các bậc cao niên ở Lawksawk tới đã quyết định tất cả. Sắp tới ngày Phật đản rồi, không nên giữ xác chết lại trong ngày đó. Tính ra thì thứ ba tuần sau là ngày tốt để thực hiện việc an táng.

– Thời gian tang khốc chỉ có một tuần lễ thôi sao? Tang khốc một vị tiểu vương mà chỉ có một tuần à!

Lời phản đối đó không được chú ý tới.

– Nhưng tại sao vội vàng cấp rập thế? Thời kỳ tiền-an-táng của cha tôi trước kia lâu những hai mươi tháng kia, như thế là lâu tới gần hai năm.

Đây là lời phát biểu của một người thuộc dòng tiểu vương Kengtung, tức là thông gia với vương tộc Shan.

– Nhưng lúc đó, việc ấy có lý do của nó.

– Ờ, theo tục lệ cổ truyền của Kengtung thì khi nào tuyên cáo xong người nối nghiệp ngài, thi hài tôn vương mới được an táng. Lúc đó người Anh hoàn toàn kiểm soát Kengtung, và với những lý lẽ riêng của họ, họ đã quyết định là phải sau hai năm họ mới chịu nhìn nhận người thừa kế. Vì thế, thi hài tiên vương cứ được quàn lại mãi.

– Thưa ngài, tôi xin phép được phát biểu thiện ý của tôi: việc quàn xác tôn vương quá lâu như thế quả là một việc không tốt cho Kengtung quốc.

– Mà đúng thế. Bào huynh tôi đã bị ám sát trước khi được công nhận là kẻ thừa kế, và do đấy, phụ vương và bào huynh đã được an táng chung.

Và người ta quyết định sớm cử hành lễ an táng cố tiểu vương Lawksawk.

– Và còn việc này nữa, thưa ngài, cung điện ở Lawksaw quá nhỏ không đủ chỗ chứa những người dự tang lễ.

Quả thật đó là điều đáng buồn. Tiểu vương đã qua đời trước khi trùng tu cung điện của ngài. Thật là một người đàn ông khiêm tốn đáng thương, kể từ khi hoàng hậu “Gương ngọc” mất đi, ngài đã không còn thiết gì nữa, và quá chậm chạp uể oải trong công việc; ngài đã sống khiêm tốn cho tới lúc chết, chẳng hề để ý cái đáng chuyện gì nữa, chẳng hề thốt ra một lời nào tàn nhẫn hoặc kém lịch thiệp.

Hắn ông sẽ chỉ được đưa về xứ sở ông vào chính ngày lễ an táng ông. Những phương đình hắn sẽ được dựng lên ngay bên nhà mồ để làm chỗ thi hành những nghi lễ cuối cùng, và chắc hắn ông sẽ được an táng ngay, đâu còn có dịp được đưa vào nơi ở của mình một lần nữa.

Vì thời gian cấp bách nên nghi thức được rút ngắn lại. Cái thành phố thịnh vượng và đông dân cư này, nơi gặp gỡ của dân tứ chiếng này, vốn không phải giữ lòng trung thành với tiểu vương, nhưng các công dân trong thành phố cũng vẫn thường tới viếng xác cố tiểu vương vào sau những giờ làm việc, sau những buổi học, trong bữa ăn trưa, trong bữa ăn chiều và trước bữa ăn sáng.

Nhưng không có một cửa hàng nào trong số những cửa hàng ở thành phố này có thể cung cấp đủ sự long trọng vì

đại cổ truyền cho đám táng. Cách đây ít lâu, bà mẹ vợ người Kengtung của cố tiểu vương qua đời. Quan tài của bà được bọc bằng nhung trắng và những tay thủ công nghệ tài khéo ở Kengtung đã tinh tế gắn vào vỏ nhung đó những bông hoa bằng kim khí mạ vàng; người ta đã phải mất hai mươi một ngày mới làm xong công việc trang trí quan tài đó, ấy vậy mà thời gian thực hiện tang lễ cho người anh quá cố²¹ của chúng tôi chỉ có bảy ngày thì làm sao để có thể có đủ tang thức xứng hợp cho ông được chứ?

Nhưng dầu đám tang có trọng thể hay không, người ta cũng không lược bỏ một tiêu hiệu hoặc một nghi lễ nào. Những vị cận thân lão thành trung tín lo liệu mọi công việc tại nhà của Jean. Một bên phía đường chính được thu dọn thanh

21 Tức cố tiểu vương. Như vậy tác giả ký này sự là em gái của cố tiểu vương. (Chú thích của người dịch bản Việt ngữ).

quang làm chỗ cho xe hơi đậu. Phía bên kia đường là nơi được dựng lên một cái phương đình bằng những cây tre dài. Tất cả dân chúng trong thành phố có thể lần lượt tới phương đình đó để uống trà, hút cheroot, ăn đồ chua hoặc kẹo bánh. Cũng tại phương đình ấy còn có một dàn nhạc. Khi chiếc xe hơi chở chúng tôi đỗ lại thì dàn nhạc hoàng gia trời điệu chào mừng chúng tôi, tiếng nhạc buồn thảm, giọng buồn thảm trong cái tính chất riêng biệt của xứ Miến Điện. Bởi chúng đối với chúng tôi, sự phô trương và lễ nghi vốn dĩ buồn, có thể là buồn trong những ký ức đã nằm im nhưng bị chúng khơi động lên, những ký ức của những kẻ bị bạo lực tước mất sự phô trương trong thời kỳ các vua chúa thuở xa xưa; có thể là bởi chúng tôi nhận thấy tính chất phù phiếm của sự phô trương và lễ nghi, sự phù phiếm mà cái ý nghĩa của nó là sự

phát khởi đích thực của niềm chua chát đắng cay.

Nhưng đột nhiên điệu nhạc thay đổi. Sự tung bừng vui vẻ sung mãn của tất cả những nhạc khí kêu leng keng, đập vào nhau, hú lên, hát lên, nổi dậy vang động khi chúng tôi đi vào lâu đài.

Một cái giường với những thức trang hoàng rực rỡ đã được đặt trong phòng. Ở đầu giường có một tấm màn rủ bằng ny lông trắng với những đường viền hoa và ren, chung quanh có gắn những lá đa vàng và bạc, không phải vàng thật, không phải bạc thật mà là thứ giấy kim tuyến nhẹ nhàng; những cái chuông thờ khá đẹp mắt và gợi cảm, vẻ rực rỡ được kết hợp với vẻ thiêng liêng. Lại có những chiếc dù màu trắng, vàng và đỏ, — sự pha trộn — giữa thứ vải ny lông xấp hơn với những mảnh laque và lụa sơn dầu

cũ đã hòa hợp với nhau một cách kỳ lạ — những chiếc dù dùng vào nghi thức đó được treo lủng lẳng ở đầu giường và cuối giường. Những tấm lụa phủ đều có màu đỏ rực và xanh bóng chứ không có màu trắng tinh khiết. Một chiếc đòn mầu đỏ được đặt ngang qua giường từ phía này sang phía kia, và dưới chiếc đòn đó là chiếc quan tài vững vàng, to lớn, thiếp, vàng, chiếc quan tài hiến cho cố tiểu vương, trong giấc ngủ ngàn thu của ông, cái chiều cao đầy đủ mà chắc hẳn trong đời ông ông vẫn hằng ao ước²² bởi vì chiếc quan tài đó cũng dài rộng bằng chiếc quan tài của phụ vương ông khi xưa, một chiến sĩ khá dữ tợn đã treo thủ cấp những người nổi loạn trong bộ lạc ở trước những bức tường lâu đài ông, cốt để răn chúng.

22 Ý muốn nói khổ người của tiểu vương vốn thấp bé còn chiếc quan tài lại khá dài.

Hằng ngày, đặc biệt là vào buổi tối, ngôi nhà chật ních người; tất cả những căn phòng, những lối đi và cả những cầu thang gác đều có đầy người ngồi hoặc đứng. Các anh em rể của cố tiểu vương, vốn sống ung dung với những nguồn gốc quý tộc của họ, rất ít khi bước vào trong phòng để ngồi trên những ghế danh dự dành cho họ, đang túm năm tụm ba cười rõn, đôi khi lối đùa rõn của họ có vẻ kỳ cục, hoặc họ uống rượu ứt-ki hay là so sánh giá trị những chiếc xe hơi của họ đậu ở sân

Chúng tôi²³ vẫn cứ ngồi nguyên trong căn phòng có trải thảm, nơi đã diễn ra những cảnh rất tương phản. Vào ngày đầu tiên, căn phòng im lặng hoặc chỉ có

23 Chúng tôi ở đây là tác giả bài ký sự này và người thân của bà như chồng và con là chẳng hạn. Mỗi lần nói tới mình, tác giả thường vẫn xưng “chúng tôi”. Ở đây, đại danh từ này không có nghĩa một người theo lối nói lịch sự, mà là hơn một người. (Chú thích của người dịch bản Việt ngữ).

những tiếng thì thầm.

Sang ngày hôm sau người ta đã hơi nô rồn để làm giảm bớt vẻ nặng nề của sự chờ đợi, tuy nhiên họ cũng vẫn cố giữ màu giữ miệng để khỏi cười to tiếng khi đắc ý. Thế rồi người ta bắt đầu tổ chức cờ bạc ban đêm để một số người có thể thức suốt đêm. Sang tới ngày sau nữa người ta nói chuyện và cười đùa một cách tự nhiên chứ không còn giữ gìn gì nữa.

Cảnh náo nhiệt vẫn tiếp tục khi người đầy tớ bung vào phòng một chiếc khay đựng thức ăn dành cho cố tiểu vương và đặt khay đó ngay bên cạnh người chết. Người đầy tớ mở nắp đựng những đĩa đồ ăn, rót nước uống vào tách, và khi tiếng nhạc sầu thảm trỗi lên từ bên ngoài, y cầm một chiếc quạt bằng lông công kê phe phẩy quạt cho xác chết, quạt như vậy chừng mười lăm phút, y hạ quạt, bưng

khay thức ăn bước thụt lùi ra khỏi phòng rồi trở lại với bình nước trà mà y rót vào tách, với thuốc hút cheroot và hộp quẹt.

Chiếc khay bằng thiếc tráng men, một thứ đồ dùng thông dụng. Dân chúng Miến hài lòng với những nghi thức như thế. Bố chồng tôi khi xưa cũng là một tiểu vương, sau khi chết đã được quan xác tại nhà suốt hai mươi tháng ròng rã, xác ấy được đặt nằm lần lượt dưới nhiều chiếc mùng rực rỡ, và khi ấy, cũng như bây giờ, chẳng một ai trong đám đông thắc mắc gì về việc trong suốt hai mươi tháng như thế, mỗi ngày một ái nữ xinh đẹp của ngài — không một người đầy tớ nào tốt hơn những ái nữ đó — lại thay phiên nhau dọn bữa ăn hầu người chết lên một cái bàn bằng bạc chạm, ở đó có bày những tách những đĩa bằng vàng, và trước một ngọn nến lớn đang cháy,

nàng công chúa buồn bã đứng cúi người xuống khi nàng khẽ phe phẩy chiếc quạt quạt cho người chết.

Chẳng mấy lúc, tang kỳ bảy ngày chấm dứt. Vào ngày thứ bảy, thời tiết êm dịu, trời sáng sủa. Chúng tôi đã quyết định lái xe đi đằng trước đám đưa linh cữu. Cuộc đi này hẳn phải dễ chịu cho chúng tôi, bởi vì con đường dài bốn mươi sáu dặm từ đây tới Lawksawk lúc này tốt, đã được quân đội đổ nhựa lại và bên con đường này, quân đội đã thiết lập cả một thành phố cho nhà binh; chúng tôi mời Pete, người bạn Mỹ của chúng tôi, cùng đi với chúng tôi.

– Tôi cùng đi như thế này thì liệu có chướng không?

Pete thắc mắc.

– Có gì chương đâu! Không ai nghĩ thế đâu. Càng đông người càng tốt, chứ có sao.

Ông bạn Mỹ ngớ ngẩn ấy vẫn cứ thắc mắc:

– Tôi thiết tưởng chẳng nên dự đám tang chỉ vì tò mò hoặc với mục đích di chơi....

– Hãy tin chúng tôi đi, đừng thắc mắc thế, Pete à. Đâu có ai bắt anh phải buồn chứ. Anh đi thế này cho đẹp ý của Jean, lý do như vậy há chẳng đủ sao chứ?

Xe chạy qua một quãng đồng bằng trải ra phẳng phiu, một

quãng đồng bằng trải rộng như thế này quả là hiếm có tại xứ Shan đầy đồi núi này. Tôi có thể hiểu tại sao người kế nghiệp trẻ tuổi của tiểu vương lại bấy

tỏ cái thái độ mà chúng tôi thấy có vẻ như thiếu tin tưởng đối với tương lai của chàng ta. Ví thử nhà cầm quyền xứ Shan không gia nhập vào chính phủ liên hiệp, cái chính phủ đã chấm dứt chế độ phong kiến, thì lúc này đây hẳn chàng ta đã trở thành chúa tể của tất cả những mẫu đất này.

Trước kia, trong lịch sử nước Miến, Lawksawk vốn là một địa điểm quan trọng đầy lợi thế, và khi từ đầu đường này tới gần nó, người ta có thể hiểu sự quan yếu đó của nó. Sau một quãng đường kỳ cục, thẳng và dài bốn mươi dặm, chúng tôi bắt đầu sa vào một đường vòng rồi đột ngột đối diện với một sườn thung lũng nhỏ hẹp, một sườn thung lũng tuy không đủ vẻ khắc nghiệt để có thể phá vỡ cảnh thiên nhiên tươi cười của đường xe chạy, nhưng cái dốc thoải thoải của nó

khá tốt cho việc bảo vệ thành phố. Sau bốn, năm quãng đường vòng ngẩn nũa, chúng tôi chạy thẳng vào vùng thung lũng Lawksaw đẹp đẽ, cái vùng thung lũng đột nhiên mở rộng trước mắt chúng tôi. Phóng nhỡn tuyến qua một giải đất bằng trải rộng người ta nhìn thấy những đồi xanh lam mà những đỉnh của chúng rất xứng hợp với một địa thế của bậc vương giả, những đỉnh đồi đội những tháp trắng với những đám thảo mộc rậm kết thành cụm. Phần còn lại của quang cảnh chìm khuất trong vẽ huyền bí và trong vẻ đáng yêu mơ hồ ở xa xa.

Khi xe chúng tôi chạy ngang thung lũng, chúng tôi đã gặp tất cả những gì cần thiết cho một thủ đô: những cánh đồng lúa phì nhiêu, một cây đa lớn cung cấp chỗ làm chòi canh thuận tiện cho thành phố. Con sông Zawgyi cũng là

một chương ngại thiên nhiên bảo vệ cho thành phố; đó là một dòng sông hẹp uốn khúc bọc quanh một dãy những nấm đất lớn tạo nên thành phố Lawksawk, giống như một hào nước thiên nhiên. Tất cả những cảnh đó gợi lại cho ta một vương quốc trong quá khứ, nhưng ngày nay, thành phố Lawksawk chỉ gồm một con đường chính dài khoảng hai trăm mã và vài con đường nhỏ hai bên mọc lên những ngôi nhà của dân quê.

Chúng tôi vòng mũi xe vào khu hoàng cung cũ, và khu này không khiến chúng tôi thất vọng, tuy ở đó không có những tòa nhà lớn mà chỉ có một số những ngôi nhà nhỏ được dùng làm trường học, làm công sở, và làm nơi ở cho các người thân thích của tiểu vương. Nhưng ở đây vẫn còn sót lại những bức tường gạch cũ, những con đường đó

chạy xuyên vào đám bụi và chìm hẳn vào đám bụi ấy, những ngôi chùa cổ đã có từ tám hoặc chín thế kỷ trước, khu đất rộng có hàng rào bao quanh trong đó có tòa lâu đài của tiên vương và trong đó thảo mộc mọc rậm như rừng. Tất cả những vết tích còn sót lại đó đủ để khiến chúng tôi không thất vọng.

Đứng ở một trên những mô đất cao nhô ra và quay nhìn lại phía cửa thung lũng, chúng tôi phải giữ im lặng vì cái vẻ đẹp mà chúng tôi thấy, im lặng vì ý thức được cái lịch sử của những phong cảnh đẹp đẽ ấy nữa. Với cái thời tiết đầy sức tàn phá tại xứ sở chúng tôi, với những chiến công đầy sức hủy hoại trong quá khứ, với sự kiến thiết cứ phải thường trực tái diễn, chỉ những di tích đó có vẻ như tiếp tục làm bó đuốc soi đường của đạo Phật, soi sáng một thời gian lâu dài

nữa sau khi mỗi một sinh linh khốn khổ đã nhắm mắt vĩnh viễn rời bỏ những đụn của cải phù phiếm đáng thương của y. Rất ít khi chúng ta có thể ý thức được quá khứ của chúng ta qua những công trình kiến trúc nhân tạo đang đứng đó để nhắc nhở chúng ta. Thường thường chỉ có thiên nhiên nhắc nhở được chúng ta; chỉ cái hình thể địa dư của một nơi nào đó, cái hình thể địa dư đã tạo nên lịch sử của nơi ấy và cứ còn tồn tại sau khi tất cả những cái khác đã bị hủy hoại, mới có thể nhắc nhở cho chúng ta nhớ lại quá khứ; cái bộ mặt của cảnh trí thiên nhiên ấy, lúc này lộ rõ hẳn ra, khiến chúng tôi dễ dàng đọc thấy trên nó những biến cố của lịch sử. Sự ý thức đó hiện ra trong óc tôi mỗi lúc một rõ ràng hơn. Có một lần khi tôi đứng ở thành phố Mandalay và nhìn thấy những quang cảnh của nó chẳng hạn những giao điểm của những

dải đường bộ và đường thủy tỏa đi khắp bốn phương xứ Miến, cái ý thức đó đã tới với tôi để tôi có thể hiểu – mà khỏi cần sự trợ lực của những lâu đài lúc ấy đã biến thành những lâu đài trong những truyện ngụ ngôn — rằng tại sao Mandalay đã từng là “Trung tâm của Hoàn vũ”. Lúc này đây, tại Lawksawk, tôi lại có được cái ý thức tương tự như thế.

Đám tang đi đằng sau vẫn chưa xuất hiện, chúng tôi lại phóng mắt nhìn vào thành phố của quân đội. Quang cảnh thành phố đó thật trái ngược hẳn với quang cảnh hoang tàn của Lawksawk. Quá ngôi làng màu đỏ một đậm, những con đường sáng loáng như kim khí nổi rõ hẳn lên và có vẻ rất an toàn cho sự lưu thông của xe cộ, những bảng hiệu hướng dẫn giao thông được dựng khắp nơi, những ngôi nhà gỗ mới, những trại

lính, gọn ghẽ, đầy trật tự; những bãi cỏ xanh, những bồn chứa nước trên những tháp cao, những xe cộ máy móc chuyển bằng động cơ. Quân đội, với những sĩ quan có học thức, có tinh thần ái quốc và quen làm việc gặt gao, hẳn phải là một lực lượng xung phong dẫn xứ sở này vào thế giới tân tiến.

Đám tang đã xuất hiện. Chúng tôi quay về nhà, đổi y phục bận toàn trắng. Người ta bảo chúng tôi chờ đợi ở chùa trong lúc họ lợi bộ hộ tống linh cữu.

Ngôi chùa là một khối kiến trúc bằng gỗ. Mặc dầu nó được dựng lên từ một thời đã xa xưa lắm, xa xưa đến không ai còn biết được là bao lâu, nhưng lúc này đây, trước khi nó khuy xuống để tan thành từng mảnh, nó vẫn còn giữ nổi các phòng tựa vào nhau mà đứng. Sân chùa đầy người, đứng ngồi lộn xộn; họ

gồm những người tới từ khắp các nhà ở Lawksawk, từ những binh đội, từ tất cả những ngôi làng nằm trong lãnh thổ Lawksawk rộng 2.196 dặm vuông. Họ đang ăn những thực phẩm cho không được phát không ngừng dưới những cây đa lớn, những cây đa tỏa bóng mát cho đường chu vi rã rệt của khu đất nhà chùa.

Chúng tôi đi vào một nhà ăn được dựng bằng tre ở gần đấy. Tất cả những ai có liên hệ hoặc ít hoặc nhiều tới đám tang từ Taunggyi và từ các tỉnh lớn lân cận tới đều được đưa vào nhà ăn này và được đặt ngồi vào ghế trước những bàn ăn. Một món ăn Trung hoa, món ăn khá đặc biệt khiến người ta khó quên, được múc từ những chảo sắt đang bốc khói dưới những đám cây dọn ra bàn; những cậu bé trong đồng phục hướng đạo sinh chạy ra chạy vô giữa đám những người

hầu, đặt xuống bàn những chai đựng nước đang xủi bọt xèo xèo đã mở nắp; một bảy thiếu nữ len lỏi vào đám những cậu bé, tay bưng những khay đựng những tách trà xanh của xứ Shan; một vài người trẻ tuổi, bận y phục kiểu Shan dẹt ở nhà, xách những bình tráng men đựng nước uống, ở miệng bình có mắc một cái tách bằng gỗ sơn kiểu thông dụng, đi từ bàn này sang bàn khác.

Món ăn có vẻ ngon. Tôi ao ước được ngồi ở bàn bên cạnh, nơi một vài người thân thích của tôi đang ăn uống ào ào. Giờ đây ngồi với một số những bà quý phái từ Taunggyi tới, những bà có vẻ giữ gìn ý tứ quá, tôi đã phải kìm sự thèm ăn của mình lại giống như một tang khách lịch sự.

Sau bữa ăn, chúng tôi bước vào trong Phật điện. Tôi cảm kích trước cái thái độ

của những bậc bô lão có nhiệm vụ sắp đặt cuộc lễ. Hình như họ đã bận tâm tính việc bỏ qua cho Agnes và cho tất cả những người thuộc loại tân tiến như chúng tôi khỏi phải làm một số cử động khó khăn trong khuôn khổ nghi thức cuộc lễ. Dân chúng ở Kengtung vốn chậm chạp trong việc canh tân các tục lệ nên những người từ Kengtung tới hẳn vẫn đinh ninh là chúng tôi có đặc huệ được dự vào tất cả những nghi thức, những lễ tiết khắc nghiệt. Sau một cuộc lễ dài, lẽ ra chúng tôi phải đã được dự cuộc lợi bộ đưa linh cữu từ cửa thung lũng vào, mỗi người đều nắm lấy một dải vải trắng, cái dải vải có mục đích giữ chúng tôi cho đúng hàng và bước cho đều đặn. Chúng tôi hiện vẫn còn mong được dự vào nghi tiết như thế, nhưng lúc này chúng tôi lại chỉ đang đứng giữa cảnh âm u mát mẻ trong chùa để mà ăn đồ chua, uống trà

Shan và trò chuyện. Khi họ gọi tới chúng tôi vào lúc một giờ, chúng tôi đã sửng sốt khi thấy rằng chúng tôi chỉ được sắp đặt để dự những nghi thức cuối cùng của cuộc lễ.

Đã thế, sau đó, vì trời rất nắng, một vị bô lão nài nỉ chúng tôi hãy đi bằng xe hơi nhưng lần này chúng tôi nhất định không chịu. Lúc này đây những dân chúng từ khắp mọi phía tới quy tụ trong ngôi nhà bằng tre được thiết lập trên đỉnh ngọn đồi thấp. Mặc dầu đa số những người đó bận quần áo làm việc thông thường, nhưng đứng ở sườn dốc không có cây cối nhìn cái đám đông ấy và nhìn những cử động của những người đi bộ hòa trộn với nhau người ta thấy mình đang chứng kiến một ngày lễ lớn.

Phải chăng là vì dân số xứ chúng tôi ít, phải chăng là vì xứ chúng tôi không

giàu về vật chất mà trong ý nghĩa những phong tục cổ truyền ở thôn quê, người ta định giá trị một buổi hội theo số người dự – số người càng đông hội càng lớn – hơn là theo số những đèn đóm, những màu sắc những công trình kiến trúc hoặc bất cứ cái gì mà các nước khác có? Giá trị và quyền lực của một người lớn hay nhỏ tùy theo số người trong cái đám đông mà y quy tụ được; phán đoán như thế người ta mới thấy cái chết của cố tiểu vương Lawksawk thật là một biến cố vĩ đại.

Tin tức loan truyền đi nội trong bấy ngày đã đủ để quy tụ một số rất đông người đang đổ xô lên đỉnh đồi. Họ gồm những người mặc y phục Shan và y phục Miến thông thường như y phục của chúng tôi, những người dân các bộ lạc sơn cước trong những y phục có rằn

đen và rần màu sáng, những binh sĩ mặc quân phục, những người gốc Ấn, những đứa trẻ chăn trâu bò cỡi trâu tròng trục, tất cả những loại người như thế đang vất vả leo lên đồi.

Giờ đây chúng tôi đi vào cái nơi ngoạn mục nhất của đám tang. Ở sườn đồi trời nắng như thiêu như đốt, thế rồi ngôi nhà trên đỉnh đồi chào mừng chúng tôi, mát mẻ, những cột tre, những thảm rạ không phải loại rẻ tiền. Trên sàn nhà bằng đất có những đồng rơm sạch sẽ; trên những tấm thảm dày đó, phía đằng trước thì gọn gàng nhẵn nhụi nhưng càng về phía sau càng thô sơ, sần sùi. Mái rạ thì thấp nhưng xòe ra rất lớn khiến gian nhà rộng rãi và thoáng khí. Ở phía trước mặt chúng tôi, trên một cái bục tre lớn cao hơn mặt sau sáu inches có khoảng một trăm hay hơn một trăm nhà sư đang ngồi,

với những chiếc áo cà sa màu vàng nghệ. Phía sau họ là phần tận cùng của gian nhà, một tấm màn toàn bằng rơm có một lối ra vào nhỏ giữa những búi rơm. Mọi vật tỏa ra mùi rơm rạ, mùi tre mới đẵn, mùi đất mới san. Phía trước các nhà sư là những tặng phẩm được chất thành đống, không được giàn bày một cách mỹ thuật như người ta vẫn thấy trong những cuộc lễ được tổ chức chu đáo hơn cuộc lễ này, mà được chất lộn xộn thành đống, tuy lộn xộn mà người vẫn có thể thấy rõ từng thứ, nào khăn mặt, nào dù, nào giày, nào ống nhổ, được dành cho từng vị trong số sáu mươi bảy nhà sư. Sự hoàn thành cái loại chi phí này – số tuổi thọ của người chết bao nhiêu thì người ta tặng những vật dụng cần thiết cho một số nhà sư nhiều bằng số tuổi ấy²⁴ chỉ làm

24 Tiểu vương thọ 67 tuổi, vì thế người ta hiến tặng phẩm cho 67 nhà sư.

cho sự vĩ đại của buổi lễ bị mắc vào một sự phù phiếm vô mục đích.

Gian nhà đầy người một cách mau chóng. Những toán người lơ nhể tới ngồi phía đằng sau chúng tôi, ngồi bừa bãi, bất cần thắc mắc chỗ nào của người nào. Những kẻ đến trễ xô đẩy nhau và cười lớn khi vấp phải nhau, họ tin chắc rằng không một ai trong gia quyến kẻ chết, mặc dầu cảm thấy đau buồn khắc khoải, lại mong chờ ở họ cái dáng bộ nghiêm túc mà họ không cảm thấy cần phải có. Tiếng ồn ào nổi lên khắp nơi; những con bé chăn bò đứng ở phía ngoài, vạch những bụi rơm để coi cho rõ hơn, và một người em họ của cố tiểu vương, một cựu sĩ quan lục quân, phải thét lên với mấy con bé đó:

– Đi chỗ khác đi, mấy con ranh kia!
Nhìn ngó cái gì vậy!

Jean mỉm cười một cách bình tĩnh và nói:

– Chúng ta cần một người như chú ấy để chế ngự bọn cứng đầu.

Tiếng ồn ào tăng thêm, đám người nhấp nhô xô đẩy chúng tôi cho tới lúc chúng tôi bị vây chặt. Lúc này người ta nghe thấy những tiếng trống mỗi lúc một mạnh hơn, những tiếng mạnh nhất phát ra mỗi lúc một dày đặc hơn, vì mái nhà thấp nên những tiếng động càng dội mạnh vào tai chúng tôi, những tiếng la giật giọng mỗi lúc một thêm gần:

– Theo lối này! Nâng lên! Thêm nữa! Thêm nữa! Rồi!

Sự hoảng hốt, sự nóng lòng, sự chết, cuối cùng đã quay lộn trong không khí, tất cả những tiếng động liên hệ

đến những cái đó mỗi lúc một đập mạnh hơn vào tai những kẻ lắng tai nghe, giữa cái đám đông vẫn cứ đang xô đẩy nhau; và rồi, theo với tiếng náo bạt đập mạnh, người ta thấy tiến vào những kẻ cầm giáo, những kẻ vác dù, những người vác phước, tất cả đều vùng vẫy những thứ họ đang cầm khi họ tiến vào và họ được một cựa thiếu tá hướng dẫn theo ngã này ngã nọ; nhưng họ chẳng hề làm giảm bớt chút vẻ trịnh trọng nào của những kẻ cảm thấy họ trịnh trọng, và làm tăng thêm sự tò mò của những kẻ đang ngáp trong buổi lễ.

Trong lúc tụng kinh, người ta đưa những bó hoa cho chúng tôi cầm; đưa cả những tô cơm màu vàng và màu nghệ cho chúng tôi cầm, nhưng không một ai trong chúng tôi biết được là tại sao lại phải cầm những tô cơm ấy và phải cầm

cho tới bao giờ; chúng tôi, người nọ ngó người kia và cười khúc khích với nhau về sự ngu dốt của mình.

Nghi thức tụng kinh ngắn nhất trong các nghi thức. Ngay khi cuộc tụng kinh chấm dứt thì người thừa kế của cố tiểu vương, được bàn tay của một vị bồ lão hướng dẫn, tới quỳ xuống và dâng từng tặng vật khác nhau cho vị sư trưởng theo kiểu cách thông thường. Chàng ta dâng tặng vật một cách kính cẩn và nhà sư chuẩn nhận tặng vật bằng cách dùng bàn tay sờ vào tặng vật. Người dâng tặng vật phải là đàn ông ngay cả trong trường hợp kẻ cúng dường là đàn bà. Nhưng trước khi lễ cúng dường hoàn tất, những kẻ có nhiệm vụ đã sẵn sàng để điều động việc đưa chiếc quan tài lớn ra khỏi nhà, viên cựu thiếu tá lại hướng dẫn những người vác dù, vác giáo, vác phướn di chuyển

theo nghi thức. Các anh em rể của tôi xô vào nhập bọn với những kẻ khiêng quan tài, chồng tôi giờ máy chụp hình lên bấm. Và khi người con trai thừa kế của cố tiểu vương thực hiện xong nghi thức thì quan tài đã được đặt sẵn sàng ở trước nhà mồ cách đó hai mươi mã. Những người có nhiệm vụ thi hành lễ qui mộ hản đã phải có mặt ở đó với quan tài rồi. Đám đông xô đẩy nhau tiến lên chặn lối đi của chúng tôi. Sai nói:

– Khởi cần tới đó, trong đám đông có những đứa nher nhớp lấm. Khởi đi đâu cả, hãy chịu khó đứng đây chờ.

Người thừa kế bước ra, trông có vẻ bơ vơ, nhưng chẳng một ai để ý tới chàng ta cả. Không đòi hỏi một lối đi đặc biệt cho mình, chàng ta chen vào đám đông mà tiến một cách chậm chạp nhưng không bị ngăn trở gì lắm. Cùng

với một cô em dâu, tôi cũng chen lấn mà tiến lên như chàng ta.

Có những tiếng nói già nua ở phía sau tôi:

– Yêu cầu những ai đã đứng lâu rồi hãy lui ra nhường chỗ cho người khác vào dự khán.

Nhưng có gì để mà dự khán đâu.

Chỉ có một lỗ huyệt mở rộng, chỗ mà những bác thợ nề sắp gạch lấp lên quan tài; Agnes với tám đứa con và các anh chị em cô ta đứng lênh chênh trên đồng đất mới được đào lên từ huyệt, hãy còn đang lún. Những quân nhân, những con bé chăn bò, những bác nông dân đứng vây chặt chung quanh họ.

Cô em dâu tôi khẽ lăm bắm:

– Kỳ quá... lẽ ra phải giới hạn chỗ đứng của họ chung quanh mộ chứ.

Tôi gọi với sang người con trai của cố tiểu vương:

– Này, Sao Sai Long, liệu có thể bảo ai đó đẩy lui đám đông ra để lấy chỗ vào bái yết tôn vương lần cuối cùng được chăng?

Anh chàng chột tỉnh. Trong một lúc, kẻ thừa kế của các vị tiểu vương Lawksawk nhận thức được nhiệm vụ của mình; anh chàng ưỡn ngực, không hò hét những nói lớn một cách đầy quyền uy:

– Hãy đứng lui ra cho rộng chỗ để dễ làm việc.

Ngay lập tức đám đông, hăm hở vâng lời, đã tuân theo mệnh lệnh đó, và

chỉ một thoáng đã có một khoảng trống chung quanh mộ; đám người phía trước lui dần về đằng sau tới một giới hạn vô hình trong khi những người ở đằng sau vẫn xô đẩy lên.

Chúng tôi quỳ xuống để tôn bái; viên gạch cuối cùng đã được sắp vào; không có tiếng súng chào tiến, không còn nghi thức gì nữa, cố tiểu vương lúc này đã nằm yên trong giấc ngủ ngàn thu; đám đông giải tán, tản mát nhanh chóng xuống đồi.

Các tài xế của tất cả những xe hơi đều lái xe lên đồi để bảo vệ chân những chủ nhân của họ. Chúng tôi giơ tay xua chiếc xe của chúng tôi chạy xuống và chúng tôi lội bộ. Không khí mát mẻ, dân chúng đã đi hết. Con sông Zawgyi uốn khúc qua dải đồng bằng, những bụi cây xanh dương lẫn với xanh lam ở hai bên

bờ sông lác đác nổi rõ trên mặt mờ nhạt của khoảng đất bằng phẳng phân cách chúng tôi với những ngọn đồi ở xa xa.

– Cảnh đẹp đấy chứ, Sai nhỉ?

Vẫn còn những bông hoa dại nhỏ bé và những mầm lá vừa nhú chưa bị hàng ngàn bàn chân dẫm đạp phải, và tôi vẫn còn có thể hái được một bó hoa tươi mát, xinh đẹp.

Người em trai bên dòng họ Kengtung cùng đi với chúng tôi. tay và chúng tôi tìm thấy một lối đi nhỏ bên đồi, cái lối đi đưa chúng tôi trở lại phương đình, nơi đã được dùng làm chỗ ăn uống. Các bàn ăn đã được mang đi chỗ khác, các đầu bếp đã rửa chân sạch sẽ, những giỏ đựng đầy vỏ chai đang được chất lên một chiếc xe xịn tải, những cột tre đang được

nhỏ lên. Tôi không thể không thốt ra một câu:

– Người ta phải nhận thấy rằng tang lễ được cử hành quá mau lẹ. Cuộc rước linh cữu trước kia được dự định khởi sự vào lúc hai giờ, thế nhưng giờ đây, cuộc chôn cất đã xong, mà cũng chỉ mới tới hai giờ đúng.

Người em trai bên dòng Keagtung vốn là người thân cận với cố tiểu vương và hoàng hậu, nên tôi cảm thấy ngay rằng lẽ ra tôi không nên nói nhiều; có thể y sẽ không được bằng lòng vì câu nói của tôi; tại sao tôi có thể nói nhiều như vậy nhỉ, tại sao tôi đã không cố giữ im lặng như những kẻ khác? Nhưng một tiếng cười hồn nhiên nổi lên trong tiếng nói của y và nụ cười của y có vẻ thành thật khi y trả lời:

– Ờ mà phải, lúc còn sinh thời, cố tiểu vương vốn dĩ là người rất chậm chạp, và hôm nay chúng ta đã làm cho ngài trở thành nhanh nhẹn trái hẳn với bản tính chậm chạp đó. Chúng mình hy vọng đã hiến cho ngài một sự tin tưởng và ngài sẽ trở nên nhanh nhẹn hơn trong kiếp tới.

DAW MI MI KHAING

LÊ HUY OANH dịch

OE KENZABURO
CÔNG VIỆC DIỆU KỲ



Oe Kenzaburo là một nhà văn trẻ thần tượng của giới thanh niên Nhật. Sau khi tốt nghiệp Đại học Đông Kinh (1958) ông chuyên hẳn về văn học. Sở trường là những bài bình luận, nhận định, tạp luận. Toàn bộ công trình viết của ông vừa rồi được đóng thành sáu quyển một bộ năm ngàn trang.

Ông là người chỉ trích chế độ hiện tại của Nhật, chống chiến tranh nói chung và chiến tranh Việt Nam nói riêng. Qua truyện “Công việc diệu kỳ”, chúng ta có thể thấy văn ông có tính chất quái dị, những nhân vật đều như khác thường. Tính chất này nằm trải khắp văn nghiệp ông. Cái tính chất đó là tính chất đặc thù của giới trẻ Nhật, mất tin tưởng ở giới cha anh đã đưa họ vào cuộc chiến tàn khốc, thảm bại qua cuộc thế chiến vừa qua.

Bản Việt ngữ dưới đây được dịch thẳng từ nguyên tác.

Cứ đi theo con phố rộng chạy qua trước cửa nhà thường trực thuộc viện đại học hướng về phía tháp đồng hồ đột nhiên ở chỗ ngã tư mở rộng tầm mắt phía bên kia hàng tàn cây mềm mại còn non trồng bên vệ đường, quanh quẩn ở chỗ cốt sắt nhà xây nửa chừng đang kìn kịt chọc vươn lên nền trời là lại nghe thấy không biết bao nhiêu tiếng chó sủa vọng lại. Mỗi lần gió đổi chiều lại một lần tiếng chó âm lên dữ dội inh ỏi, khi thì như quện chặt lấy không khí mà vút bằng lên, khi thì nhẹ mãi từ xa vang vọng ngược về.

Tôi cứ mỗi lần ở đại học ra, dáng nghiêng chúm người về đằng trước bước dọc theo dãy phố ấy đến chỗ ngã tư là lại lóng tai. Khi trong xó xỉnh bụng dạ tôi chờ mong nghe tiếng sữa, có lần lại không nghe thấy gì hết. Dầu sao tôi cũng không hề quan tâm lắm đến lũ chó sữa lên những âm thanh đó.

Tuy nhiên nhìn tấm quảng cáo mộ arubaito²⁵ trên bảng cáo thị của trường rồi thì những tiếng chó đó như một miếng vải ướt bám chặt lấy thân thể tôi, theo dự vào cuộc đời tôi.

Phòng chỉ dẫn của nhà thương báo là không hề liên quan gì đến chuyện mộ lao công đó cả. Tôi hỏi thăm người gác cổng đi lại phía sau nhà thương, chỗ hầy còn sót những căn nhà kho bằng gỗ. Đằng

25 Arubaito: từ tiếng Đức arbeit có nghĩa là lao động; ở Nhật có nghĩa là làm lao công tạm thời. Đa số sinh viên Nhật làm arubaito lấy tiền tiêu túi hay đi du lịch.

trước một căn nhà kho đó, một người nữ sinh viên và một anh sinh viên tư thực đang được một người đàn ông đứng tuổi chân đi ủng, da mặt ồm bủng, dẫn giải. Tôi đứng lại đằng sau anh sinh viên tư thực. Người đàn ông đôi mày rậm nhìn tôi, khẽ gật đầu, lập lại lời giải thích.

Giết một trăm năm mươi con chó. Người đàn ông nói. Một người giết chó chuyên môn đang lo sắp xếp chuẩn bị ở đằng kia để làm sao thanh toán nội trong ba ngày kể từ ngày mai,

Một trăm năm mươi con chó nhà thương nuôi dùng làm thí nghiệm vừa bị một người đàn bà Anh viết thư gửi báo chí kêu là tàn nhẫn mà ở nhà thương lại không có ngân khoản nuôi tiếp lũ chó thành ra đành đem giết hết một lần cho xong, anh kia đã nhận thanh toán lũ chó.

Các cô cậu cũng học hỏi thêm được nhiều chuyện, như nào về giải phẫu cũng như tập quán của loài chó.

Người đàn ông dẫn dò cách ăn mặc và giờ khắc xong đi vào trong nhà thương còn chúng tôi sóng vai nhau đi bộ về hướng cổng sau trường.

– Pay khá hậu đấy nhỉ. – người nữ sinh viên nói.

– Cậu định nhận à? Ngạc nhiên người sinh viên tư thực hỏi.

– Nhận chứ. Mình vừa học về sinh vật mà cũng quen với xác súc vật chết rồi.

– Tớ cũng nhận. Người sinh viên tư thực nói.

Đến chỗ ngã tư, tôi đã lóng tai nghe,

nhưng không thấy tiếng chó sủa. Gió chiều thổi qua những cành đã rụng hết lá của hàng cây bên đường nghe giống tiếng sáo miệng. Tôi chạy theo cho kịp họ thì anh sinh viên tư thực nhìn tôi dò hỏi.

– Tổ cũng nhận nữa, tôi nói.

Sáng hôm sau tôi đóng chiếc quần làm việc màu da cỏ đậm đến. Người thợ giết chó trạc khoảng ba mươi, lùn thấp nhưng nở nang phốp pháp. Việc tôi là vào trong vòng rào vây ở trước nhà kho bắt dẫn chó lại, người thợ giết chó giết rồi lột da đưa xác cho người sinh viên tư thực mang đi trao cho người đàn ông. Còn cô nữ sinh viên thì lo thu xếp bộ da. Công việc chạy đều đặn, chỉ trong mỗi buổi sáng mà đã thanh toán được mười lăm con. Tôi quen thạo công việc ngay.

Chuồng nhốt chỉ là một bãi rộng vây bằng một vách tường bê tông thấp. Mỗi con buộc vào một cột trống thành hàng cách nhau một mét. Lũ chó đều lành cả. Dường như trong khoảng thời gian hơn một năm bị nhốt nuôi ở đây, lũ chó đã đánh mất thói hung dữ đi rồi, ngay cả khi tôi bước vào bên trong sân, lũ chó cũng không sủa. Cứ theo như lời người nhân viên nhà thương, lũ chó đã đột nhiên không hiểu vì nguyên cớ gì sủa lên thì phải mất hai tiếng đồng hồ sau mới thực sự yên hẳn, nhưng cỡ có ai đi vào bên trong bờ tường, lũ chó không có sủa. Lũ chó không sủa nhưng một khi tôi bước vào bên trong rồi chúng đều quay nhìn cả về một phía. Bị một lượt một trăm năm mươi con chó nhìn ngó đăm đăm cho ta một cảm giác kỳ lạ. Tôi nghĩ đến ba trăm hình bóng nhỏ bé của tôi trên ba trăm cặp mắt chó có màng ánh mờ. Tôi

cảm thấy khẽ rùng mình.

Bọn chó hết sức tạp nham. Gần như hầu hết mọi kiểu chó lai đều có cả. Nhưng tất cả lũ chó trông đều hết sức giống nhau. Con thuộc loài chó ta cũng có, con thuộc loài chó nhỏ nuôi để nựng cũng có, nhưng hầu hết lũ chó bị cột vào hàng cột kia thuộc loại chó tạp chủng thân trung bình lông hung đỏ, ấy thế nhưng tất cả trông đều hết sức giống nhau. Tôi ngẫm không biết bọn chúng giống nhau ở chỗ nào đây. Có phải ở chỗ tất cả đều là lũ chó tạp chủng ti tiện gầy còm không? Hay là ở chỗ đều bị buộc vào cọc và đã đều mất hết cả tính dữ? Chắc vậy. Bọn mình không biết chúng cũng thành ra như thế biết đâu. Bọn học sinh sinh viên Nhật chúng mình, đã mất hết cả tính dữ, bạc nhược yếu hèn, bị ràng buộc, tất cả đều giống lẫn nhau, mất hết cá tính,

chúng mình một bọn lừng khừng. Tôi còn quá trẻ hay đã quá già để mà hăng say vào bất cứ chuyện gì, kể cả chuyện chính trị. Tôi đang ở trong lứa tuổi điệu kỳ nhưng đã mệt mỏi quá rồi. Ngay bây chớ tôi cũng thấy hết hứng thú ở chúng ngay. Ấy thế nhưng khi tìm thấy con chó lạ lùng chỉ có thể nghĩ được là lại giữa một con spitz với một con chó chăn cừu Alsace, cái buồn cười như một con sâu bò khắp người. Đầu là đầu chó chăn cừu mà lông xù trắng phất phơ đùa theo gió ấm. Tôi cười thành tiếng.

– Này xem con chó này – tôi nói với anh sinh viên tư thực – Cảnh một con spitz nổi đuôi với một con chó chăn cừu thật là buồn cười quá chứ nhỉ.

Anh sinh viên tư thực méo nhăn miệng khó chịu quay mặt đi chỗ khác.

Tôi cột dây dắt chó vào một con loại
lỡ nhỡ trung bình lôi đi khỏi cọc.

Tôi lôi con chó vào vòng rào bằng
ván chỗ người thợ giết chó đang thông
chày đứng chờ. Người thợ giết chó
nhẹ nhàng giấu chày ra đằng sau lưng
sáp lại gần, tôi cầm vững đầu dây, đứng
đủ xa con chó thì thoáng một cái, chày
bỏ xuống, con chó rú lên một tiếng, vật
ra. Quả là một cách giết đê hạ làm uất
đến nghẹn thở.

Vừa đứng nhìn người thợ giết chó
rút ở thắt lưng quần ra một con dao to
bắn cửa vào cổ con chó cho máu chảy
vào chậu rồi hai tay thoăn thoắt lột bộ
đá, tôi cảm thấy lòng chấn động vì mùi
máu tươi nóng của con chó và một tình
cảm khác lạ.

Thật biết là đê tiện chừng nào.

Nhưng lúc này cũng có thể nghĩ được rằng không phải cứ thấy cái đê tiện ngay trước mắt, cái đê tiện có tính chất bản năng trong việc xử lý chó của người đàn ông là phải chỉ trích. Điều cần phải chỉ trích là cái sự đê hạ đang nằm chiếm một chỗ hết sức quan trọng trên căn bản ý thức về cuộc đời. Tôi đã nhiễm thói quen không còn cảm thấy giận dữ dội lắm nữa. Sự mệt mỏi của tôi là của mỗi ngày, ngay trước cả cái đê tiện của người thợ giết chó, tôi cũng không bùng cơn nóng giận. Giận dữ hễ không được nuôi lớn trọn vẹn thì liền héo úa ngay. Tôi không tham gia được những hoạt động sinh viên cùng với bạn hữu một phần vì tôi không thấy hứng thú những chuyện chính trị cũng có, nhưng chung quy là tại tôi không thể giữ cho mình giận dữ liên tục kéo dài được. Đôi khi tôi cũng thử lấy một tình cảm hết sức bức tức nghĩ

tới một chuyện, nhưng để lấy lại sự nóng giận thì tôi bao giờ cũng thấy quá mệt mỏi. Cái xác con chó đã bị lột da trắng toát nhỏ nhoi khiêm nhường, tôi túm hai chân sau lại xách lên mang ra khỏi vòng rào. Con chó bốc lên mùi hơi nóng, thịt gân co giật mạnh mẽ trong tay tôi giống như những tuyến thủ bơi lội lúc đứng trên bệ nhảy nhún nhảy. Anh sinh viên tư thực chờ ngoài vòng rào, nhận xác con chó mang đi vừa chú ý cho khỏi đụng vào người. Còn tôi lại lấy sợi dây dắt chó tháo ở xác con chó đã chết đi bắt con khác.

Nhưng cứ giết xong được năm con là người thợ giết chó lại đi ra khỏi vòng rào làm một bụng trà và tôi đi vòng quanh bệ nói chuyện với hân đang ngồi bệt ở dưới đất. Hễ đứng lại là ngửi thấy mùi hơi tanh nóng của chó từ người hân, còn

tanh hơn cả xác cho chết nhiều. Tôi làm như không có chuyện gì vừa quay mặt đi hướng khác vừa đi vòng quanh. Còn cô nữ sinh viên đang thu xếp đồng da ở trong vòng rào. Những tấm da quá dính máu phải đem đi rửa ở chỗ vòi nước rửa.

– Có đứa xui tao dùng bả đấy, người thợ giết chó nói.

– Dùng bả hả?

– Thế đấy, nhưng tao thì không có dùng bả nhé. Cứ để cho bả giết chó trong lúc mình ngồi uống nước trà trong bóng mát là tao không có thích. Đã bảo là giết chó, hể không cầm chày đến chặn trước con chó thì đâu có thực há. Tao đã sống nhờ cái chày này từ hồi nhỏ đến giờ. Giết chó mà phải dùng những của dơ bẩn như bả là không thể bắt chước được.

– Ra thế đấy, tôi nói.

– Mà nhé, dùng bả ấy, chó chết đi bốc ra hơi hôi tởm lắm. Đối với chó không nghĩ là chúng có quyền được chết mà vẫn tỏa mùi thơm, vừa bốc hơi nóng vừa bị lột da sao chứ.

Tôi cười.

– Thế chứ, phải có cái quyền đó chứ, người thợ giết chó nổi nghiêm trang. Cái lẽ của tao nó khác với bọn dùng bả. Tao là người ưa mեն chó mà.

Cô nữ sinh viên xách đồng da đi rửa ra. Lớp da dày và xấu máu của cô vẫn cứ tái ngắt trong khi máu đã dồn lên mặt. Những tấm da dầm máu còn dính một lớp mỡ dày cứng nhắc, nặng không thua gì những tấm áo khoác ngoài bị ướt. Tôi xách đỡ cho cô ta đến chỗ rửa.

– Cái ông ấy đó nhé - tay bấm xách tấm da vừa đi cô nữ sinh viên vừa nói - ông ta mang một ý thức kiểu như là ý thức về truyền thống ấy nhỉ. Hãnh diện về chuyện mình giết bằng chầy há. Đó là cái lẽ sống đấy.

– Đó là nền văn hóa của hắn đấy, tôi nói.

– Nền văn hóa của anh thợ giết chó nhỉ. Cô nữ sinh viên nói giọng không chứa một cảm tình nào. - Tương đồng đấy chứ.

– Hà? Gì chứ?

– Ý thức về văn hóa của đời sống, người nữ sinh viên đáp. Một nhà phê bình hắn sẽ viết là cái kỹ thuật của người đóng thùng chậu gỗ là nền văn hóa của người đóng thùng chậu gỗ, một nền văn

hóa đích thực gắn liền chặt với đời sống. Chuyện dĩ nhiên chứ nhĩ. Ấy thế chứ cứ đụng chạm vào từng trường hợp cá biệt thực tế mà xem thì đâu có gì là đẹp đẽ cả đâu. Nền văn hóa của anh thợ giết chó, nền văn hóa của gái mãi dâm, nền văn hóa của dân quản lý xí nghiệp. Dơ bẩn, nhầy nhụa, gốc rễ ăn sâu bám chặt, tất cả giống nhau mà.

– Thấy chán nản quá nhĩ, tôi nói.

– Đâu có phải chuyện chán nản. Cô nữ sinh viên vừa nhìn tôi bằng đôi mắt chọc ghẹo vừa nói. Chẳng hạn công việc rửa bộ da này cũng làm, có thuốc tê thấp mới cũng dùng này.

– Dễ chừng cố định thò một chân vào trong cái nền văn hóa kinh tởm đó sao?

– Không phải là thọc một chân hay là gì cả mà là mọi người đều đã dầm mình vào ngập lên đến tận cổ. Trát bùn nền văn hóa truyền thống lên hết cả rồi, chuyện tẩy rửa sạch đi đâu có phải là dễ dàng.

Chúng tôi ném đồng da xuống sàn xi măng của chỗ rửa. Bàn tay tôi hơi nóng nực.

– Này - cô sinh viên lấy đầu ngón tay ấn vào ống chân phù sưng của mình cho xem. Một vết xanh đen nổi lên, từ từ biến trở lại như cũ nhưng không trở lại hoàn toàn.

– Gớm không, lúc nào cũng thế này đấy.

– Khổ quá nhỉ, tôi quay nhìn chỗ khác nói.

Trong khi người nữ sinh viên cọ rửa da chó, tôi ngả lưng xuống bờ thành xi măng xem mấy người nữ khán hộ đánh ten-nít. Mấy cô khán hộ đánh banh hỏng lại gập người lại mà cười.

– Mình ấy, pay lĩnh rồi là đi chơi xem núi lửa, người nữ sinh viên nói. Đã có tiền để dành rồi.

– Đi xem núi lửa à? Tôi hờ hững hỏi lại.

– Núi lửa quấy lắm cơ, người nữ sinh viên nói và cười khe khẽ. Mắt cô ta tỏ ra đã mệt mỏi lắm rồi. Cô ngược nhìn lên trời mặc nước chảy xối xuống tay.

– Cậu không mấy cười nhĩ, tôi nói.

– Ờ, tính những người như tôi ít cười lắm. Ngay hồi trẻ còn chẳng cười nữa cơ. Ấy thế lắm khi có cảm giác như mình đã

quên cách cười rồi mà nghĩ đến chuyện núi lửa lại cười rơi nước mắt. Một quả núi to mà ở ngay chính giữa lại có lỗ khói phun ùn ùn, quấy quá hả.

Cô nữ sinh viên cười rung đôi vai.

– Cậu lĩnh tiền rồi là đi ngay hả?

– Ừ dọt đi ngay. Vừa trèo lên núi vừa thấy tức cười đến tưởng mình muốn chết ấy.

Tôi nằm chêngh vêngh trên bờ thành xi măng ngửa mặt nhìn trời. Mây trông giống như những con cá còn ánh nắng làm chói mắt. Bàn tay đưa lên che nắng tanh ngòm. Tôi nghĩ chắc mũi chó đã ngấm vào khắp các góc gách thân thể tôi rồi. Bàn tay tôi sau khi đã giết hai mươi con chó khác với bàn tay lúc nếu có đụng đến cho chỉ là để vuốt ve đôi tai.

– Tổ mua một con chó hà, tôi nói.

– Hà?

– Mua một con chó giống tạp màu hung đỏ, bần tiện. Con chó ấy sẽ phải đeo trên lưng nổi oán hờn của một trăm năm mươi con chó. Mặt nó càng quắt queo nó càng thành một con chó dùm dó dễ ghét chứ nhỉ.

Tôi cười nhưng người nữ sinh viên mím chặt môi lại.

– Bọn chúng mình quả thật đáng tởm quá nhỉ, người nữ sinh viên nói.

Chúng tôi quay trở lại trước cửa nhà kho. Người thợ giết chó đang đứng nói chuyện với nhân viên nhà thương. Anh sinh viên tư thục đứng bên cạnh đó chăm chú nghe chuyện.

Thế nhưng nhà thương không có ngân sách đó, người nhân viên nhà thương nói. Nhà thương của chúng tôi không còn liên quan gì đến lũ chó đó nữa, người nhân viên lo chăn nuôi đã được chuyển sang làm công việc khác.

– Thế nhưng chuyện thanh toán xong hết một bữa nay là không có thể làm được, người thợ giết chó nói.

Công việc nuôi chó đã chấm dứt kể từ bữa hôm qua.

– Vậy ra bỏ đói hả, người thợ giết chó khổ não nói.

– Cứ có được nhân viên thì cũng đã có cơm thừa của nhà thương, đâu đến nỗi phải bỏ đói cơ chứ.

– Tôi sẽ chế đồ ăn - người thợ giết

chó nói. Đồ ăn thừa chắc cháu xin được đấy chứ.

– Được chứ. Có đi xem chỗ để đồ ăn thừa không.

– Bây giờ hãy đi xem một chút để đó cái đĩa sau tôi sẽ lo đem chia cho lũ chó.

– Cho tôi giúp một tay với, cô nữ sinh viên nói.

– Thôi đi. Anh sinh viên tư thực kích động nói.

Cả người thợ giết chó lẫn người nhân viên nhà thương cùng ngạc nhiên nhìn khuôn mặt đỏ dừ lên của anh ta.

– Thôi đi. Chuyện xấu hổ như thế nên thôi đi.

– Hả? Người thợ giết chó ngỡ ngàng hỏi.

– Có phải là đến ngày kia đều sẽ giết hết cả không? Vậy mà còn đem cho đồ ăn cho lũ cho quen hơi quả thật là dê hèn xấu hổ lắm. Tớ không thể nào thấy thư thái mỗi khi nghĩ đến cảnh những con chó một chốc nữa sẽ bị đập chết mà vẫn vừa vẫy đuôi vừa ăn cơm thừa được.

– Hôm nay giỏi lắm là giết được năm mươi con, người thợ giết chó nén giận nói còn một trăm con thì bỏ đói hả? Chuyện tàn khốc như thế là không thể được nhé.

– Tàn khốc à ? Người sinh viên tư thực ngạc nhiên. Tàn khốc mới lại...

– Thế đó, tao là không có thích làm điều tàn khốc. Tao vốn là người mến chó mà.

Người thợ giết chó cùng với người

nhân viên nhà thương đi vào con hẻm tối giữa những nhà kho. Anh sinh viên tư thực vật dựa hẳn người vào bờ vách rào, quần anh ta dính đầy máu chó.

– Tàn khốc mới chẳng. Bọn hấn sao mà quái lạ thật. Anh sinh viên tư thực nói. Cái lối hành động của hấn ta hèn mạt thật.

Cô nữ sinh viên lạnh lùng yên lặng nhìn xuống đất. Trên mặt đất, một vết máu chó ánh lên màu lục đậm. Vết máu có hình đầu lạc đà.

– Hả? Không cho ăn là dê hèn sao?

– Ờ thì thế, tôi đáp hững hờ.

Anh sinh viên tư thực phục cặp mắt cau có xuống, ảo não tiếp.

– Cứ nghĩ đến lũ chó bị quây trong

một bức tường thấp không còn cọ quây gì được cả là tớ thấy không đang tâm. Bọn chúng mình nhìn thấy được phía bên kia bức tường, bọn chúng không nhìn thấy được. Cứ như thể bọn chúng đứng chờ bị giết.

– Thấy được phía kia của bức tường cũng chẳng làm gì hơn được, cô nữ sinh viên nói.

– Đúng thế, cũng chẳng làm gì hơn được gì. Chính vì vậy mà không nở. Đã ở trong cảnh huống không còn làm gì hơn được mà vẫn còn ngoe nguẩy đuôi ăn cơ chứ.

Mấy người kia không biết phải đối xử với anh sinh viên tư thực ra làm sao. Tôi vừa múa sợi dây dắt chó vừa đi bắt một con khác lại. Tôi nghĩ lần này mình phải bắt một con to nhất có tai rũ xuống.

Chiều tối sau khi thanh toán xong con thú năm mươi, bọn chúng tôi ra chỗ rửa để cọ rửa thân thể. Người thợ giết chó trịnh trọng lấy dây cột đồng da chó đã rửa xong. Người đàn ông lãnh đầu thanh toán lũ chó cũng từ nhà thương lại. Rửa xong chân tay, chúng tôi chăm chú nhìn người thợ giết chó cột buộc.

– Còn xác chó thì làm sao, anh sinh viên tư thực hỏi.

– Đằng kia, kia, đang cháy đấy, người đàn ông nói.

Chúng tôi nhìn lên ống khói to tướng của lò thiêu xác. Từ ống khói, khói mầu hồng anh đào nhạt, dịu nhả, ùn ùn bốc lên không.

– Nhưng chỗ đó là chỗ thiêu xác người chết chứ, anh sinh viên tư thực nói.

Người thợ giết chó quay phắt lại quắc mắt nhìn anh ta,

– Hả? Xác chó với xác người thì có cái gì khác hả?

Anh sinh viên tư thực cái mặt làm thính. Tôi thấy đôi vai anh hơi rung. Anh ta khổ sở quá.

– Vậy mà có khác nhỉ, cô nữ sinh viên từ này vẫn nhìn ống khói nói.

Không một ai đáp lại. Tôi chờ qua đi một lúc hỏi, hả?

– Màu khói khác. Khói có sắc đỏ ưu sầu hơn là khói thường mỗi khi thiêu xác người.

– Biết đâu lại không phải đang thiêu xác một người to lớn phốp pháp mặt đỏ chú nhĩ, tôi nói.

– Nhất định đúng là chó. Nhưng cũng không biết chừng vì ráng chiều mà thành có màu sắc đẹp như vậy.

Bọn chúng tôi lại yên lặng đứng phình lên đám khói. Người thợ giết chó vác đồng da lên vai. Ráng chiều nền cho hồng hắt ta uy lẫm mạnh bạo.

– Ngày mai có vẻ công việc tốt đẹp đây, người thợ giết chó hể hả nói.

– Hả? Ngày tốt. Ngày mai ấy.

Bữa sau trời quang tốt ngày. Người lãnh thầu thanh toán lũ cho không đến nhưng công việc tiến triển trôi chảy đều đặn, mức dự định đến trưa đã xong hai phần ba. Chúng tôi mệt thì có mệt nhưng

tương đối vẫn còn tỉnh táo tươi tắn. Chỉ có anh sinh viên tư thực là khổ sở cau có thôi. Anh ta cần nhằn khó chịu vì quần áo vết máu chó, phàn nàn rằng tối hôm trước vào tắm o-furo²⁶ rồi mà mùi chó vẫn còn nguyên trên người.

Máu chó cáu vào kẽ móng tay không cạy ra được đã vậy mùi chó kỳ xà phòng kỹ đến mấy cũng không hết.

Tôi nhìn bàn tay của anh sinh viên tư thực đã mất hết cả sinh khí. Những ngón tay thon nhỏ móng để dài cáu bẩn.

– Nhận công việc này hóa ra lại thất bại nhỉ, cô nữ sinh viên nói.

– Không phải thế - anh sinh viên tư thực càng khổ sở đáp - Ngay như tớ không nhận công việc này cũng lại có thằng 26 O-furo: tắm ngâm nước nóng, đến người đỏ như tôm luộc. Nhật không có tắm như ta cốt lấy sạch thân thể, họ cốt lấy ngâm cho ấm nóng người.

khác nhận thay tở, móng tay nó cũng sẽ bị cái bản máu chó rửa không đi, người hăn cũng sẽ tanh ngòm. Chỗ đó là chỗ làm tở không sao thanh thản được.

– Cậu quả là người humanist²⁷ nhỉ, cô nữ sinh viên giọng tự nhiên.

Anh sinh viên tư thực mắt đỏ quàng củi xuống lặng im.

Cuối cùng anh ta khổ não đi khỏi. Người thợ giết chó thì ngay có được bắt chuyện thì cũng không còn vui vẻ trả lời nữa. Hăn ta bực trong lòng.

Tôi vừa lòi một con giống setter lại thì người thợ giết chó bỏ vòng rào đi ra hút thuốc lá. Cách đó một quãng anh sinh viên tư thực bướng bỉnh đứng quay lưng lại.

²⁷ Humanist: người nhân bản.

Tôi dắt con chó làm như đi tản bộ đến gần người thợ giết chó.

– Đừng có dắt lại đây, hần ta nói.

Tôi bèn lôi con chó lại cột vào cây cọc ở cửa đi vào vòng rào.

– Chó ở đây con nào cũng lành quá mất, người thợ giết chó giọng buồn nản nói. Không biết có được con nào cho rõ thật dữ mà lại to bằng con bê không nhỉ.

Tôi vừa ngáp vừa chớp mắt cho ráo nước mắt hỏi:

– Một con như thế chắc khó làm lắm nhỉ, một khi đã bị hành rồi?

– Với những con như vậy đó, đến cả người thợ giết chó cũng ngáp đến nhòe cả mắt, có cách làm cho hiền đi chứ. Làm thế này này.

Người thợ giết chó đưa bàn tay lông lá mọc đầy ở những đốt thử đưa luồn vào trong cổ để con chó đã được nói lỏng.

– Hãy thôi đi cho - anh sinh viên tư thực hét lên - Những câu chuyện dê hèn đáng tởm như thế, đây không có muốn nghe.

– Tao chỉ nói cách làm sao mà dễ yên được một con chó to như một con bê thôi đấy chứ, người thợ giết chó nói.

Anh sinh viên tư thực ran lên bật:

– Tao bảo cái lối mày làm nó hèn hạ lắm. Cái lối mày làm tởm lắm. Cho dầu là chó đi nữa cũng đáng được đối đãi cao quý hơn thế đó.

– Nhà anh thì nói vậy chứ một con chó con liệu chắc đã giết nổi được à.

Quả người thợ giết chó mặt cũng tái đi, nước bọt phun phì phì ra quanh mép.

Anh sinh viên tư thực mím môi lại nhìn người thợ giết chó chùng chùng. Rồi đột nhiên anh ta nhặt cây chày của người thợ giết chó chạy lại phía con chó bị cột ở cọc chỗ vòng rào. Con chó sủa anh sinh viên tư thực múa chày khủng khiếp. Anh ta chùn lại nhưng vẫn tiến tới, phang xuống tai con chó đang chồm tới một chày. Con chó bị đánh ăng văng vào vách rào xi măng nhưng không chết. Máu mồm ứa ra, trông đau đớn khổ sở loạng choạng đi. Anh sinh viên tư thực đứng sững thở hồng hộc nhìn con chó chùng chùng.

– Này, phang nữa đi- người thợ giết chó giận dữ quát - đừng có hành con chó.

Nhưng anh sinh viên tư thực không

động cựa, mồm há, thở hỗn hển nhìn con chó, run lên bần bật.

Con chó vừa co giật vừa lết người căng cho đứt sợi dây. Tôi giằng lấy cái chày trong tay anh ta đánh vào giữa sống mũi con chó đang ngoan ngoãn ngược cặp mắt nhìn lên, trong miệng vẫn còn ứa máu. Con chó rống lên một tiếng nghe như tiếng chim và vật ra,

– Mày làm chuyện tàn nhẫn, anh sinh viên tư thực nói.

– Hả?

– Mày đê tiện lắm. Con chó đó không có chống cự, mà lại yếu lả đi rồi.

Cơ giận ứ lên tận cổ tôi, nhưng tôi quay lưng lại, gỡ sợi dây dắt chỉ ra khỏi cổ con chó. Tôi chẳng thấy có hứng thú gì ở anh sinh viên tư thực cả.

– May là người biết điều - người thợ giết chó bước lại gần nói. Kẻ không biết điều làm nghề giết chó cũng nguy hiểm.

Nhưng tôi không biết điều được đến thế. Vào buổi chiều lúc đã muộn tôi bị một con lông hung đỏ thứ lỗ cỡ làng nhàngh cắn vào bắp chuối.

Tôi vừa đúng lúc dẫn con chó đó vào trong rào thì cô nữ sinh viên đi ra ôm một mớ da cho bê bết máu.

Con chó nhìn thấy thế hoảng sợ lồng lên dữ tợn, chồm lên cắn vào bắp chuối tôi lúc tôi đang cố ghì chặt sợi dây dắt chó giữ cho nó yên. Người thợ giết chó chạy ra khỏi vòng rào nhanh nhẹn gỡ con chó lông hung đỏ đó ra nhưng bắp về tôi đã tê dại không còn thấy cảm giác.

– Cỡ bị một con chó lằng nhằng hung đỏ cắn mà la như vậy là quá quái đản nhé. Cô nữ sinh viên nói.

– Máu làm ướt bít tất. Người thợ giết chó vạch mồm con chó sau khi đã bị đập chết.

– Bị răng gớm thế này cắn à. Toàn răng già khụ lung lay cả. Răng bản gớm. Coi này.

Tôi mắc chứng thiếu máu. Tôi mơ màng cảm thấy cô nữ sinh viên bằng những cử động chậm chạp lễ mễ đỡ lấy người tôi. Tôi không muốn để anh sinh viên tư thực thấy.

✱

Tôi nằm lên trên cái trường kỷ bọc da, cô khán hộ cẩn trọng quần cuốn băng lên bấp vế trần của tôi.

– Đau không? Có nữ khảo hộ hỏi.

– Không thấy đau.

– Tôi cũng nghĩ vậy, cô nữ khán hộ đứng dậy ngó xuống tôi nói. Bước đi thử xem nào.

Tôi vén xách quần lên bước thử đi.

– Bị quần băng thành ra thịt gần như căng ra ấy.

– Tốt lắm. Tiền công thì để sau rồi lúc tiêm sẽ tính gộp cẩn thận lên biên lai.

– Hả? Tiêm hả?

– Chứ sao, không muốn mắc bệnh dại chứ?

Tôi ngồi xuống trường kỷ cửa ngõ xuống. Bàn tay xước đây ở sát móng tay để trên đầu gối run lên lập cập.

– Bệnh đại hả?

– Chú gì nữa. Tiêm ngừa bệnh đại đầu có phải giản dị như thế chứ. Giữa sống và chết cơ mà. Đôi lúc thì vậy.

Người nữ khán hộ trả lời gọn thon lỏn.

– Tôi rên á. Sao mà bị rơi lọt gớm ghiếc thế này.

– Nghĩ cái gì vậy?

– Chuyện bị chó cắn chứ còn gì nữa. Tôi đáp giận dữ.

– Oí, có người nào đang gào gọi, ời, ời.

Tôi đi xuống cầu thang cửa sau. Trước cửa nhà kho bọn người giết chó tụ tập, viên cảnh sát đứng giữa thấy tôi bèn quay lại nhìn. Tôi bước chậm rãi lại.

Viên cảnh sát ghi tên họ và chỗ ở của tôi vào sổ.

– Để làm gì vậy, tôi hỏi,

Viên cảnh sát đưa cầm ra làm thỉnh.

– Hà?

– Người đàn ông đó là lái buôn thịt đấy - cô nữ sinh viên trả lời. Thịt chó ở đây ấy, hắn ta đem bán cho hàng thịt đấy, bị hàng thịt khiếu nại tố cáo hắn đã bỏ trốn đi đằng nào rồi.

Tôi dăm dăm nhìn cô nữ sinh viên.

– Tiền công của chúng mình thế là đi tong.

– Á.

– Người đàn ông ấy mà bỏ trốn rồi thì công xá còn gì nữa.

Tôi nhìn người thợ giết chó với anh sinh viên tư thực. Cả hai mặt cùng ngơ ngác mơ hồ.

– Ấy thế chứ còn tiền chữa chạy ở nhà thương thì thế nào chứ.

– Thì cả người đàn ông ấy lẫn người hàng thịt đâu có bị chó cắn đâu.

Viên cảnh sát giọng nghiêm khắc nói:

– Để rồi có thể kêu lên thăm vấn không chừng.

– Nói là gọi lên thì nói - anh sinh viên tư thực giọng không chịu phục -

chứ chúng tôi đã có bán thịt cho hàng thịt nào đâu chứ.

– Giết chó bậy bạ không thôi cũng không thể nào để cho yên được.

– Chúng tôi ấy thì, đâu có ham thiết gì.

Viên cảnh sát không thềm cái tay đôi với anh sinh viên tư thực bằng qua bãi sân bỏ đi.

Mọi người đều yên lặng. Vết thương tôi bắt đầu cảm thấy nhức. Thế rồi lặng lẽ nó sưng tấy lên.

– Giết cả thấy được bao nhiêu con rồi nhỉ, cô nữ sinh viên hỏi.

– Bảy mươi con.

– Thành ra còn tám mươi con nhỉ.

– Làm sao giờ? Anh sinh viên tư thực hỏi.

– Thì đi về - người thợ giết chó bực tức nói.

Rồi hẳn ta bỏ vào trong rào thu dọn lấy đồ nghề.

Chúng tôi đi bộ về hướng cái arcade [Arcade: hành lang thường thấy trong những tòa nhà lớn.] dẫn ra phố. Cô nữ sinh viên như ép sát người vào tôi.

– Hả? Đau lắm phải không?

– Đau chớ. Đã thế lại còn bắt không tiêm không được nữa chớ.

– Quá quắt quá nhỉ.

– À, quá quắt lắm. Tôi đáp.

Ráng chiều bắt cháy. Một con chó sủa lên.

– Bọn chúng mình là đã rắp tâm giết chó - tôi giọng mơ hồ nói. Té ra bị thịt lại chính là tụi mình.

Cô nữ sinh viên nhúu mày cười giòn. Tôi cũng cười mệt đừ.

Chó bị giết thì ngã ra, bộ da bị lột. Bọn chúng tôi thì bước đi tứ tung.

– Nếu thế thì da phải bị lột chứ nhỉ, cô nữ sinh viên nói.

Tất cả lũ chó đều bắt đầu sủa. Tiếng chó sủa quện đánh lại bay vút lên trời chiều. Và hẳn cứ sủa như thế trong hai giờ.

OE KENZABURO

(5-1957)

VŨ THƯ THANH dịch

GUNADASA AMARASEKARA

VỀ THĂM CHỐN CŨ



Gunadasa Amarasekara là một nhà văn xứ Tích Lan (Srilanka), sinh ngày 12 tháng 11 năm 1920 tại Yatalamata, Tích Lan. Ông đã cho xuất bản ba cuốn truyện dài nhan đề Karumalekenayo, Yali Uppa-nunémi và Depa Nodado; nhiều truyện

ngắn và thơ. Ông tốt nghiệp Nha khoa Đại học đường, do vậy, nghề chính của ông là trồng răng chữa răng, chứ không phải nghề viết văn. Hiện nay, ông còn làm thêm một nghề nữa: dạy học tại Đại học đường Tích lan.

*Chúng tôi phiên dịch truyện ngắn dưới đây của ông qua một bản Anh dịch của Reggie Sirizardena, nhan đề **Going Back**.*

Khi má tôi dời bỏ ngôi trường ở Yatalamatta, nơi bà đã dạy học trong suốt hai mươi sáu năm trời, thì những người trong làng đã tổ chức một cuộc lễ lớn để tiễn biệt bà. Ban tổ chức có gửi giấy mời tôi về dự lễ. Ban đó cho

biết cuộc lễ sẽ được tổ chức vào ngày 25 tháng Ba và sau buổi lễ, toàn thể những người dự lễ sẽ chụp chung một tấm hình. Tôi đã không tới dự. Tôi không thể nói rằng tôi đã không dự bởi vì tôi không có thời giờ rảnh được.

Cách đây ít lâu tôi có tới dự một buổi lễ tương tự, khi ông Wiratunga, người dạy trường con trai, dời bỏ trường đó. Tới nay tôi vẫn còn lợm giọng khi tới nhớ lại cái cảnh khóc lóc sụt sùi và những câu nói ba hoa chích choè trong cuộc lễ đó. Tôi biết rằng trong buổi lễ tiễn đưa má tôi, cái cảnh đó hầu phải tái diễn. Tôi không còn can đảm để dự những trò lảm cẩm như vậy nữa. Hình như đối với tôi những người nhà quê ruột để ngoài da vốn là những người ngu đần không thể nào suy nghĩ cho hợp lý được. Ngay vào lúc tôi cầm lấy giấy mời

tôi đã có thể tưởng tượng má tôi đang đọc một bài diễn từ và có vẻ ủ rũ, những giọt lệ chảy ra từ hai mắt bà và giọng nói của bà nghẹn ngào nức nở. Tôi tự nhủ: “Thật phúc cho mình đã không tới dự lễ để phải sa vào cái cảnh lảm cẩm đó.”

Vì lý do đó nên trong dịp nghỉ, mãi tới lúc còn một tuần nữa trước Tết Tích Lan tôi mới trở về nhà, Khi tôi về tới nhà, thì điều đầu tiên mà cả má tôi lẫn Nangi đều hỏi, ngay cả trước lúc tôi thay xong quần áo, là tại sao tôi đã không tới dự buổi lễ tiễn biệt má tôi.

– Mà y tẹ quá – má tôi nói — người ta gửi thư đến tận trường đại học mời mà y mà mà y cũng chẳng chịu tới.

– Tẹ thật đấy, nếu như Podi Aya có mặt ở đó thì buổi lễ thật hoàn toàn. Nangi phụ họa.

– Phải đấy, nếu như tôi có tới thì có lẽ cả tôi cũng khóc nữa đấy. – Tôi nói.

– Dĩ nhiên, nếu như mày có tới thì mày hẳn phải là kẻ khóc đầu tiên, – Nangi đối đáp – Mặc dầu mày nói thì ra vẻ lắm nhưng tao biết là mày sẽ khóc trước bất cứ ai hết.

– Đừng có nói xàm! Những cuộc tiễn biệt như thế chỉ thích hợp với đàn bà là những người luôn luôn chờ dịp để mở vòi nước mắt.

Tôi nói một cách bức tức. Đối với tôi, nhận xét đó của chị Nangi có vẻ như một sự thóa mạ vào cái trí khôn đi chín chắn của tôi.

– Nó mang những ý nghĩ như thế trong đầu óc kể từ sau khi nó đọc những sách lớn gì đó, – Nangi nói, – Nhưng lúc

con với nó còn ở với nhau tại Ratnasara thì nó cứ luôn miệng nhắc tới nhà hoài. Đến khi con với nó trở về nhà sau kỳ nghỉ thì nó lại ngậm miệng chẳng chịu nói gì suốt hai, ba ngày.

– Má có nghe nó nói đấy không? –
 Chị tôi nói tiếp – Bây giờ thì nó nói thánh nói tướng vậy đó, nhưng dạo chúng con còn nhỏ lúc má để chúng con ở trường thì nó cứ nhắc tới nhà với con suốt cả ngày. Lúc này hẳn má đã trở về nhà rồi nè. Lúc này chắc mà đang hái rau ở vườn sau. Lúc này hẳn má đang dâng hoa ở đền. Nó cứ nói đại loại như vậy hoài. Thế mà bây giờ nó không thể trở lại được cái nơi mà chúng ta đã sống suốt hai mươi sáu năm, ngay cả vào cái ngày mà chúng ta dời bỏ nơi ấy.

Tôi cố giấu sự mắc cỡ.

– Quả thật không phải vì mắc thi mà tôi không về hôm đó – tôi nói với sự bực bội – Chỉ vì tôi không muốn coi cái loại hài kịch đó.

– Thôi không nói tới buổi lễ ấy nữa. Trước khi Tết đến, mày phải đi với tao tới Yatalamatta đấy. Chẳng có ai đi với tao cả. Tao vẫn cứ chờ mày về để đi với tao. Má tôi nói với tôi.

– Tại sao má lại muốn trở lại cái ngôi làng mà mà đã dời bỏ? Có ai là thân quyến của nhà mình ở đó đâu. Tôi cầu nhà.

– Cứ gì phải có thân quyến ở đó mới trở lại. Ít nhất vào dịp Tết mình cũng phải trở lại thăm những người đã từng là lân bang hàng xóm của mình trong suốt cả một thời gian nhiều năm như vậy chớ.

– Con không thể đi được đâu. Con còn có cả trăm công việc phải làm. Con đã mang tất cả sách vở của con về đây nè.

– Ồ, nếu mày không thể đi với tao được thì để tao đi một mình vậy. Chỉ có một điều khó là tao phải đón xe hàng đi Yatalamatta từ sáng sớm.

Má tôi nói với tôi bằng một giọng trách móc.

Lúc đó bà chỉ nói vậy thôi chứ không nói gì nữa. Nhưng sau bữa ăn trưa ngày hôm sau, tôi nghe thấy bà lại nói chuyện với Nangi về việc đi Yatalamatta. Tôi đang ngồi ở bàn ăn đọc một cuốn sách nên tôi có thể nghe thấy họ chuyện trò trong phòng ngủ.

– Hôm nay là thứ bảy rồi – đã gần hai tuần lễ trôi qua kể từ ngày chúng ta

dời bỏ nơi đó tới đây – ấy thế mà má vẫn chưa thể nào đi được.

Má tôi than thở.

– Tại má cứ mảng chờ Podi Aiya đó!

Tôi nghe tiếng chi Nangi nói thế.

– Bây giờ mà đành phải đi một mình thôi vậy, má à.

– Má cũng chẳng biết tình trạng ngôi trường lúc này ra sao. Khi chúng ta ra đi, má có dặn cô giáo vừa từ Hittihera tới là cô ấy nên cứ vài ngày lại mở các cửa ngôi trường ra và ít nhất cũng phải quét dọn khu vườn phía trước. Mùa này lá cao su rụng nhiều và vườn đó hẳn phải ngập đầy lá rụng.

– Nếu cô giáo ở Hettihena tới mà không bị đau thì chắc là cô ấy sẽ làm đúng theo lời mà dặn chứ.

Nangi phát biểu ý kiến bằng một thứ câu hỏi.

– Nếu cô ấy làm đúng thế thì hay lắm. Nhưng mà không chắc cô ấy có làm đúng lời má dặn dò không. Lúc má còn ở đấy thì mọi công việc đều được thi hành chu đáo bởi vì người ta sợ má. Ai không làm thì má la om xòm lên ngay, nhưng lúc này tình trạng ngôi trường hẳn chẳng còn được như xưa nữa. Và má cũng chưa bảo được người ta sửa chữa cái cổng trước khi mà đi đấy. Cả hai cây trụ cổng đều mục cả rồi. Nếu có con bò ác ôn nào từ Pelawatta tới lọt được vào trong vườn thì nó sẽ phá phách hết. Mọi thứ đều phải được giữ gìn sửa chữa cho cẩn thận.

Nghe họ nói chuyện với nhau tôi vừa cảm thấy vui vui vừa cảm thấy như mình bị thách thức. Tôi nói một cách chế nhạo:

– Tại sao má cứ bận tẩn vì những việc đầu đầu ấy thế? Lúc má từ biệt nơi đó sao mà không đưa luôn cả cái trường ấy về đây — cả ngôi vườn và mọi thứ khác nữa. Làm như vậy thì má sẽ không còn phải lo lắng gì nữa. Dù má cứ chạy ngược chạy xuôi lằng xằng giống như một chủ nợ như thế thì điều đó cũng chẳng làm cho Nhà Nước tốt đẹp hơn được.

Má tôi và Nangi vẫn cứ tiếp tục nói chuyện với nhau, như thể họ đã không nghe thấy lời tôi nói.

Tối hôm sau, má tôi sửa soạn mọi thứ để đi viếng thăm Yatalamatta. Bà đã có sẵn sàng những bó lá trầu để làm quà cho nhiều người ở đó.

– Nhưng chỉ có trầu thôi thì chưa đủ. Tao còn phải mang theo một hộp bánh bích qui nữa, cho Rukmalgoda.

Bà bày tỏ sự nhận xét như vậy với Nangi trong lúc bà sắp những lá trầu lại với nhau.

– Và Brampy này! Sáng mai mày đâu có dậy trễ được. Chúng ta phải đón xe hàng từ sáng sớm mà. Chúng ta sẽ đáp xe tới Unanvitya rồi từ đó phải lội bộ.

Má tôi nói thêm như vậy với tên đầy tớ trai lúc đó đang đứng ngay bên.

– Tại sao tới Unanvitiya lại phải xuống xe? – Nangi hỏi – Xe có thể đi thẳng tới Yatalamatta chứ.

– Làm sao xe tới đó được? Cây cầu Anguruvēla bị gãy và xe hàng lúc này chạy theo đường Unanvitiya. Nhưng từ Unanvitiya tới Yatalamatta chỉ có ba dặm, lội bộ một quãng đường như vậy đâu có đáng kể gì. Khoảng mười giờ đã

có thể tới Yatalamatta rồi.

Má tôi trả lời một cách nồng nhiệt.

– Nếu đường xá có điều trở ngại nào xảy ra thì sẽ phải đi chiếc cầu khỉ ở Danduvana, bà nói tiếp – Nếu lúc đó nước dâng cao lên tới tận mé cầu ấy thì hay lắm. Mỗi lần phải trông thấy đáy sông tao lại cứ chóng cả mặt. Nhưng rồi tao cũng sẽ qua được cầu ấy. Hoặc nếu tao không qua được, thì ít nhất tao cũng sẽ nhờ được con gái nhà Kumara giúp tao đi theo ngả Mahahena.

Giọng nói của má tôi có vẻ hăng hái đến nỗi tôi cảm thấy bà đã thực hiện xong cuộc hành trình trong óc tưởng tượng của bà.

Brampy nói bằng giọng ta thán:

– Nếu tội bộ từ Unanvitiya thì phải làm sao để có thể tới Yatalamatta trước mười một hoặc mười hai giờ.

Má tôi trả lời:

– Mười hai giờ hay hai giờ, đâu có hề gì? Chúng ta trở về cái nơi đã từng là nơi cư ngụ của chúng ta mà, phải vậy không?

Tối hôm đó, trước khi đi ngủ, Nangi đã chạy lên chỗ tôi đang ngồi học.

– Nếu ngày mai em không đi với má, thì má sẽ phải đối phó với nhiều điều cực lắm đó, – chị ấy nói thế – Bây giờ bà ấy muốn đưa thằng Brampy ngó ngàng đi theo. Nếu má mà đi với nó, thì không chừng má sẽ té từ trên cầu khỉ xuống mà gãy cổ mất. Vì thế, chị van em, hãy đi với má nhé. – Nangi năn nỉ.

– Má cứ cao hứng về chuyện đi đó đi đây, có phiền cho má thể thì rồi má mới tỉnh – tôi nói.

– Có lẽ má cứ hay vẽ chuyện thật đấy. Nhưng Podi Aiya à, chị van em, em hãy đi với má. Em không đi má sẽ có thể gặp sự rủi ro lắm đó.

– Tôi không muốn dự vào một cuộc hành trình nực cười như vậy! Tôi còn phải đọc cho xong cuốn sách này trước khi kỷ nghỉ chấm dứt. Nếu tôi đi với má, tôi sẽ mất cả ngày mai cho cuộc hành trình. Rồi ngày tiếp đó tôi lại phải nằm nghỉ cho bớt đau chân. Tôi đâu còn có thể học hành gì được nữa.

– Dầu thế nào chẳng nữa em cũng phải đi với má, Pod Aiya à, chị van em đó. Nangi nhắc lại

– Không, tôi không thể đi được. Má có thể mang theo bất cứ ai mà má đã nói với. Để cho má đi và nhận lấy một bài học.

Mặc dầu tôi nói thế nào chẳng nữa, thì sau lúc Nangi bỏ đi rồi, tôi cũng đã quyết định sẽ đi theo má tôi. Má tôi vốn có tính đã định làm việc gì thì nhất định bằng bất cứ cách nào thực hiện việc đó cho kỳ được. Cả tôi nữa, tôi cũng nghĩ rằng nếu bà đi với Brampy thì bà sẽ gặp chuyện khó khăn. Do đấy, trong khi tôi vẫn còn thâm trách cú ý muốn của má tôi, thì, một cách miễn cưỡng, tôi đã quyết định sẽ đi với má tôi.

Mặc dầu sáng hôm sau chúng tôi dời nhà từ lúc rạng đông, nhưng mãi tới khoảng bảy giờ xe hàng mới đi. Má tôi cầm trong tay nhiều thứ gói, nhưng tôi không muốn cầm đỡ cho bà gói nào hết

bởi lòng tôi đang bức tức. Những hành khách của xe hàng chỉ gồm có chúng tôi thôi. Má tôi ngồi ghế dưới, còn tôi ngồi bên bác tài xế. Cho tới lúc chúng tôi tới Unanvitiya, má tôi vẫn giữ im lặng, có lẽ bởi vì bà cảm thấy rằng chuyện trò hân sẽ chỉ làm tôi tức giận thêm.

Con đường trải đá từ Hammeliya tới Unanvitiya chạy qua vài nơi có phong cảnh đẹp. Một bên đường có những cánh đồng cỏ hoang; phía bên kia đường có những ngọn đồi thấp được bao phủ bằng những cụm trà, những cây dừa, lương phần hoặc dã mộc. Những ngôi nhà nằm sát ngay bên mé đường với vài khu vườn được giới hạn với con đường bằng những hàng rào găng xanh hoặc những hàng cây đầy hoa nở. Khi xe của chúng tôi chạy qua những nơi đó, thỉnh thoảng, theo bản năng, tôi đã ngấm một cô thiếu

nữ nào đó đang quét vườn. Khi chúng tôi tới gần Yatalamatta thì những cánh đồng mà từ lâu chúng tôi đã thấy ở một bên đường, lúc này chấm dứt, nhường chỗ cho con sông Gin Ganga với hai bờ để coi của nó.

Vẻ quyến rũ của những cảnh vật chung quanh ấy khiến sự bức tức của tôi dịu lại. Khi xe hơi dừng lại ở khu chợ Unanvitya, nơi có một dãy cửa hàng và một chiếc cầu treo, lòng tôi thư thái vui vẻ một chút và tôi cầm lấy một trong số những gói mà má tôi đang cầm.

Tuy nhiên, cảm giác thích thú của tôi giảm đi lần lần. Vùng Post Estate, trước kia có đầy những cây cao su, lúc này chỉ còn là một sa mạc không có cây có lá gì hết. Tôi đã không biết rằng những cây cao su đã bị đốn gốc bởi khu đất này sẽ được dùng vào việc trồng trà. Tôi đặt cái gói

lên đầu tôi và đi lê bước. Lúc này khoảng mười một giờ. Ánh mặt trời, giống như lửa, đổ xuống chúng tôi và cả con đường đầy cát cũng trở nên nóng hơn. Thân thể tôi đầm mồ hôi. Hai mẹ con cùng rảo bước không ai nói với ai một lời nào. Vùng Post Estate trải dài chừng một dặm đường và chấm dứt tại làng Yatalamatta. Đối với tôi một dặm đường này có vẻ như dài bằng mười dặm.

– May quá, từ chỗ này trở đi có bóng mát rồi. – má tôi nói thế khi chúng tôi đi tới cây cầu khỉ Danduvana.

Trong những ngày trước, trời đã mưa ở vùng đồi, và đúng như má tôi đã trông mong, nước lên tới khoảng lưng chừng sông. Tôi cầm lấy các gói cho bà và tôi đi trước. Trước kia tay vịn chỉ là một thân tre, bây giờ thay vào thân tre ấy là cả một thân cây cau khá lớn và vững chãi, do

đẩy việc đi qua cầu không khó khăn gì lắm.

Khi chúng tôi sang tới bờ bên kia, chúng tôi gặp ông Kumara. Ông ta nói.

– Hình như bà và cậu trở về đây để thăm bạn bè và các người thân thì phải.

– Đúng thế – làm sao tôi có thể quên họ một cách mau chóng như vậy được chứ? Má tôi nói thế, và người rất tươi cười.

– Vâng, vâng, dĩ nhiên. Bà và cậu có thể đi bất cứ đâu, nhưng làng này vẫn là quê quán của bà và cậu. Nhất là đối với cậu Podi, – ông Kumara vừa nói thêm như vậy vừa quay lại tôi. – Cậu đã sinh ra ở đây mà, phải vậy không?

– Hờ, hờ, tôi sống ở đâu thì đó là nhà

của tôi – tôi nói với vẻ dửng dưng và đắn đo.

– Cậu đừng có nói thế. Một ngày nào đó cậu sẽ làm lớn và lúc đó dân chúng sẽ nói là cậu sinh ra ở đây, và lúc đó tất cả chúng tôi sẽ được thơm lây chứ.

Từ lúc đó trở đi, bất cứ ai gặp chúng tôi cũng đều hỏi những câu tương tự như thế.

– A kìa, bà và cậu trở về thăm nhà cũ đấy ư?

– Dĩ nhiên làm sao bà và cậu có thể quên được cái nơi mà bà và cậu đã ở lâu đến thế chứ?

Vài người trong số những người quen biết chúng tôi quay về phía tôi:

– Cậu Podi vừa về nhà nhân dịp

trường học nghỉ Tết đấy à?

Bên cầu, chúng tôi gặp ông Hichchi;
ông ta trách:

– Chúng tôi có gửi thư mời cậu mà
cậu không về dự buổi lễ, thật tệ quá.

Ông Hichchi vốn là người đã có chân
trong ban tổ chức lễ tiễn biệt má tôi. Đối
với tôi, tất cả những cái đó có vẻ chỉ là
những chuyện ba hoa lảm cẩm. “Rõ toàn
là những chuyện ngớ ngẩn,” tôi tự nhủ
như thế.

Gần cầu, chúng tôi cũng gặp ông
Loku vốn người quê quán ở Pelawatta.

– Chỉ mới hôm qua, bọn chúng tôi
có nói chuyện với nhau rằng chắc chắn
là hôm nay hoặc ngày mai bà sẽ tới đây,
rằng thế nào bà cũng trở lại đây trước
Tết.

Ông Loku kêu lên oang oang như thế, trong khi đầu thế nào chẳng nữa, lúc này đây, ông vẫn đang còn sống cách biệt với Pelawatta. Ông có một ngôi trại ở gần trường học.

– A, vâng, chỉ có hôm nay tôi mới rảnh để về đây. – Má tôi nói. – Tình trạng ngôi trường lúc này ra sao? Tôi có bảo cô giáo ở Hettihena tới là cứ độ hai, ba ngày lại phải đi xem xét coi trường sở có được sạch sẽ không. Chẳng biết cô ấy có làm theo lời tôi dặn không?

– Tôi không gặp cô ta. Kể từ hôm bà đi tới nay, tôi cũng chưa về tới chỗ đó. Bà định tới thẳng nhà trường hay tới Rukoalgoda? – Ông Loku hỏi – Nhưng mà tới trường làm quái gì? Lúc này đâu có ai ở đó.

– Chúng tôi sẽ tới Rukmalgoda trước

và kiểm cái gì ăn đã. Rồi chúng tôi phải tới trường. Má tôi nói.

Đối với tôi thì hình như những cuộc gặp gỡ và những lời trò chuyện trên đường đi đã làm tăng thêm sự hăm hở của má tôi, và bà cũng đâm ra nói nhiều hơn.

Khi chúng tôi tới Rukmalgoda thì đã gần mười hai giờ.

Ngay khi vừa gặp chúng tôi, bà Akmeemana Hamine nói:

– Chúng tôi đã nghĩ rằng thế nào hôm nay bà cũng tới. Chúng tôi có chờ một lúc rồi mới ngồi vào bàn dùng bữa trưa. Cậu Podi về hôm nào vậy?

Sau khi chúng tôi rửa mặt, chúng tôi được mời ngồi vào bàn ăn. Ngay cả trong lúc đang ăn, má tôi cũng vẫn hỏi Akmee-

mana Hamine những câu về trường học.

– Bà có thấy cô giáo ở Hettihena thường đi qua lối này không? Má tôi hỏi.

Akmeemana Hamine trả lời:

– Làm sao cô ấy đi qua đây lúc này được? Ngay khi kỳ nghỉ Tết bắt đầu thì chồng cô đã xuống đây đưa cô đi Hikkaduwa.

– O, ơ, tôi đã nói cô tha thiết như thế mà cô vẫn chẳng chịu nghỉ Tết ở đây chút!

– Trời Phật ời, các giáo viên ngày nay đâu có chịu làm gì khác ngoài cái công việc chính để lĩnh lương! Lúc này đây, chúng tôi không tìm được những giáo viên như bà nữa!

– Cái thế hệ lắm cảm đó bây giờ tàn rồi! Tôi trả lời.

Mặc dầu sau bữa ăn tôi buồn ngủ quá không thể nào giữ cho mắt khỏi nhắm lại nhưng má tôi, không để mất một phút nào, vẫn cứ sửa soạn tới trường học ngay.

– Mình có hề bao giờ tham dự vào những công việc phiền toái như thế này đâu, ấy vậy mà giờ đây lại chuốc lấy vạ... tôi thăm càu nhàu khi tôi đi theo bà. Ngôi trường ở cách Rukmalgoda chừng nửa dặm đường. May thay, ánh nắng dữ dội lúc này hơi giảm đi và thỉnh thoảng lại có bóng mát; tuy thế hình như con đường trải nhựa dưới chân tôi nóng dấy như thể nó đã bốc cháy vậy,

Khi chúng tôi qua khúc quẹo của con đường, gần bên ngôi đền, chúng tôi đã trông thấy khu vườn nhà trường và những bức tường của ngôi trường. Thoạt nhìn, người ta đã thấy quang cảnh ấy có vẻ là một nơi quạnh hiu vắng ngắt. Tối

gần hơn, chúng tôi đã có thể nhận ra những cây rakattana và cái cổng trường. Những cái cây, tỏa rộng những cành của chúng trùm ra cả con đường, đã khiến cho sự xúc cảm đầu tiên của tôi trở nên mạnh mẽ hơn. Chúng tôi đi thẳng tới cổng trường và tôi kéo những khúc tre chắn cổng sang một bên. Trong cảnh êm tĩnh bao phủ chung quanh, những tiếng tre lẹt kẹt hình như phát ra mạnh hơn.

– Từ khi chúng ta dời bỏ nơi này, không có một ai bước chân vào đây cả!
– Má tôi nhận xét như thế khi chúng tôi đi qua cổng. – Nhìn mà xem, mới có ít ngày mà cỏ đã mọc đầy vườn!

Khu vườn không những đầy cỏ mà còn đầy những lá cao su bị gió thổi rụng xuống.

Cửa ra vào ngôi trường kêu lẹt kẹt khi tôi mở nó ra. Như thông thường trong các kỳ nghỉ học, bàn ghế được xếp chồng lên nhau trong phòng học. Cả sàn lớp cũng có rải rác những lá cây và những sợi rơm rác đã bị gió thổi bay vào.

Cái mà tôi cần nhất là một manh vải ngân để có thể trải ra mà nằm. Tôi sắp hai chiếc ghế dài sát vào nhau, cởi áo ra rồi nằm xuống ghế. Tôi nói với má:

– Lúc nào mặt trời xuống thấp thì má đánh thức con dậy nhé.

Nằm đó, tôi có thể ngó lên nóc nhà trường. Mấy cánh mái này góp thêm phần quanh hiu thăm đăm vào một cái nơi mà trong ít lâu nay không có ai đặt chân tới. Những mạng nhện lớn chằng chỗ này chỗ kia, và trong lúc tôi đang nhìn ngắm, có hai con chuột nhỏ bụng trắng chạy lù

đừ giữa đám rui nhà. Chẳng bao lâu, hai mắt tôi nhắm lại.

Khi tôi tỉnh giấc thì hẳn là lúc ấy tôi đã ngủ được hơn một tiếng đồng hồ. Tôi đã ngủ khá lâu và bởi vì lúc này tôi vẫn còn mệt mỏi và bồn thần trong người, nên tôi thấy ngại bò dậy. Tôi cứ nằm đó và đưa mắt nhìn chung quanh. Má tôi đang làm việc ngoài vườn với một cái thuổng.

– Dừng lại, dừng lại...

Tôi lắng tai nghe những tiếng động có vẻ bất nhẫn của cái thuổng khi nó va xuống mặt đất cứng trong một nhịp điệu nghe nhàm tai. Trên mái nhà, hai con chuột mà tôi đã trông thấy trước lúc tôi ngủ thiếp đi, lúc này vẫn còn di chuyển lịch kịch giữa đám rui kèo. « Mạng nhện chẳng trên đó nhiều quá! » tôi nghĩ thế.

Tôi lại cảm thấy buồn ngủ, như thể sự mệt mỏi của tôi đã tăng lên.

– Hỡi ơi, ngờ đâu mà quang cảnh nhà trường lại nên nông nổi này? Má tôi nói lầm bầm một mình trong lúc bà làm việc.

Tôi quay đầu lại nhìn qua khung cửa sổ rộng. Mặt trời lúc này đã ngã xuống phía những ngọn đồi bên đường, và những ngọn đồi ấy vì phải chịu đựng lâu ánh nắng gay gắt nên trông có vẻ héo úa.

Tôi miễn cưỡng đứng dậy và bắt đầu đi đi lại lại trong phòng học cho thân thể đỡ bần thần. Má tôi vẫn còn đang làm việc ngoài vườn.

– Dừng lại, dừng lại... chỉ có tiếng động phát ra từ chiếc thùng phá vỡ sự im lặng bao bọc chung quanh.

Tôi bước tha thần vô mục đích trong một lúc, rồi đứng tựa lưng vào một hàng lan can để nhìn ngắm mọi vật. Ở đầu kia dãy lan can có một cây đèn bằng đất nung đã đen xỉn lại và một cái giỏ đựng những bông hoa đã khô héo. Tôi đột có ý nghĩ rằng hẳn là trước khi dời bỏ trường này đi nơi khác, má tôi đã thắp ngọn đèn lên.

– Đèn này dùng làm gì vậy? tôi hỏi bà.

– Đèn nào? Cây đèn ở tường ấy à? Đó là cây đèn mà chúng ta phải thắp lên để cúng thần linh trước khi chúng ta bỏ đi.

Tôi lôi mớ hoa khô ra khỏi chiếc giỏ và đặt chúng xuống lan can. Rồi tôi nghĩ rằng chẳng nên bày giải chúng ra đó nên tôi nhét chúng vào một cái tủ.

Phòng học hiển cho ta cái cảm tưởng là nó có vẻ hiu quạnh hơn bao giờ hết, và tôi bước ra ngoài vườn. Những đám cỏ mọc lên khắp nơi và có những dấu vết chứng tỏ ít ngày trước đó nước mưa đã ngập khu vườn. Tôi ngồi xuống bờ tường. Chỉ còn có cây cam là vẫn còn đúng với hình ảnh của nó trong trí nhớ của tôi. Tôi ngắm những mô rễ lớn trôi lên khỏi mặt đất. Cây cam đó gợi cho tôi những ký ức gì... ký ức về những giờ mà tôi và chị Nangi, lúc ấy cả hai đều còn nhỏ, đã ngồi với nhau dưới gốc cây. Có đúng là vẫn cái cây đó chẳng? Tôi nhìn ngắm nó một lần nữa. Một hai cành trong số những cành của nó đã chết khô. Có người nào đó đã bảo với tôi rằng nếu thiếu tiếng nói của con người thì cây cối sẽ không có nhiều trái. Tôi đứng dậy và đi ra chỗ má tôi đang làm việc.

– Ai ngờ được là quang cảnh ở đây lại đến nỗi như thế này. Phải mất đến cả tháng mới thu dọn sạch sẽ hết được. Má đã phải dùng chiếc thuổng này để thu dọn bởi má không thể nào chịu nổi cái cảnh bừa bãi nhơm nhếch như thế này, – bà nói với tôi trong lúc tôi đứng đó, im lặng. – Hẳn phải tới gần năm giờ rồi, phải không? Ít ra thì khoảng này coi cũng đã tạm được rồi đấy chứ.

Bà cầm nhấc cái thuổng lên đặt nó vào trong phòng. Bà có vẻ mệt nhọc khi bà trở vào và ngồi xuống bậc thềm phía trước, lau mặt. Tôi ngồi xuống bên cạnh bà và cả hai mẹ con đều giữ im lặng một lát.

– Từ buổi đầu tiên má tới đây cho đến bây giờ, thật đã quá lâu rồi! Lúc bấy giờ mới chỉ có một phòng học này thôi.

Má tôi phá vỡ sự im lặng.

– Đạo ấy chưa có những bức tường này. Sau khi má tới rồi mới có đấy, – bà tiếp tục nói và tôi lắng tai nghe.

– Tao đã bảo người ta xây cái bờ tường này lúc tao đang mang thai chị mày – cái đứa đã chết rồi cơ. Phải mất tới ba năm mới có được những bức tường và những hàng rào này, mới lấp được những đầm lầy ở phía kia. Cái khoảng đất thanh quang phẳng phiu này trước kia là một bãi hoang đầy những bụi cây cao tới đầu người. Ồ, ờ, nơi này bây giờ lại bắt đầu trở thành hoang vu như xưa rồi. Ít bữa trước đây, bức tường này đã bị mưa làm nứt rồi. Trong lúc bà nói chuyện, tôi cảm thấy một nỗi buồn khổ khó mà tả ra bằng lời được. Cái cảnh hoang tàn này há chẳng đang hiện ra trước mắt tôi khi tôi ngắm nhìn những cái cây,

phòng học và những bức tường đó hay sao? Chúng co rúm lại thành một cảnh tiêu sái, cái vẻ khiến cho lòng tôi bồi hồi.

Má tôi lại bắt đầu nói, thỉnh thoảng lại ngừng lời:

– Khi má làm xong công việc này, xây xong cái phòng này và lát xi măng sàn nhà trường thì lúc ấy con mới biết đi lằng xằng chỗ này chỗ nọ. Những dấu chân của con trên sàn xi măng cho tới nay vẫn còn đấy. Một bữa, khi sàn xi măng đang hầy còn ướt, má đưa con đi Galle. Lúc trở về, hai mẹ con đi vòng ra phía cửa sau, mở cửa đó, và con chạy xộc ngay vào phòng học khiến mà không kịp giữ con lại. Những vết chân con vẫn còn đó, rõ hơn bao giờ hết.

Má tôi vừa nói thế vừa đứng dậy tiến tới phía cái cửa phòng học thông sang

phòng bà hiệu trưởng.

– Con thấy không... Những vết chân của con đây này, – má tôi vừa nói vừa chỉ trỏ. – Lúc ấy mà kêu lên: ‘Đừng, đừng có đi vào lối đó con!’ Và đây là những vết chân con lúc con chạy ra.

Bà chỉ cho tôi xem một hàng vết chân khác ngược chiều với hàng trước.

– Các vết chân này sẽ còn mãi đó cho tới khi nào sàn nhà được lát xi măng lại.

Tôi đang cúi xuống để nhìn những vết chân. Chúng khiến cho tôi muốn sờ vào chúng. Tôi cúi hẳn xuống chúng, lấy tay sờ vào chúng. Đây là ngón cái, đây là các ngón khác, đây là gót chân... chúng còn tất cả đó. Tôi quay đầu đi, nhìn vào hai bàn chân tôi. Một nỗi vui sướng kỳ lạ thoáng hiện trong tôi, giống như tôi cảm

thấy mình yêu ai vậy. « Trời Phật ơi, đây là những vết chân của mình! Há chẳng phải những vết chân của mình đó sao! » tôi tự nhủ. Đôi mắt tôi bỗng ướt. Tất cả mọi vật chung quanh tôi hình như tan vào sự âu yếm đang dâng lên, lan tràn ra bủa quanh trái tim tôi.

– Đã tới lúc phải đi rồi. Má muốn đưa cây linh thảo này về trồng ở nhà. Nếu mày có thể lấy nó lên mà không làm hư rễ thì chúng ta có thể mang nó về trồng ở nhà được.

Má tôi vừa nói vậy vừa đứng lên khỏi bực thêm.

– Con sẽ xới nó lên, – tôi nói.

Tôi lấy chiếc thùng kê xới gốc cây, nhắc nó lên khỏi mặt đất nhưng còn để một đám đất bám ở đám rễ. Má tôi dùng

một tàu lá lớn gói cái cây lại và buộc dây chung quanh.

– Thôi chúng mình đi rửa mặt rồi sửa soạn về chứ.

Tôi đi với má tôi xuống phía giếng nước để rửa mặt mũi chân tay. Nước tỏa khắp mặt tôi, rất lạnh... một thứ lạnh khiến cho tôi dịu lại. Tôi úp mặt vào hai lòng bàn tay đầy nước và còn uống nhiều ngụm.

– Mặc dầu nước lạnh nhưng má cũng phải uống một chút trước khi đi mới được, má tôi nói.

Khi tôi đặt lại những khúc tre vào chỗ cũ lúc chúng tôi ra khỏi trường, tôi cảm thấy một nỗi buồn tê tái. Hình như có một cái gì đang rớt khỏi tim tôi — một cái gì mà hẳn là hình ảnh của nó sẽ thoát

ra khỏi tầm mắt của tôi mãi mãi. Lúc này trời chiều đã bàng lảng bóng hoàng hôn.

Chúng tôi lặng lẽ bước đi cho tới lúc chúng tôi vượt ra khỏi giới hạn khu vườn nhà trường và thêm một lần nữa tôi ngoái đầu nhìn lại.

– Đưa má coi cây linh thảo nào.

Cho tới lúc hình bóng ngôi trường đã khuất, má tôi mới cất tiếng nói. Bà cầm lấy cây linh thảo khỏi tay tôi và xem xét nó.

– Cây này tốt lắm. Nó sẽ mọc lên rất đẹp trong vườn trước nhà mình.

Sau khi đã đi hết khúc đường vòng, tôi lại quay đầu ngó lại. Những bức tường cao màu kem của ngôi trường lúc này lại hiện ra thấp thoáng sau đám cây.

Chúng tôi đứng ở góc đường chờ đợi xe hàng mất hơn nửa tiếng đồng hồ. Cuối cùng, khoảng bảy giờ tối thì xe tới. Có một chàng trẻ tuổi khác cùng chờ xe với chúng tôi. Hắn đi Colombo theo ngã đường Baddegama; hắn xách một chiếc va-li, châu xả một đôi giày vải trắng, thứ giày thích hợp cho đàn bà hơn là cho đàn ông. Có một bà già cùng đứng đó với hắn. Qua những lời trò chuyện của họ tôi được biết bà già đó là mẹ hắn và bà ra đây để tiễn con.

– Lúc nào con tới đó thì cứ độ ba, bốn ngày con lại biên thư về nhà đấy nhé, – bà già dặn đi dặn lại.

Gã trẻ tuổi đứng yên một lát không trả lời. Cuối cùng, hắn nói một cách giận dữ:

– Can gì mà phải làm giàu cho nhà Bưu chính chớ. Colombo đâu có phải là một xứ xa xôi như má tưởng tượng đâu. Con sẽ chẳng có nhiều thời giờ rảnh để có thể viết thư luôn được đâu.

Những lời lẽ của hấn khiến tôi mỉm cười. Xe hàng đã tới, và ba chúng tôi leo lên xe.

– Rõ thật là mấy bà già nhà quê lắm cà lăm càm, – gã trẻ tuổi bày tỏ với tôi sự nhận xét đó, sau khi xe hơi đã chuyển bánh – Từ lúc mình ra khỏi nhà, bà không để cho mình được yên lúc nào cả.

Hai ngọn đèn đằng trước xe rất yếu, nên chiếc xe di chuyển chậm chạp. Mặt đường có nhiều ổ gà, và mỗi lần bánh xe nào đó lọt xuống ổ gà chúng tôi lại bị lắc mạnh. Mỗi lần xe lắc thì những chiếc gai ở cây linh thảo lại cho cào chân tôi.

Dần dần, chiếc xe đẩy hành khách. Trong số những hành khách đó có nhiều người mà tôi quen biết. Hai người trong bọn họ, một viên lục sự ở Unanvitiya và một viên chức cảnh sát đã hồi hưu, trò chuyện với tôi.

– Bao giờ thì cậu thi ra trưởng?

Viên lục sự hỏi tôi bằng một giọng kính cẩn.

– Sang năm, tôi nói.

– Rồi cậu sẽ thành bác sĩ. Thật là phước cho chúng tôi, – ông ta nhận định.

– Trong những làng này có nhiều nhà giàu, nhưng không ai có con đỗ đạt cao cả, – ông ta nói.

– Cậu mang theo cái gì vậy? – ông ta chỉ cái cây ở chân tôi. – Một cây linh

thảo, phải vậy không? Lấy cây đó làm gì chứ? Mang theo cái cây tầm thường ấy đi làm gì?

– Vâng, má tôi lấy nó ở Yatalamatta và muốn đưa nó về trồng ở nhà, – tôi nói với cái vẻ cố làm ra hồ hững, uể oải.

Cả hai người quen biết tôi đều xuống ở trạm tiếp đấy. Tôi ngồi dịch vào một góc xe và suy nghĩ. Nếu tôi ở nhà không đi với má tôi thì tôi đã có thể học hành suốt cả một ngày. Cuộc hành trình này đã làm phí cả thời giờ. Lúc này tôi đã có những cử chỉ, những xúc cảm lăm lăm quá! Nghĩ lại những cái lăm lăm đó, óc tôi se thắt lại và tôi mắc cỡ với chính tôi. Rõ thật mình đã có vẻ ngây thơ, lăm lăm quá đi!

Chiếc xe lắc chúng tôi từ bên này sang bên nọ, và cây linh thảo cứ xô vào

bàn chân tôi hoài. Mỗi lần cây đó chạm vào tôi, tôi lại bực bội. Tôi đặt nó vào một góc xe nhưng vì xe lắc, nó lại lăn vào chân tôi.

Chiếc xe dừng lại cho một hành khách xuống. Tôi cầm cái cây lên và thẩm lén liếc nó qua cửa sổ xe, ra thật xa.

Chúng tôi về tới nhà lúc tám giờ ba mươi tối. Đầu tôi bị nhức nên tôi vào phòng tôi, nằm duỗi dài trên giường, tâm trí hoang mang bất định. Tôi có thể nghe tiếng má tôi nói chuyện với Nangi ngoài bàn ăn :

– Cả chỗ đó đã biến thành một cái rừng rậm. Cỏ mọc đầy trong vườn, cái đèn và những bông hoa tao để lại phòng học vẫn còn nằm bừa bãi ở đó, lá rụng, bụi bặm và rác rưởi đầy khắp cả. Nhìn cảnh đó tao muốn khóc. Trời Phật ơi,

trước kia tao đã gìn giữ coi sóc nơi đó
cẩn thận như thế, mà bây giờ nó thế đó!

Tôi giãy giụa trong giường, như
thể tôi đau đớn, và tôi nguyên rủa. Tôi
nguyên rủa chính tôi, nguyên rủa sự giáo
dục thiếu sót của tôi.

Nhưng tiếng nói của má tôi tỏa ra
như thể tiếng nói đó được hòa với cuộc
sống mới.

GUNADASA AMARASEKARA

LÊ HUY OANH dịch

